

tiếp tục hành trình từ sớm mai. Cảnh khởi hành lật đật này là thi cảnh để Nguyễn Du ghi trong bài dưới đây:

李家寨早發
Lý Gia Trại Tảo Phát

曉色何蒼芒
Hiểu sắc hà thương mang
初日隱山腹
Sơ nhật ẩn sơn phúc
路上人既行
Lộ thượng nhân ký hành
枝頭鳥猶宿
Chi đầu điểu do túc
萬古一紅塵
Kỳ trung giai lục lục
其中皆碌碌
犬噬竹拚中
Khuyển phê trúc thôn trung
定有高人室
Định hữu cao nhân ốc.

dịch là:

Sáng Sớm Từ Trại
Nhà Họ Lý Ra Đi

*Sớm mai còn nhọ mặt người
Suồn non mây phủ mặt trời chưa lên
Tiếng chân rộn rã ngõ bên
Trên cành chim chóc ngủ yên cả bày
Đường đời muôn thửa bụi bay
Người người tất tuổi đêm ngày ngược xuôi
Lững cao chó sủa từng hồi
Có nhà ăn sĩ trốn đời nơi đây.*

Sứ bộ lên đường rất sớm, trước khi mặt trời mọc, lúc còn tranh tối tranh sáng chưa nhìn rõ mặt người, tiếng chân bước rộn rạ ngoài ngõ, trước khi chim thực dậy trên cây. Trong cảnh tất tuổi ngược xuôi đó, nghe tiếng chó sủa, ông tưởng tới cảnh thanh nhàn của cao nhân ẩn sĩ mà khát khao mơ ước.

Tiếp theo Nguyễn Du ghi lại thi cảnh của Cửa quan Vũ Thắng khi sứ đoàn vào tới cửa nam thành Hà Nam, trong bài:

武勝關
Vũ Thắng Quan

谷口雄關武勝名
Cốc khẩu hùng quan Vũ Thắng danh
古時此地限蠻荆
Cổ thời thử địa hạn Man Kinh
一丘不設自雄壯
Nhất khâu bất thiết tự hùng tráng
百載承平無戰爭
Bách tải thừa bình vô chiến tranh
半日澍陰隨馬背
Bán nhật thụ âm tùy mã bối
十分秋意到蟬聲

Thập phần thu ý đáo thiên thanh
儻心千里一回首
Thương tâm thiên lý nhất hồi thủ
滿目楚山無限青
Mãn mục Sở sơn vô hạn thanh.

dịch là:

Ái Vũ Thắng

*Cửa quan Vũ Thắng hùng danh
Xưa kia giữ đất Man Kinh lẫy lừng
Chẳng đóng quân vẫn oai hùng
Thái bình một thửa hưởng chung khắp miền
Nửa ngày rờng rã trên yên
Tiếng thu lẫn tiếng ve than nỏ nùng
Bùi ngùi ngàn dặm ngoái trông
Biếc xanh non Sở trùng trùng núi cao.*

Bốn câu đầu tác giả vẫn tắt ghi lại sự tích ải Vũ Thắng, thời Chiến Quốc. Bốn câu sau, tác giả nói tới nổi vất vả ngồi trên yên ngựa nửa ngày trời. Trong lòng buồn buồn vì nghe tiếng thu lẫn tiếng ve. Hai câu kết ít nhiều nhắc tới, một lần nữa ý thơ trong hai câu kết bài Hoàng Hạc lâu của Thôi Hiệu.

Qua ải Thắng Quan, sừ bộ vào tới đất huyện Tín Dương, Nguyễn Du ghi lại thi cảnh Tín Dương trong bài:

信陽即事

Tín Dương Tức Sự

河南首信陽
Hà Nam thủ Tín Dương
天下此中央
Thiên hạ thử trung ương
片石存申國
Phiến thạch tồn Thân quốc
重山限楚疆
Trùng sơn hạn Sở cương
馬鳴思飼食末
Mã minh tư tư mạt
民食半枇糠
Dân thực bán tì khương
白髮秋何限
Bạch phát thu hà hạn
西風遍異鄉
Tây phong biến dị hương.

dịch là:

Tín Dương Tức Sự

*Tín Dương đầu cõi Hà Nam
Nơi đây thiên hạ trung tâm hằng đồn
Đá ghi Thân Quốc chưa mòn
Cõi bờ nước Sở núi non bạt ngàn
Lúa ngon ngựa hí đời ăn
Bát cơm độn tấm người dân lót lòng
Tóc sương thu tứ mệnh mông
Gió tây xào xạc tha hương thu về.*

Cũng như trong nhiều bài trước, bốn câu đầu bài Tín Dương, Nguyễn Du cũng nhắc lại cố sử của thành Tín Dương. Thời nhà Chu, Hà Nam được coi là Trung Tâm thiên hạ. Nước Thân là một nước nhỏ do nhà Chu lập ra để phong cho con cháu Bá Di, Thúc Tề.

Bốn câu tiếp, Nguyễn Du ghi lại sự chênh lệch trong đời sống hàng ngày tại Trung Quốc thời đó: ngựa nuôi bằng lúa ngon, dân ăn cơm độn tằm. Trong hai câu kết ông tự thương mình đầu đã bạc, gió tây thổi, thu về, thân còn trên đất khách.

Hai câu kết trên đây, là hứng thơ của Nguyễn Du trong bài tử tuyệt tiếp theo:

偶興

Ngẫu Hứng

信陽城上動悲笳
Tín Dương thành thương động bi già
秋滿河南百姓家
Thu mãn Hà Nam bách tính gia
萬里鄉心回首處
Vạn lý hương tâm hồi thủ xứ
白雲南下不勝
Bạch vân thẳng hạ bất thắng đa.

dịch là:

Ngẫu Hứng

Tiếng kèn ảo não Tín Dương
Hà Nam trù mật bốn phương thu về
Dặm ngàn ngoái lại nhớ quê
Ùn ùn mây trắng bọn bề miệt nam.

Chữ bạch vân trong câu thứ tư đưa người đọc thơ Nguyễn Du về câu:

白雲千載空悠悠
Bạch vân thiên tải không du du

trong bài Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu.

Người đọc thơ tự hỏi: phải chăng Thôi Hiệu là tri kỷ của Nguyễn Du qua mối tình quê, Thôi Hiệu thành người bạn đường an ủi chia sẻ nỗi nhớ quê với Nguyễn Du?

Lên tới phía bắc thành Tín Dương, sử bộ qua sông Hoài, Nguyễn Du viết bài:

渡淮有感淮陰侯

Độ Hoài Hữu Cảm Hoài Âm Hầu

尋常一飯報千金
Tầm thường nhất phạn báo thiên kim
五載君臣分誼深
Ngũ tải quân thần phân nghị thâm
推食解衣難背德
Thôi thực giải y nam bối đức
藏弓烹狗亦甘心
Tàng cung phanh cẩu diệc cam tâm
百蠻溪峒留苗裔
Bách man Khê đông lưu miêu duệ
兩漢山河變古今
Lưỡng Hán sơn hà biến cổ kim
惆悵江頭思往事
Tru trưởng giang đầu tư vãng sự
斷雲衰草滿淮陰

Đoạn văn suy thảo mãn Hoài Âm.

dịch là:

Qua Sông Hoài Nhớ Hoài Âm Hầu

*Bát cơm ân nghĩa vàng ngàn
Vua tôi tình nặng nam năm sâu bền
Sẻ cơm nhường áo chưa quên
Treo cung giết chó đảo điên trò đời
Man Khê nối dõi còn người
Riêng hai đời Hán đối đời bao phen
Qua sông truyện cũ tranh niêm
Hoài Âm cỏ áo mây đen mịt mù.*

Giới nghiên cứu cho biết Hoài Âm Hầu là Hàn Tín, người đời Hán, người đất Hoài Âm, vốn là tướng của Hạng Vũ. Sau nhờ Tiêu Hà tiến cử, được Lưu Bang dùng làm tướng. Hàn Tín lập nhiều công trạng, được vua Hán Cao Tổ liệt vào hàng công thần. Được pjong Tề Vương rồi Sở Vương. Rồi bị cáo là có ý làm phản. Hán Cao Tổ gọi về, giáng làm Hoài Âm Hầu. Sau cùng bị lã Hậu giết cả ba họ.

Câu thứ nhất bài Độ Hoài Hữu Cảm Hoài Âm Hầu, Nguyễn Du nhắc lại truyện Hàn Tín, thừa còn hàn vi, nghèo đói, được Phiếu Mẫu cho ăn một bữa cơm. Khi làm Sở Vương Hàn Tín trả ơn bà Phiếu Mẫu ngàn vàng. Ba câu tiếp theo vánhắc lại ân tình giữa Hán Vương và Hàn Tín thì đại sự chưa thành thì được vua nhường cơm sẻ áo, khi vua lên ngôi thì treo cung phanh chó. Câu thứ năm nhắc lại thoại Tiêu Hà và Khoái Triệt, hai người bạn của Hàn Tín giấu được một nạng hầu của Hàn Tín, lúc đó đang có mang, nên mặc dầu bị án cho di ba họ, Hàn Tín cũng không bị tuyệt tự. Trái lại, câu thứ sáu cho hay là sau hai triều Đông Hán và Tây Hán, núi sông nhà Hán không còn tồn tại được với thời gian. Hai câu kết cho hay tác giả trên bến sông, ngẫm thế sự mà thương cho Hoài Âm Hầu.

Mối tư duy của Nguyễn Du về tương quan giữa vua và công thần còn là thi hứng của ông trong bài kế tiếp:

渡淮有感文丞相 Độ Hoài Hữu Cảm Văn Thừa Tướng

山河風景尚依然
Sơn hà phong cảnh thượng y nhiên
丞相孤忠萬古傳
Thừa tướng cô trung vạn cổ truyền
一渡淮河非故宇
Nhất độ Hoài Hà phi cố vũ
重來江左更何年
Trùng lai Giang Tả cánh hà niên
哀哀觸處鳴金石
Ai ai trung xúc xứ minh kim thạch
怨血歸時化杜鵑
Oán huyết quy thời hóa đồ quyên
南北只今無異俗
Nam bắc chí kim vô dị tục
夕陽無限往來船
Tịch dương vô hạn vãng lai thuyền.

dịch là:

Qua Sông Hoài Nhớ Văn Thừa Tướng

*Núi sông cảnh cũ y nguyên
Cô trung thừa tướng còn truyền ngàn thu*

Qua Hoài Hà sa lưới thù
Ngày về Giang Tả mịt mù khôn hay
Xót thương vàng đá giải bày
Tiếng quyên hồn oán đắng cay âm thầm
Hội nay một mối Bắc Nam
Chiều tà muôn vạn cánh buồm ngược xuôi.

Văn thừa tướng tức Văn Thiên Tường (1236-1282) hiệu Văn Sơn, người đời Tống. Khi quân nhà Nguyên đánh xuống miền nam, ông khởi binh kháng cự, được phong chức Hữu Thù tướng. Năm 1278 ông bị quân Nguyên bắt giải về Bắc Kinh, giam ba năm, không chịu khuất phục nên bị giết. Ông để lại Văn Sơn tiên Sinh Toàn Tập lưu truyền tới nay.

Thoại kể rằng trong thời gian bị giam tại Yên Kinh, ông nghiền ngẫm thơ Đỗ Phủ và nói: ‘Phàm tôi muốn nói điều gì thì Đỗ Tử Mỹ đã nói thay tôi rồi.’ Có người cho vì thế mà Nguyễn Du, vốn cũng trọng thơ Đỗ Phủ, nên có cảm tình tri kỷ với Văn Sơn.

Hoài Hà là khúc sông nằm trong đất hai tỉnh Giang Tô và An Huy, và là ranh giới giữa quân nhà Kim với quân Nam Tống. Từ Hoài Hà trở lên phía Bắc, khi đó thuộc về nhà Kim. Giang Tả là phần đất ở phía tả ngạn sông Trường Giang, thời đó là đất nhà Tống.

Hai câu kết, Nguyễn Du nói là nay bắc nam đã về một mối, thuyền bè qua lại trên sông nhộn nhịp trong bóng chiều.

Qua sông Hoài, sứ bộ vào đất Hà Nam, gặp kỳ nắng to. Nguyễn Du ghi lại hình ảnh đoạn đường này như sau:

河南道中酷暑
Hà Nam Đạo Trung Khốc Thử

河南秋八月
Hà Nam thu bát nguyệt
殘暑未消融
Tàn thử vị tiêu dung
路出涼風外
Lộ xuất lương phong ngoại
人行烈日中
Nhân hành liệt nhật trung
途長嘶倦馬
Đồ trường tê quyện mã
目斷滅歸鴻
Mục đoạn diệt quy hồng
何處推車漢
Hà xứ thôi xa hán
相看碌碌同
Tương khan lục lục đồng.

dịch là:

*Nắng Gắt Trên Đường Hà Nam
Tiết thu tháng tám Hà Nam
Nóng tan mà vẫn khốc tàn nấu nung
Ra đường đứng gió nóng hung
Người đi nắng đốt bùng bùng như rang
Đường dài ngựa mệt hí vang
Trông với cánh nhạn biệt tâm chưa về
Người xứ nào hỏi phu xe
Nhìn nhau vất vả đôi bề như nhau.*

Bốn câu đầu Nguyễn Du ghi lại cái nóng thiêu đốt vào tháng tám tại Hà Nam, ra ngoài đường cũng không thấy gió, đi ngoài nắng thì nóng như thiêu đốt. Bốn câu sau Nguyễn Du ghi lại sinh hoạt của sứ bộ. Đường dài ngựa mệt hí vang. Trông thư không thấy đến,

tác giả phải gọi truyền làm bạn với người đánh xe. Hai người nhìn nhau chia xẻ nỗi vất vả cùng nhau.

Sử bộ vào tới thành Hứa Đô, kinh đô của nhà Ngụy đời Tam Quốc. Nguyễn Du viết bài thơ dài hai mươi bốn câu như sau:

舊許都 Cựu Hứa Đô

許州城漢帝都
Hứa Châu thành Hán đế đô
曹氏于此移漢圖
Tào thị vu thử di Hán đồ
受禪臺基已不見
受禪臺基已不見
Thụ thiên đài cơ dĩ bất kiến
風雨夜夜猶號呼
Phong vũ dạ dạ do hào hô
自古得國當以正
自古得國當以正
⁵Tự cổ đắc quốc đương dĩ chính
奈何悔寡而欺孤
奈 hà vu quả nhi khi cô
魏受漢禪晉受魏
Ngụy thụ Hán thiên Tấn thụ Ngụy
前後所出如一途
Tiền hậu sở xuất như nhất đồ
魏亡晉續更朝代
Ngũ vong Tấn tục canh thời đại
自此迄今幾千載
自此迄今幾千載
¹⁰Tự thử hất kim kỷ thiên tải
其中興廢知幾人
Kỳ trung hưng phế tri kỷ nhân
峨峨城堞何曾改
峨峨城堞何曾改
Nga nga thành điệp hà tăng cải
城外青山似舊時
Thành ngoại thanh sơn tự cựu thì
奸雄篡竊人何在
 Gian hùng soát thiết nhân hà tại
漢人宗廟已無蹤
¹⁵Hán nhân tôn miếu dĩ vô tung
魏人園陵亦頽敗
Ngụy nhân viên lăng diệc đồi bại
蕩蕩城中一片土
Đãng đãng thành trung nhất phiến thổ
亭午市人趨賣買
Đình ngo thị nhân xu mai mãi
惟有建安二十五年事
Duy hữu Kiến An nhị thập ngũ niên sự
人口成碑終不壞
²⁰Nhân khẩu thành bì chung bất hoại
遠來使我多沉吟
Viễn lai sử ngã đa trầm ngâm
遺臭留芳皆古今
Di xú lưu phương giai cổ kim
突兀名城當大道
Đột ngột danh thành đương đại đạo
巨奸到此應寒心
Cự gian đáo thử ưng hàn tâm.

dịch là:

Hứa Đô Xưa

Hứa Châu vua Hán thiên đô
Họ Tào lật đổ cơ đồ lên thay
Đài Thụ Thiện chốn nào đây
Đêm đêm gió lộng mưa bay ào ào
⁵Dựng nên nước cần nghĩa cao
Con cô vợ góa lẽ đâu đối lờng
Hán Ngụy Tần âu một tưởng
Trước sau sau trước một đường đổi thay
Từ ngày Ngụy đổ Tấn thay
¹⁰Ngàn năm suy thịnh tứ nay đổi đời
Phè hưng lên xuống bao người
Thành xưa lũy cổ đời đời vẫn nguyên
Non xanh núi biếc thành bên
Gian hùng thoán đoạt há bền được sao
¹⁵Miếu đường đời Hán nơi nao
Ngụy triều lảng tẩm cũng đâu có còn
Trong thành nền cũ đá mòn
Người về họp chợ bán buôn xa gần
Năm hăm lăm triều Kiến An
²⁰Truyện ghi bia miệng còn đồn ngàn năm
Khách từ xa đến trầm ngâm
Xưa nay tiếng xấu danh thơm lẽ thường
Thành cao sừng sững bên đường
Ốn lòng mấy kẻ gian hùng qua đây.

Nguyễn Du dùng nhiều tích lấy từ sách Tam Quốc Chí.

Hứa Đô, thuộc huyện Hứa Xương, tỉnh Hà Nam. Cuối đời Đông Hán, Tào Tháo lấy cơ là kinh đô Lạc Dương đổ nát, lừa hoàng thái hậu, vợ vua Linh Đế và tân vương Hiến Đế thiên đô ra đó. Lại cho xây đài Thụ Thiện để làm nơi hành lễ truyền ngôi.

Năm Kiến An hai mươi lăm, con Tào Tháo, là Tào Phi ép Hán Hiến Đế nhường ngôi dựng lên nhà Ngụy.

Truyện đó, lập lại khi tướng Tư Mã Viêm, con của Tư Mã Ý, tướng nhà Ngụy, ép con của Tào Phi là Ngụy Nguyên Đế truyền ngôi, lập ra nhà Tấn.

Nguyễn Du suy ngẫm về truyện thay đổi triều đại, trong vòng vài chục năm, ông đối chiếu cái vô thường của triều chính với cái bền vững của bức thành cổ và rặng núi xanh ngoài thành, mà thương hại cho những kẻ gian hùng mưu đồ việc thoán đoạt.

Sứ bộ đi ngang mộ Âu Dương Tu, một trong bát đại danh gia, và Nguyễn Du viết thành bài:

歐陽文忠公墓

Âu Dương Văn Trung Công Mộ

五尺豐碑立道傍
Ngũ xích phong bi lập đạo bàng
宋朝古墓記歐陽
Tống triều cổ mộ ký Âu Dương
平生直道無遺憾
Bình sinh trực đạo vô di hám
千古重泉尚有香
Thiên cổ trùng tuyên thương hữu hương
秋草一丘藏鼠貉
Thu thảo nhất khâu tàng thử hạc
名家八大擅文章
Danh gia bát đại thiện văn chương

長松芝草生何處
Trường tùng chi thảo sinh hà xứ
樵牧歌吟過夕陽
Tiều mục ca ngâm quá tịch dương.

dịch là:

Mộ Âu Dương Văn Trung
Bia mòn năm thước bên đường
Tổng triều mộ cổ Âu Dương danh đề
Suốt đời giữ đạo vẹn bề
Suối vàng muôn kiếp chẳng hề phai hương
Nắm cỏ thu tổ cáo chồn
Văn chương bát đại danh tôn ngàn đời
Cỏ chi tùng bách đâu rồi
Tiếng ca tiều mục chơi với bóng chiều.

Theo giới nghiên cứu, Âu Dương Văn Trung, tự là Vĩnh Thúc, người đời Tống, 24 tuổi đậu tiến sĩ, nhưng hoạn lộ lên xuống nhiều lần, ngược lại trên đường văn học ông được tôn vinh vào hàng danh gia bát đại dưới hai triều Đường Tống. Nguyễn Du đi qua mộ ông, thấy tấm bia đã mòn, nắm mồ gai cỏ thành tổ cáo chồn, tùng bách chẳng thấy đâu. Ông ngậm ngùi thương người tài giỏi danh cao rồi đã về nơi suối vàng. Tiếng hát của tiều phu, trẻ chăn trâu vẳng bên tai ông.

Sau mộ Âu Dương Tu, Nguyễn Du đi qua mộ Bùi Tấn Công, tức Bùi Độ, người đời Đường. Làm quan trong ba mươi năm, hết làm tướng văn lại làm tướng võ, lên tới chức tể tướng dưới triều vua Đường Hiến Tông (806-820), nhưng rồi ông kịp xin về hưu ngậm vịnh cùng các nhà thơ đương thời như Bạch Cư Dị, Lưu Vũ Tích.

Bùi Độ được coi là người xuất xử đúng thời đúng thế khiến người đời sau khâm phục, dẫu rằng tướng mạo ông rất tầm thường.

裴晉公墓
Bùi Tấn Công Mộ

蕩蕩秋原丘隴平
Đãng đãng thu nguyên khâu lũng bình
墓碑猶誌晉公名
Mộ bi do chí Tấn công danh
丹心一點留今古
Đan tâm nhất điểm lưu kim cổ
白骨千年隔死生
Bạch cốt thiên niên cách tử sinh
儘有猷為優將相
Tấn hữu du vi ưu tướng tướng
無妨形貌厭丹青
Vô phương hình mạo yếm đan thanh
愴心近日昭陵樹
Thương tâm cận nhật Chiêu Lăng thụ
一帶啼鶻徹渭城
Nhất đại đề quyên triệt vị thành

dịch là:

Mộ Bùi Tấn Công
Đầu thu gò đồng đồng không
Bên đường ghi mộ Tấn Công bia mòn
Lưu danh thiên cổ lòng son

*Xương tàn gấn cách chết còn đôi nơi
Tướng vẫn tướng võ hơn đời
Tâm thường hình mạo tâm người vẽ sao
Chiêu Lăng ruột sót như cào
Vị Thành khắc khoải ghen ngào tiếng quyên*

Hai câu đầu, Nguyễn Du ghi lại cảnh đồng không gò đống bên đường chỗ có bia mộ Bùi Tấn Công, Dầu sống chết đôi nơi ông hết lòng tôn kính Bùi Công. Hai câu năm và sáu ông nhắc lại câu Bùi Độ ghi trên bức truyền thần đại ý nói tướng mạo tâm thương sao lại được làm tướng văn tướng võ? Phải chăng chỉ tại cái tâm linh thiêng không ai vẽ được.

Trong hai câu kết, Chiêu Lăng là tên lăng vua Đường Thái Tông ở Thiểm Tây, cách đó không xa có một khu táng các văn thần võ tướng có công lớn với triều đình. Vị Thành là tên một thành cổ ở huyện Tràn An, tỉnh Thiểm Tây.

Giới nghiên cứu thắc mắc vì mộ Bùi Độ không ở trên lộ trình của Nguyễn Du và đặt câu hỏi phải chăng vì Nguyễn Du ngưỡng mộ Bùi Độ mà khởi hứng viết bài thơ này?

Sứ bộ tới sông Hoàng Hà. Cảnh trời nước của dòng sông, những hình ảnh đã đi vào thi ca Trung Quốc, khởi hứng cho Nguyễn Du viết bài:

黃河 Hoàng Hà

一氣茫茫混沌前
Nhất khí mang mang hỗn độn tiền
其來無際至無邊
Kỳ lai vô tế chí vô biên
天潢巨派九千里
Thiên Hoảng cự phái cửu thiên lý
聖主休期五百年
Thánh chủ hưu kỳ ngũ bách niên
懷古未皆忘夏禹
Hoài cổ vị giai vong Hạ Vũ
至今誰復羨張騫
Chí kim thùy phục tiên Trương Khiên
秋中可有浮槎過
Thu trung khả hữu phù tra quá
我欲乘之再上天
Ngã dục thừa chi tái thượng thiên
Ngã dục thừa chi tái thượng thiên.

dịch là:

Hoàng Hà
*Hỗn mang trời đất một bầu
Từ đâu chảy tới về đâu chẳng tường
Thiên Hoảng chín ngàn dặm trường
Năm trăm năm ứng thánh vương giáng trần
Công ơn Hạ Vũ khó quên
Thời nay theo gót Trương Khiên mấy người
Thu nay tiện có bè xuôi
Ta mong thử ngược lên trời một phen.*

Hoàng Hà là con sông lớn tại Trung Quốc, phát nguyên từ Thanh Hải, chảy qua các tỉnh Cam Túc, Ninh Hạ, Tuy Viễn, Thiểm Tây, Sơn Tây, Hà Nam Hà Bắc, Sơn Đông ra biển Đông.

Câu mở bài, Nguyễn Du dùng hình ảnh ban đầu của vũ trụ: tất cả chỉ là một bầu khí gọi là hỗn mang. Câu thứ hai là hình ảnh sông Hoàng Hà trong thần thoại Trung Quốc: sông khởi nguồn từ trên trời. Lý Bạch cũng dùng hình ảnh này mở đầu bài Tương Tiến Tửu

君不見黃河之水天上來
Quân bất kiến Hoàng Hà chi thủy thiên thượng lai
奔留到海不復回
bôn lưu đáo hải bất phục hồi.

Con sông dài chín ngàn dặm này, nước đầy phù sa nên gọi là Hoàng Hà. Cứ năm trăm năm nước lại trong một lần đó là điểm báo có vua sáng ra đời.

Từ cổ xưa vua Vũ nhà Hạ dạy dân tháo nước tránh lụt, dân còn ơn tới ngày nay. Nhưng ngày nay chẳng còn mấy ai nhớ tích người Trương Khiên dùng bè ngược sông Hoàng Hà du thuyết lập bang giao các nước miền Tây Bắc Trung Quốc. Thế nên về sau chiếc bè Trương Khiên là hình ảnh những chiếc thuyền của sứ đoàn.

Trong hai câu kết, Nguyễn Du đang ở trên một chiếc bè Trương Khiên xuôi dòng sông Hoàng Hà. Ông tưởng tượng đến ngày ngược dòng sông này về nước, sung sướng khác gì ngược dòng Hoàng Hà lên trời.

Hành trình của sứ bộ lại bị trở ngại vì nước lũ sông Hoàng Hà làm nghẽn đường. Nguyễn Du ghi lại truyện này trong bài:

黃河阻滯
Hoàng Hà Trở Lại

龍門西上赤雲浮
Long Môn tây thượng xích vân phù
傾盡崑崙一片秋
Khuyh tận Côn Lôn nhất phiến thu
百里散流無定派
Bách lý tán lưu vô định phái
一波轟起便成州
Một sóng sấm khởi thành châu
Nhất ba súc khởi tiên thành châu
麥糕土狗難為食
Mạch cao thổ cẩu nan vi thực
落額漂萍失自謀
Lạc mạch phiêu bình thất tự mưu
剩有閒心無罌磔
Thặng hữu nhàn tâm vô quái ngại
不妨終日對浮鷗
Bất phương chung nhật đối phù âu.

dịch là:

**Nước Lụt Sông Hoàng Hà
Làm Trở Ngại**

Long Môn mây đỏ miệt đoàn
Côn Lôn trời xuy mé ngoài mưa giăng
Mênh mông trăm dặm nước dâng
Sóng phun bọt trắng ngập bãi ngoài
Bánh khô thịt người khó nhai
Bèo trôi cánh gậy rủi may tại trời
Lòng không quản ngại thành thơ
Suốt ngày nhim cánh chim trời làm vui.

Thêm một lần nữa nước lũ làm trở ngại hành trình của sứ đoàn. cũng như những lần trước, trong bốn câu đầu Nguyễn Du ghi lại những hình ảnh đe dọa mạng sống của sứ đoàn. Ngay cả truyện ẩm thực của sứ bộ cũng bị thời tiết xấu làm cho khó nuốt. Có một điểm đáng chú ý, đó là Nguyễn Du, vẫn như trong những lần gặp trở ngại trên sông Minh Ninh, thấy thân phận mong manh của con người, nhưng lần này ông phó mặc cho may rủi của số mệnh, để rồi ông cảm thấy lòng dạ thanh thản, nhìn cánh chim trời làm vui.

Qua khúc đường bị trở ngại, sứ bộ đi ngang qua mộ Tỷ Can. Nhân dịp này Nguyễn Du ghi

lại nhưng điều ông suy tư về nỗi nguy hiểm trên đường thờ vua, với hình ảnh của vua Trụ, ông vua cuối cùng của nhà Thương.

比干墓
Tỷ Can Mộ

遯狂君子各全身
Độn cuồng quân tử các toàn thân
八百諸侯會孟津
Bát bách chư hầu hội Mạnh Tân
七竅有心安避剖
Thất khiếu hữu tâm an tỵ phẫu
一丘遺殖盡成人
Một đồi di thực tận thành nhân
Nhất khâu di thực tận thành nhân
目中所觸能無戾
Mục trung sở xúc năng vô lệ
地下同遊可有人
Địa hạ đồng du khả hữu nhân
Địa hạ đồng du khả hữu nhân
慚愧貪生魏田舍
Tàm quý tham sinh Ngụy điền xá
忠良胡亂疆相分
Trung lương hồ loạn cương tương phân.
Trung lương hồ loạn cương tương phân.

dịch là:

Mộ Tỷ Can

*Giả điên bỏ trốn toàn thân
Tám trăm nước hội Mạnh Tân tâm đầu
Tim bảy lỗ mổ chẳng nao
Thành nhân cây cối một khâu hã còn
Mắt nhìn lệ rỏ rờn rờn
Suối vàng bạn hữu những mong xum vầy
Quê mùa lão Ngụy hổ thay
Trung lương phân biệt chệ bai làm gì.*

Trong câu thứ nhất, Nguyễn Du nhắc tới truyện Vi Tử, anh của vua Trụ phải đi trốn để tránh sự bạo ngược của vua và truyện Cơ Tử, hàng chú bác của vua Trụ phải giả điên để giữ thân. Câu thứ hai gợi lại truyện Chu Vũ Vương nhà Chu họp quân tám trăm nước chư hầu để diệt Trụ. Câu thứ ba là truyện Tỷ Can, can vua Trụ suốt ba ngày, khiến vua Trụ nổi giận nói: ‘ta nghe nói tim thánh nhân có bảy lỗ...’ bèn mổ ngực tỷ Can moi tim ra xem. Câu thứ tư là lời sách Luận Ngữ: ‘hữu sát thân dĩ thành nhân’ nghĩa là: có kẻ hy sinh thân mình để đặt được chữ nhân. Phải chăng trích dẫn này giúp người đọc hiểu hành động liều thân của Tỷ Can? Hai câu tiếp ông cho hay là ông bị súc động nhưng không nhỏ lệ, và ở trần gian này chắc có người tri kỷ với ông. Hai câu kết ông nhắc lại truyện Ngụy Trưng người thời Đường, có thói nói thẳng can vua, và sau lưng ông, vua gọi ông là lão quê mùa, và sau hết là truyện Ngụy Trưng, chia quần thần thành hai loại: trung thần người hết lòng can vua mà bỏ mạng, và lương thần là nhưng quan giỏi. Nguyễn Du dường như không đồng ý với Ngụy Trưng.

Sau vụ nghênh đường vì nước lụt sông Hoàng Hà, một lần nữa hành trình của sứ bộ lại bị gián đoạn, không vì thời tiết mà vì nạn đao binh. Nguyễn Du ghi lại biến cố này trong bài thơ dài:

阻兵行
Trở Binh Hành
金鑲鑲鐵錚錚

Kim tương tương thiết tranh tranh

車馬馳驟雞犬鳴
 Xa mã tri sên kê khuyển minh
 小戶不閉大戶閉
 Tiểu hộ bất bế đại hộ bế
 扶老孺幼移入城
 Phù lão huè ấu di nhập thành
 本地六月至九月
 5 Bản địa lục nguyệt chí cửu nguyệt
 滑濟二縣齊稱兵
 Hoạt Tuấn nhị huyện tề xưng binh
 賊殺官吏十八九
 Tặc sát quan lại thập bát cửu
 滿城西風吹血腥
 Mãn thành tây phong xuy huyết tinh
 更有山東直隸遙相應
 Cánh hữu Sơn Đông Trực Lê dao tương ứng
 白蓮異術多神靈
 10 Bạch Liên dị thuật đa thần linh
 州官聞賊至
 Châu quan văn tặc chí
 挑燈終夜籍民丁
 Khiêu đăng chung da tịch dân đình
 州弁聞賊至
 Châu biên văn tặc chí
 磨礪刀劍戛戛鳴
 Ma lệ đao kiếm kiết kiết minh
 州人聞賊至
 15 Châu nhân văn tặc chí
 三三五五交頭細語聲啾啾
 Tam tam ngũ ngũ giai đầu tế ngữ thanh y anh
 行人遠來不解事
 Hành nhân viên lai bất giải sự
 但聞城外進退皆炮聲
 Dẫn văn thành ngoại tiến thoái giai pháo thanh
 河南一路皆振動
 Hà Nam nhất lộ giai chấn động
 羽檄急發如飛星
 20 Vũ hịch cấp phát như phi tinh
 滾滾塵埃蔽天日
 Cồn cồn trần ai tế thiên nhật
 步騎一縱復一橫
 Bộ kỵ nhất tung phục nhất hoành
 騎者彎角弓
 Kỵ giả loan giác cung
 長箭滿壺白羽翎
 Trường tiễn mãn hồ bạch vũ linh
 步者肩短槩
 25 Bộ giả kiên đoản sáo
 新磨鐵刃懸朱纓
 Tân ma thiết nhậm huyền chu anh
 又有新點丁壯之兵器
 Hựu hữu tân điểm đình tráng chi binh khí
 削竹為鎗皮上青
 Tước trúc vị thương bì thượng thanh
 大車載弓繳
 Đại xa tải cung chước
 大車載弓繳

小車裝尖釘

³⁰Tiểu xa trang tiêm đinh
終日往來無暫停
Chung nhật vãng lai vô tạm đình
數百里地遍戈甲
Số bách lý địa biến qua giáp
道路壅塞無人行
Đạo lộ ủng tắc vô nhân hành
長宋長嘆短宋默
Trường tống trường thán đoản tống mặc
進退維谷難為情
³⁵Tiến thoái duy cốc nan vị tình
昨日黃河水大至
Tạc nhật Hoàng Hà thủy đại chí
五日無食棲沙汀
Ngũ nhật vô thực thê sa đình
今日衛州阻盜賊
Kim nhật Vệ Châu trở đạo tặc
安得風車日萬里
⁴⁰An đắc phong xa nhật vạn lý
飛身一息來天京
Phi thân nhất tức lai thiên kinh
吾聞內顧頻年苦荒草
Ngô văn nội cố tần niên khổ hoang thảo
只有春作無秋成
Chỉ hữu xuân tác vô thu thành
湖南河南久無雨
Hồ Nam Hà Nam cửu vô vũ
Hò Nam Hà Nam cửu vô vũ
自春徂秋田不耕
⁴⁵Tự xuân tồ thu điền bất canh
大南小女頻饑色
Đại nam tiểu nữ tần cơ sắc
糠粃為食藜為羹
Khang bì vi thực lê vi canh
眼見饑孍當道
Nhãn kiến cơ phu tử dương đạo
懷中棗子身邊傾
Hoài trung táo tử thân biên khuynh
空屋壁上有查字
⁵⁰Không ốc bích thương hữu tra tự
數百餘戶皆饑零
Số bách dư bộ giai cơ linh
小民不忍寒且饑
Tiểu dân bất nhẫn hàn thả cơ
苟圖飽煖身為輕
Cẩu đồ bão úc thân vi khinh
潢池弄甲不足道
Hoàng trì lông giáp bất túc đạo
稍加存恤當自平
⁵⁵Sảo gia tồn tuất đương tự bình
民死在歲不在我
Dân tử tai tuế bất tại ngã
勿得欺心蔽聖明
Vật đắc khi tâm tế thánh minh
昨見新鄭城中粘榜示
Tạc kiến Tân Trịnh thành trung niêm bảng thị

按戶給蘇殘氓
 Ân hộ cấp túc to tàn manh
 黃河以北麥又熟
⁶⁰Hoàng Hà dĩ bắc manh hựu thực
 百日而輩妻子皆得生
 Bách nhật nhi bối thê tử giai đắc sinh
 歸來歸往勿作死
 Quy lai quy vãng vật tác tử
 撫臣惠保如父兄
 Phủ thần huệ bảo như phụ huynh.

dịch là:

Bài Hành Binh Biển Nghẽn Đường
*Xổn xang vàng sắt bốn bề
 Gà kêu chó sủa ngựa xe ồn ào
 Giàu giữ của khó giữ đầu
 Dìu già dắt trẻ kéo nhau vào thành
⁵Hai vùng Hoạt Tuấn lửa binh
 Kể từ tháng sáu đã linh trăm ngày
 Mười quan giặc giết còn hai
 Đầy thành vấy máu gió tây tanh nồng
 Lại thêm Trục Lệ Sơn Đông*
¹⁰Bạch Liên hoá vũ hồ phong hoành hành
 Quan châu nghe giặc đến thành
 Suốt đêm kiểm số trướng đình bên đền
 Võ quan nghe giặc tiến gần
 Mài gương mài giáo cắt quân canh phòng
¹⁵Dân châu nghe giặc sờn lòng
 Tốp năm tốp bảy thì thềm nhỏ to
 Khách đường xa khó thăm dò
 Ngoài thành súng nổ dẫn đo tiến lùi
 Hà Nam náo động khắp nơi
²⁰Hịch lòng hỏa tốc ngang trời như bay
 Mờ trời bụi cuốn cát lầy
 Bộ ngang kỵ dọc đêm ngày chuyển quân
 Kỵ binh sừng cứng làm cung
 Tên dài đuôi trắng bên lưng ống đờ
²⁵Bộ binh giáo ngắn vác vai
 Tua bay đỏ rực lưỡi mài sáng xanh
 Lại thêm lớp lớp trướng đình
 Chặt tre làm gậy võ xanh hầy còn
 Dây cung xe lớn một đoàn
³⁰Bàn chông nhọn hoắt xe con chất đầy
 Ngược xuôi di chuyển suốt ngày
 Dàn quân trăm dặm trong ngoài nơi nơi
 Đường quan nghẽn giặc vắng người
 Gần xa đưa tiễn bụi ngùi khóc than
³⁵Tiến lùi trắc trở khó khăn
 Sánh kỳ nghẽn lụt sông Hoàng mới đây
 Bãi sông nhịn đói năm ngày
 Vệ Châu nghẽn giặc chuyển này lo hơn
 Đường trước mặt bao giờ yên
⁴⁰Ước xe mọc cánh tới liền Thiên Kinh
 Nghe tin nội địa hiện tình
 Có cây mắt gạt trời hành mấy năm
 Từ Hồ Nam tới Hà Nam

Xuân thu hạn hán điều tàn khổ dân
⁴⁵Gái trai lớn nhỏ đói nhăn
 Sống bằng củ chuối cỏ cần bẫy nay
 Bên đường chết đói nằm đầy
 Da nhăn hạt táo thân gầy dơ xương
 Nhà hoang chữ 'xét' trên tường
⁵⁰Vài ba trăm hộ kiếm đường bỏ đi
 Dân đen đói rét phải khi
 Chỉ cầu no bụng xá gì đến thân
 Khiến tìm binh khí liều thân
 Thương dân tìm kế yên dân lâu dài
⁵⁵Hạn tại trời chẳng tại ai
 Nói vầy đối chúa nào hay đối mình
 Hôm qua bằng yết cửa thành
 Theo hộ phát gạo dân lành yên tâm
 Vụ mùa lúa sắp được ăn
⁶⁰Nội trăm ngày nữa bình an mọi bề
 Giữ lấy thân sớm quay về
 Vợ chờ con đợi sớm về là hơn
 Phủ thần phủ dụ ban ơn.

Bài hành này, một lần nữa cho người đọc thấy nỗi nguy hiểm của việc đi sứ, lần này không phải do thiên tai mà do loạn lạc. Cảnh hạn hán dân làm loạn mà Nguyễn Du ghi lại tường tận trong bài khiến người đọc liên tưởng đến nhiều áng thơ dài của Đỗ Phủ cùng một đề tài. Tác giả dường như không nói tới mình trong bài hành 63 câu này, ngoại trừ ông thoáng mong ước sớm tới được Yên Kinh, và sợ bị nghẽn nhiều ngày như kỳ gặp nước lũ trên sông Hoàng Hà. Ông bình thần nhớ lời sách Hán Thư:

滄池弄甲
 hoàng trì lộng giáp

theo giới nghiên cứu nghĩa là, đói rét dân làm loạn, ví như trẻ đùa nghịch giả làm binh lính trong ao, để viết câu 53. Cũng như nhớ lời sách Mạnh Tử:

民死在歲不在我
 dân tử tại tuế bất tại ngã

nghĩa là:

dân chết tại năm [xấu] đâu phải tại ta

để viết câu 55.

Tiếp tục cuộc hành trình, sứ bộ đi ngang đền thờ Thị Trung họ Kê, Nguyễn Du viết bài:

嵇侍中祠
 Kê Thị Trung Từ

古廟松篁一帶幽
 Cổ miếu tùng hoàng nhất đới thu
 清風猶似竹林秋
 Thanh phong do tự trúc lâm thu
 廣陵調絕餘清響
 Quảng Lăng điệu tuyệt dư thanh hưởng
 正氣歌成立懦夫
 Chính khí ca thành lập nọa phu
 亙古未乾流血地
 Cánh cổ vị càn lưu huyết địa
 奇忠能破問蠓愚

Kỳ trung năng phá vấn mô ngu
可憐江左多名士
Khả liên Giang Tả đa danh sĩ
空對江山泣楚囚
Không đối giang san khắp Sở tù.

dịch là:

Đền Kê Thị Trung

*Miếu xưa thông trúc xum xuê
Thanh tao đường cảnh thu về Trúc Lâm
Quảng Lăng chưa dứt dư âm
Bài ca chính khí hùng tâm còn truyền
Ngàn năm máu thấm đất đen
Đại ngu phá vỡ do bền lòng trung
Danh nhân Giang Tả đáng thương
Thân tù đất Sở khóc sông lẽ nào.*

Kê Thị Trung tức Kê Thiệu, con Kê Khang, làm quan tới chức Thị Trung đời vua Tấn Huệ Đế (290-306). Khi vua Huệ Đế bị giặc đui, tên bắn như mưa, Kê Thiệu lẩn thân mình che cho vua, chết, máu phun vào đây áo vua. Kê Khang là người đứng đầu Trúc Lâm Thất Hiền. Nguyễn Du đi ngang qua miếu Kê Thiệu mà nhớ tới mùa thu rừng trúc, dường như thấy Nguyễn Du muốn nói cha con Kê Khang và Kê Thiệu tiết khí như nhau, tiếp theo câu thứ ba, tác giả nhắc tới khúc Quảng Lăng, một điệu đàn do Kê Khang sáng tác, ngày ông bị dẫn ra pháp trường, ông gảy khúc này lần cuối và tiếc là chưa tìm được người tri kỷ để truyền lại ngón đàn này. Nguyễn Du cho là vì Kê Thiệu cũng tiết tháo như cha, nên khúc Quảng Lăng dường như vẫn còn dư âm. Trong câu thứ tư, Chính Khí Ca là bài ca của Văn Thiên Tường đời Nam Tống viết ca ngợi Kê Thiệu. Câu thứ năm, Nguyễn Du gợi lại hình ảnh Kê Thiệu dùng thân thể mình làm mộc che cho vua mà chết. Và đối với hình ảnh này là truyện cái ngu đầu của Huệ Tấn Vương nhưng vẫn trọng người trung thần: vua không cho giặt vết máu Kê Thiệu bắn lên áo bào để luôn luôn tỏ lòng biết ơn cứu mạng của Kê Thiệu. Hai câu kết, tác giả tỏ ý thương hại danh sĩ đất Giang Tả, nước mất mà chỉ nhìn nhau khóc sông như bọn tù nước Sở đời xa xưa.

Sứ đoàn đi ngang nền đài Đồng Tước, xây ở thành Nghiệp Thành, về phía tây nam huyện Lâm Chương, tỉnh Hà Bắc. Đài này do Tào Tháo cho dựng năm Kiến An thứ XV (210) để làm chỗ lui tới mua vui, và cũng không dấu ý định là nếu đánh bại Đông Ngô sẽ bắt hai nàng họ Kiều, một là vợ Tôn Sách, vua nước Ngô, và một là vợ Chu Du đại tướng nước Ngô, đem về giữ tại đài đó.

Tào Tháo, nổi tiếng là một gian thần, nhưng đồng thời là một đại anh hùng đời Tam Quốc. Đi qua nền đài Đồng Tước, Nguyễn Du không khỏi suy nghĩ về truyện hưng thịnh của các triều đại, cái phù du của kiếp người, để thấy lẽ vô thường, mà ngao ngán cho chữ công danh lỗi cuốn con người, gây bao nỗi thống khổ cho con người. Ông ghi lại những suy tư đó trong bài thơ dài hai mươi sáu câu dưới đây:

銅雀臺

Đồng Tước Đài

一世之雄安在哉
Nhất thế chi hùng an tại ai
古人去兮今人來
Cổ nhân khứ hề kim nhân lai
不見鄴中魏武帝
Bất kiến Nghiệp trung Ngụy Vũ đế
但見江邊銅雀臺
Đãn kiến giang biên Đồng Tước Đài
臺基雖在已傾圮

⁵Đài cơ tuy tại dĩ khuynh bĩ
 陰風怒號秋草靡
 Âm phong nộ hào thu thảo mỹ
 玉龍金鳳盡芒芒
 Ngọc Long Kim Phượng tận mang mang
 何況臺中歌舞妓
 Hà huống đài trung ca vũ kỹ
 斯人盛時誰敢當
 Tư nhân thịnh thời thùy cảm đương
 眇視皇帝凌侯王
¹⁰Diếu thị hoàng đế lãng hầu vương
 只恨層臺空律吼
 Chỉ hận tầng đài không luật ngột
 小喬終老嫁周郎
 Tiểu Kiều chung lão giá Chu lang
 一朝大限有時至
 Nhất triều đại hạn hữu thì chí
 尚食奏歌圖悅鬼
 Thượng thực tấu ca đồ duyệt quỷ
 分香賣履苦叮嚀
¹⁵Phân hương mai lý khổ đĩnh ninh
 落落丈夫何爾爾
 Lạc lạc trường phu hà nhĩ nhĩ
 奸雄別自有機心
 Gian hùng biệt tự hữu cơ tâm
 不是嗚哀兒女氣
 Bất thị minh ai nhi nữ khí
 千幾萬巧盡成空
 Thiên cơ vạn sảo tận thành không
 終古傷心漳江水
²⁰Chung cổ thương tâm Chương Giang thủy
 我思古人傷我情
 Ngã tư cổ nhân thương ngã tình
 徘徊俯仰悲浮生
 Bồi hồi phủ ngưỡng bi phủ sinh
 如此英雄且如此
 Như thử anh hùng thả như thử
 況乎寸功與薄名
 Huống hồ thốn công dữ bạc danh
 人間勳業若長在
²⁵Nhân gian huân nghiệp nhược trường tại
 此地高臺應未傾
 Thử địa cao đài ứng vị khuynh.

dịch là:

Đài Đồng Tước

Anh hùng mấy cũng một thời
 Tre già măng mọc cơ trời cao sâu
 Nghiệp đồ Ngụy đế nay đâu
 Còn đài Đồng Tước dải dầu bên sông
⁵Đài đổ nát nền vẫn còn
 Trôi thu cỏ áy gió hờn oán than
 Ngọc Long Kim Phượng tiêu tan
 Hống hồ ca nữ phách đàn năm nao
 Thủa đương thịnh ai đương đầu
¹⁰Coi thường hoàng đế vương hầu rẻ khinh

Mộng xây đài lớn dấu thành
 Tiểu Kiều trọn kiếp vẹn tình Chu Lang
 Sớm kia số tận mệnh tàn
 Cúng dâng nhũ nhạc cổ bản liệu lo
¹⁵Chia hương bán dệp dặn dò
 Trương phu lỗi lạc nào ngờ thế ư
 Gian hùng hằng sẵn tâm cơ
 Khác chi nhi nữ vật vờ khóc thương
 Mơ sâu kể sảo bằng không
¹⁰Bùi ngùi nhìn sóng dòng Chương dập dềnh
 Ngẫm truyện xưa ngán nỗi mình
 Đau lòng thương kiếp phù sinh ngắn dài
 Anh hùng đến vậy như vầy
 Công danh chút đỉnh thân này kể chi
²⁵Nếu có thịnh chẳng có suy
 Thì đài Đồng Tước có chi chẳng còn.

Nguyễn Du đặt bài thơ dài này trong khuôn khổ lễ đại hóa. Anh hùng tài giỏi đến mấy rồi cũng phải chết, nhường chỗ cho người đời kế tiếp. Ngụy đế hay Tào Tháo cũng không ngoài lẽ đó. Dấu xây được đài Đồng Tước với hai lầu Ngọc Long và Kim Phương cao ngút trời, thì nay đài cũng đổ nát, chỉ còn lại cái nền đại đầu mưa nắng với thời gian. Xây được lầu, nhưng giấc mộng bắt được hai nàng họ Kiều về làm tỳ thiếp vẫn không thành. Rồi tới ngày Tào Tháo tận số, ông dặn dò tỳ thiếp ở đài Đồng Tước phải hàng ngày cúng tế, có nhã nhạc múa hát dâng cơm. Lại còn chia hương quý cho tỳ thiếp rồi căn dặn họ phải siêng năng việc nữ công, thêu giày bán mà sinh sống.

Nhắc truyện Tào Tháo, Nguyễn Du lại buồn cho thân phận chính mình. Ông thương cho kiếp phù sinh ngắn ngủi của con người. Anh hùng đến như Tào Tháo thì cũng chỉ vậy, nói chi đến chút công danh của riêng ông. Tất cả đều trong một vòng biến hóa. Bằng không thời sao đài Đồng Tước lại đổ nát như vậy.

Tiếp theo bài Đồng Tước Đài, trong cùng một ý thơ, Nguyễn Du viết bài:

七十二疑塚
 Thất Thập Nhị Nghi Trùng

鄴城城外野風吹
 Nghiệp thành thành ngoại dã phong xuy
 秋草蕭蕭舊事非
 Thu thảo tiêu tiêu cựu sự phi
 枉用一人無限智
 Uổng dụng nhất nhân vô hạn trí
 臭名滿擲藏何用
 Xú danh mãn quách tàng hà dụng
 賊骨千年罵不知
 Tặc cốt thiên niên mạ bất tri
 何似錦城先主廟
 Hà tự Cẩm Thành tiên chủ miếu
 至今松柏有光輝
 Chí kim tùng bách hữu quang huy.

dịch là:

Bảy Mươi Hai Ngôi Mộ Giả
 Ngoài thành Nghiệp gió nhẹ đưa
 Trời thu có ý việc xưa đổi dời
 Uổng dùng sảo kế suốt đời
 Mỗi ngày để lại cho người đời sau
 Xú danh đầy quách giấu dấu

*Ngàn năm xương giặc mắng sao cho rành
Khác đền tiền chủ Cẩm Thành
Nay còn từng bách mướn xanh rạng ngời.*

Theo Tam Quốc Chí, Tào Tháo chết tại Hứa Đô, đưa về Nghiệp Quận an táng. Vì sợ bị người đào mả, nên để cho người đời không biết mộ thực của Tào Tháo ở đâu, Tào Tháo dặn phải đắp bảy mươi hai năm mộ giả. Theo Nguyễn Du, Tào Tháo không thể dấu được tiếng xấu của mình, và ngàn năm sau, người đời có mạ lỵ thì xương tàn của Tào Tháo cũng chẳng hay biết. Điều khác biệt là miếu thờ Tiên Chủ Lưu Bị ở Cẩm Thành từng bách ngày nay hãy còn xanh tươi.

Xứ đoàn trẩy qua làng cũ Lạn Tương Như một hiền thần của vua Huệ Văn Vương, nước Triệu, đời Chiến Quốc. Sử²¹ chép rằng Huệ Văn Vương có viên ngọc bích của họ Hòa. Vua Tấn Chiêu Vương xin đổi mười lăm thành lấy viên ngọc đó. Vua Triệu sai Nhạn Tương Như mang ngọc sang Tần. Vua Tần lấy ngọc và không giao thành như đã hứa. Lạn Tương Như nói: “Ngọc bích có vết, tôi xin chỉ bệ hạ xem.” Vua Tần trao lại ngọc bích. Tương Như nhận ngọc, đứng lùi vào chân cột, tóc dựng ngược biện bác với vua Tần, dọa đập vỡ ngọc. Vua Tần đồng ý sai đem bản đồ cắt đất mười thành cho Triệu. Tương Như biết là truyện lừa dối, đòi vua Tần trai giới năm ngày để nhận ngọc, rồi cho người lên mang ngọc về Triệu. Vua Tần nổi giận nhưng vẫn cho Tương Như về nước và truyện đổi ngọc lấy thành không thành. Về tới Triệu, Tương Như được vua Triệu phong làm Thượng đại phu.

Mấy năm sau truyện trả ngọc này, Triệu Tần chinh chiến liên miên, không phân thắng bại. Vua Tần mời vua Triệu đến họp tại Dẫn Trì. Lạn Tương Như được đi theo và thăng chức Thượng Khanh, cao hơn cả chức Đại Tướng của Liêm Pha. Liêm Pha giận có ý muốn làm nhục Tương Như. Để tránh xung đột với quan cùng triều, Tương Như tìm cách tránh mặt Liêm Pha tại sân rồng cũng như đi ngoài đường. Có người hỏi Tương Như sao lại sợ Liêm Pha đến như vậy. Tương Như nói: “Liêm Đại Tướng Quân đâu có đáng sợ bằng vua Tần. Sở dĩ Tần chưa dám nuốt Triệu vì Triệu có cả Liêm Pha và Nhạn Tương Như. Nay hai hổ chọi nhau thì một mất một còn, cho nên ta làm thế vì nghĩ đến truyền tồn vong của nước Triệu.” Liêm Pha nghe lời ấy, bèn cởi trần mang roi tới gặp Lạn Tương Như và nói; “Kẻ hèn này không biết tướng quân rộng lượng đến thế.” Rồi từ đó hai người kết bạn sống chết có nhau.

Nhớ lại tích trên, qua làng cũ Lạn Tương Như, Nguyễn Du đề thơ như sau:

蘭相如故里 Lạn Tương Như Cổ Lý

大勇不以力
Đại dũng bất dĩ lực
僅有蘭相如
Cận hữu Lạn Tương Như
僥倖能全璧
Kiểu hãnh năng toàn bích
徘徊善避車
Tầm quý thiên tỵ xa
豐碑留姓字
Phong bi lưu tính tự
全趙免丘墟
Toàn Triệu miễn khuu khư
慚愧力扼虎
Tầm quý lực ách hổ
平生無可書
Bình sinh vô khả thư

dịch là:

Làng Cũ Lạn Tương Như

21 Liêm Pha, Lạn Tương Như Truyện, Sử Ký, Tư Mã Thiên, sách đã dẫn, tr. 519-541.

*Dừng không sức thực hơn đời
Lạ Tương Như hỏi mấy người sánh ngang
Cầu may giữ ngọc vẹn toàn
Tránh xe việc nước chẳng màng tình riêng
Họ tên bia đá lưu truyền
Giữ gìn đất Triệu bình yên trong ngoài
Sức đề hổ thẹn cho ai
Một đời sự nghiệp chẳng đầy một câu.*

Sứ đoàn đi qua Hàm Đan, cố đô nước Triệu thời chiến quốc, với những thắng cảnh những xóm ca kỹ nổi tiếng sử sách còn lưu truyền. Nguyễn Du ghi lại cảm hứng của ông trong bài:

邯鄲卽事
Hàm Đan Tức Sự

一帶垂楊半墓煙
Nhất dải thùy dương bán mộ yên
邯鄲勝跡見遺編
Hàm Đan thắng tích kiến di biên
高原豐草呼鷹路
Cao nguyên phong thảo hô ưng lộ
何處雲和挾技筵
Hà xứ vân Hà hiệp kỹ diên
鴻嶺夢中荒射獵
Hồng Lĩnh mộng trung hoang xạ lạp
白頭足跡遍山川
Bạch đầu túc tích biến sơn xuyên
黃河南北皆秋水
Hoàng hà nam bắc giai thu thủy
鄉信何由達鴈邊
Hương tín hà do đạt nhạn biên.

dịch là:

Tức Cảnh Hàm Đan
*Thùy dương bảng lảng khói chiều
Hàm Đan cảnh đẹp còn nhiều sách ghi
Đường ưng đời cỏ xanh rì
Vân Hào đàn sáo ca nhi đâu còn
Non Hồng mơ một cuộc săn
Nước non in dấu vết chân bạc đầu
Hoàng Hà nước lũ ngập sâu
Tin nhà ngóng cánh nhạn cao bên trời.*

Trong bốn câu đầu, Nguyễn Du ghi lại cảnh đẹp thiên nhiên của đất Hàm Đan ông thấy trước mắt, nhưng cảnh đàn sáo ca nhi ca tụng trong sách cổ nay không còn. Thế rồi ông nhắc tới cái thú đi săn ở Hồng Lĩnh, cái thú đó vẫn còn về trong giấc mơ của ông. Trên thực tế thì hiện ông còn in vết chân bên trời. Mé nam mé bắc sông Hoàng Hà ngập sâu nước lũ làm ông chậm có tin nhà.

Sứ bộ đi ngang qua nơi Hàn Tín luyện quân, gọi cho Nguyễn Du suy tư về những hành động đã dẫn tới cái chết thảm của vị tướng tài này của vua Hán Cao Tổ. Ông ghi lại những suy nghĩ đó trong bài:

韓信講兵處
Hàn Tín Giảng Binh Xứ

百萬旌麾北渡河
Bách vạn tinh huy bắc độ hà
燕交地下有沉戈
Yên giao địa hạ hữu trầm qua
悠悠事後二千載
Du du sự hậu nhị thiên tải
蕩蕩城邊一片沙
Đãng đãng thành biên nhất phiến sa
噲伍未成甘碌碌
Khoái ngũ vị thành cam lục lục
君前猶自善多多
Quân tiền do tự thiện đa đa
可憐十世山河在
Khả liên thập thế sơn hà tại
厚誓徒延絳灌家
Hậu thệ đồ diên Giáng Quán gia.

dịch là:

Tức Cảnh Hàm Đan

*Trăm vạn quân vượt qua sông
Thành Yên lòng đất giáo gươm chôn vùi
Hai ngàn năm trước xa rồi
Bên thành chỉ thấy cát bồi mông mênh
Ngang hàng Phàn Khoái âu đành
So tài thao lược còn giành hơn vua
Mười đời sông núi thề xưa
Riêng nhà Giáng Quán mọc mưa ơn dày.*

Hàn Tín²² vốn theo Hạng Võ, sau bỏ Hạng Võ theo Lưu Bang, lên tới hàng công thần bậc nhất ngang với Trương Lương và Tiêu Hà. Có công diệt nước Tề được phong là Tề Vương, hội binh đánh Hạng Võ ở Cai Hạ. Được phong là Sở Vương. Có người tố cáo Hàn Tín có ý định làm phản. Lưu Bang triệu về Lạc Dương giáng làm Hoài Âm Hầu. Lưu Bang mang quân đi đánh ngoài biên xa. Tín cáo bệnh không theo. Rồi bị Lữ Hậu lừa gọi vào cung Trường Lạc, bắt chém giết cả ba họ.

Trong bốn câu thứ đầu, Nguyễn Du tưởng tượng đoàn quân một triệu người cờ xí rợp trời, của Hàn Tín vượt sông Hoàng Hà lên phía bắc. Sử kiện đó đã hai ngàn năm qua, thành Yên là nơi Hàn Tín luyện quân, ngày nay giáo gươm thấy chôn vùi dưới lòng đất, ông chỉ thấy trước mắt một bãi sông cát bồi mênh mông. Ông nhắc lại truyện Hàn Tín ganh ghen với Phàn Khoái, một tướng tài giỏi của Lưu Bang. Rồi truyện Hàn Tín so tài cao thấp với vua Hán Cao Tổ về việc dùng binh khiến tướng. Ông nhắc lại lời thề của Hán Cao Tổ khi phong tước cho các công thần: “Bao giờ nước sông Hoàng Hà cạn chỉ còn bằng chiếc giải áo, núi Thái Sơn mòn đi chỉ bằng hòn đá mài, nước vẫn còn truyền cho con cháu.” Trong câu kết, ông thương cho Hàn Tín giúp Lưu Bang lập nên nhà Hán, mà bị chết thảm để ơn vua lộc nước nhà Hán vào tay Giáng hầu tức Chu Bột và Quán Anh.

Tiếp tục cuộc hành trình, Nguyễn Du có dịp đọc bia Liêm Pha và khởi hứng viết bài:

廉頗碑

Liêm Pha Bi

廉頗亡去武安將
Liêm Pha vong khứ Vũ An tướng
四十萬人同穴葬
Tứ thập vạn quân đồng huyệt táng
乳臭小兒易言兵
Lũu臭味小兒易言兵

22. Hoài Âm Hầu Liệt Truyền, Sử Ký Tư Mã Thiên, sách đã dẫn, tr. 646-678.

Nhữ xú tiểu nhi di ngôn binh
 一國長城徒自喪
 Nhất quốc trường thành đồ thu táng
 寄闔重任須老成
⁵Ký khốn trong nhâm tu lão thành
 內審國勢外敵情
 Nội thẩm quốc thế ngoại địch tình
 所以臨敵能制勝
 Sở dĩ lâm địch năng chế thắng
 端在捐仇知負荊
 Đuan tại quyên cừu tri phụ kinh
 一國兩虎不可犯
 Nhất quốc lưỡng hổ bất khả phạm
 二十餘年誰與爭
¹⁰Nhị thập dư niên thùy dĩ tranh
 將軍在時趙以重
 Tướng quân tại thời Triệu dĩ trọng
 將軍去時令趙輕
 Tướng quân khứ thời linh Triệu khinh
 所恨讒人織萋斐
 Sở hận sàm nhân chức thê phi
 何須一食三遺屎
 Hà tu nhất thực tam di thỉ
 白頭去後不重來
¹⁵Bạc đầu khứ hậu bất trùng lai
 邯鄲之事可知矣
 Hàm Đan chi sự khả tri hĩ
 趙亡秦繼三千年
 Triệu vong tần kế tam thiên niên
 將軍名字至今傳
 Tướng quân danh tự chí kim truyền
 摩挲古碣三太息
 Masa cổ kiệt tam thái tức
 勃勃壯氣想見生前
²⁰Bột bột tráng khí tưởng kỳ sinh tiền
 今人不少食多肉
 Kim nhân bất thiếu thực đa nhục
 幾令家養無遺畜
 Cơ linh gia dưỡng vô di súc
 清平時節無戰爭
 Thanh bình thời tiết vô chiến tranh
 一口雄談不數廉頗與李牧
 Nhất khẩu hùng đàm bất số Liêm Pha dữ Lý Mục

dịch là:

Bia Liêm Pha

Truất Liêm Pha phong Vũ An
Mồ chung chôn bốn trăm ngàn Triệu binh
Miệng hơi sửa bàn việc binh
Tường thành một nước sao đành bỏ ngang
⁵*Tướng già gánh nặng cầm quân*
Ngoài biết địch trong hiểu dân mới thành
Quên thù riêng tự phạt mình
Đến khi vào trận thắng đành trong tay
Nước hai hổ tướng vững thay

¹⁰Hai mươi năm lẻ chẳng ai dám nhòm
 Tướng quân còn Triệu oai hùng
 Tướng quân đi Triệu quân cùng đổ xiêu
 Giận lời gièm khéo dệt thù
 Tiệc ăn đứng dậy đi tiêu ba lần
¹⁵Đi chẳng về lão đầu cần
 Hàm Đan cảnh hưởng xoay vẫn còn cấm
 Tần nổi Triệu ba ngàn năm
 Đến nay tên họ tướng quân còn truyền
 Đọc bia cổ những trạnh niềm
²⁰Hăng say hùng khí sinh tiền ghi đây
 Ăn như rồng cuốn thời nay
 Khắp nơi nhan nhân hại bầy súc sinh
 Thời thái bình không lửa binh
 Quên Liêm quên Lý cật mình nói hăng.

Áng thơ dài trên đây dựa trên một đoạn sử phức tạp của nước Triệu ²³, trải dài suốt ba triều vua: Huệ Văn Vương, Hiếu Thành Vương và Điệu Tương Vương. Câu mở đầu, Nguyễn Du nhắc lại truyện năm 263 trước công nguyên, đời vua Hiếu Thành Vương, tướng Tần là Bạch Khởi mang quân đánh Triệu ở thành Trường Bình do Liêm Pha trấn giữ. Liêm Pha cố thủ quân Tần đến khiêu chiến cũng không ra đánh. Vua Triệu bị trúng kế ly gián của Tần sai vị tướng trẻ là Triệu Quát tới thay thế Liêm Pha. Dưới quyền Triệu Quát, quân Triệu thua to, bốn vạn binh chôn cùng một huyết. Câu ba và bốn, tác giả, so sánh lão tướng Liêm Pha, người từng được coi là bức tường thành của nước Triệu, với một vị tướng trẻ, Triệu Quát, miệng còn hơi sữa, rồi ông nhắc lại truyện cũ giữa Liêm Pha và Lạn Tương Như dưới triều vua Huệ Văn Vương, và tiếp theo là cảnh nước Triệu bình yên suốt hai mươi năm nhờ có Liêm Pha và Lạn Tương Như làm tướng. Trong bốn câu 13-16, Nguyễn Du tóm tắt truyện nước Triệu sau khi bị truất quyền bỏ sang nước Ngụy, làm tướng nước Ngụy, nhưng lòng vẫn hướng về Triệu. Sang đời Điệu Tương Vương, quân Tần lại sang đánh Triệu. Vua Triệu tính kế cho sứ giả đi mời Liêm Pha về giữ nước. Muốn tỏ ra mình tuy tuổi già nhưng còn tráng kiện, Liêm Pha ăn trước mặt sứ giả trong một bữa một đẫy gạo, mười cân thịt, mặc áo giáp lên ngựa để tỏ uy dũng. Sứ giả về tâu với vua Triệu là Liêm Pha tuy cao tuổi, ăn còn khỏe, nhưng thù dệt thêm là trong bữa ăn tiếp sứ thần ba lần phải đứng lên đi tiêu. Vua Triệu cho là Liêm Pha đã quá già không mời về làm tướng nữa. Trong hai câu tiếp theo, Nguyễn Du đọc bia cờ mà thương Liêm Pha. rồi trong bốc câu kết, ông liên tưởng tới người nay, ăn nhiều chẳng kém Liêm Pha, nhưng sống thời thái bình, chỉ biết khoe khoang tự cao tự đại, không đáng so với Liêm Pha và Lý Mục, một vị tướng tài cuối cùng của nước Triệu, trước khi bị nước Tần tiêu diệt.

Tiếp tới, Nguyễn Du có hai bài về Tô Tần như sau:

蘇秦亭
 Tô Tần Đình
 二首
 Nhị Thủ

其一
 Kỳ Nhất
 敝澣貂裘不復西
 Tệ tân điều cừu bất phục tây
 趙臺抵掌吐虹霓
 Triệu đài để chưởng thổ hồng nghê
 縱橫自可愚庸主
 Tung hoành tự khả ngu dung chúa
 富貴還能倨寡妻
 Phú quý hoàn năng cứ quả thê

23. Liêm Pha, Lạn Tương Như truyện, Sử Ký Tư Mã Thiên, sách đã dẫn, tr. 519-535.

六國印銷沙漠漠
Lục quốc ấn tiêu sa mạc mạc
一亭秋暮草萋萋
Nhất đình thu mô thảo thê thê
人生權利誠無謂
Nhân sinh quyền lợi thành vô vị
今古誰能破此迷
Kim cổ thủy năng phá thử mê.

其二
Kỳ Nhị

季子黑裘敝
Quý Tử hắc cừ tề
徒步擔囊歸
Đồ bộ đảm nang quy
其妻不下機
Kỳ thê bất há ky
其嫂不為炊
Kỳ tẩu bất vị xuy
父母不復顧
Phụ mẫu bất phục cố
相看如路歧
Tương khan như lộ kỳ
丈夫一失志
Tượng phu nhất thất chí
骨肉皆相離
Cốt nhục giai tương ly
一朝大運有時至
Nhất triều đại vận hữu thì chí
六印纏腰鳴得意
Lục ấn triền yêu minh đắc ý
黃金百鎰璧百雙
Hoàng kim bách dật bích bách song
從車千乘來鄉里
Tòng xa thiên thăng lai hương lý
父母郊迎嫂膝行
Phụ mẫu do nghênh tẩu tất hành
妻見其夫側目視
Thê kiến kỳ phu trắc mục thị
平生志願畢於斯
Bình sinh chí nguyện tất ư tư
前倨後恭言正鄙
Tiền cử hậu cung ngôn chính bỉ
合縱不在卻彊秦
Hợp tung bất tại khước cường Tần
但向所親驕富貴
Đãn hướng sở thân kiêu phú quý
刺股原為權利謀
Thích cổ nguyên vị quyền lợi mưu
嗟乎此人小哉器
Ta hồ thử nhân tiêu tai khí
書中飽聞蘇秦名
Thư trung bão danh Tô Tần danh
道中卻過蘇秦亭
Đạo trung khước quá Tô Tần đình

車馬金玉已無跡
Xa mã kim ngọc dĩ vô tích
亭前之草空青青
Đình tiền chi thảo không thanh thanh
世人多讀蘇秦傳
Thế nhân đa đọc Tô Tần truyện
猶為位勢富貴儉其生
Do vi vị thế phú quý thương kỳ sinh.

dịch là:

Đình Tô Tần

Hai bài

I

Áo cừ rách lánh trời Tây
Quay về đất Triệu khoa tay đối lường
Gạt sáu vua kế hợp tung
Giàu sang áo gấm ung dung về làng
Cát vàng còn sáu ẩn tan
Ngôi đình cỏ úy thu tàn thể lương
Truyện đời danh lợi chán chường
Kê vàng một giấc vô thường thương ai.

II

Áo cừ Quý Tử rách bươm
Bên vai quấy đẩy tay không về làng
Vợ đang dệt cửi ngó ngang
Chị dâu còm nước thấy chàng làm ngơ
⁵Mê cha ruột thịt tâng lờ
Coi như người lạ hững hờ đứng đưng
Trượng phu thất thế đường cùng
Dẫu là một thịt một xương cũng lia
Vận may đến một sớm kia
¹⁰Lưng đeo sáu sáu ẩn đề huề về vang
Trăm đôi ngọc trăm nén vàng
Ngựa xe trăm cỗ về làng vinh quy
Mẹ cha đón chị dâu quỳ
Vợ nhìn lấm lét bỏ khi lỡ thời
¹⁵Bình sinh chí nguyện trọn đời
Trước khinh nay trong thốt lời tiểu nhân
Hợp Tung chẳng đề diệt Tần
Chỉ mong trả hận người thân riêng mình
Dùi đâm vào vết mưu danh
²⁰Than ôi người ấy quả tình nhỏ nhen
Tô Tần sử sách ghi tên
Miếu Tô Tần vẫn còn bên đường mòn
Ngựa xe vàng ngọc chẳng còn
Trước đình chỉ thấy cỏ non rờn rờn
²⁵Người đời đọc truyện Tô Tần
Lợi danh còn để lụy thân thực buồn.

Đối chiếu với Truyện Tô Tần²⁴ trong Sử Ký của Tư Mã Thiên, người đọc thấy hai bài Nguyễn Du viết về Tô Tần trên đây dường như dựng trên những thoại quanh việc Tô Tần đối xử với người thân trong gia đình riêng mà đánh giá nhà biện sĩ này. Nguyễn Du trích dẫn lời Tô Tần

24. Truyện Tô Tần, Sử Ký Tư Mã Thiên, sách đã dẫn, tr. 376-404.

nói với thân nhân, ngày đeo ấn sáu nước về nhà: tiền cứ hậu cung, nghĩa là trước kia sao khinh rẻ sao nay kính trọng, và cho đó là lời của kẻ tiểu nhân. Điều đó chứng tỏ rằng Nguyễn Du muốn dùng những thoại về Tô Tần đó để suy nghĩ về mối thù hận nhỏ nhen trong tương quan giữa một người buộc mình vào danh lợi, đối với người thân trong gia đình trước và sau khi thành đạt. Ngoài ra, Nguyễn Du còn muốn dùng truyện Tô Tần để trình bày với người đọc thơ ông cái mối nguy hại của lợi danh trong đời sống con người.

Sau hai bài viết về biện sĩ Tô Tần, cũng trong dòng thơ vinh sử Trung Quốc đó, Nguyễn Du viết tiếp hai bài về thích khách Dự Nhượng²⁵:

豫讓橋匕首行

Dự Nhượng Kiều Chủ Thủy Hành

晉陽城外滔滔水
Tấn Dương thành ngoại thao thao thủy
智伯漆頭為溺器
智伯 漆頭 為溺器
Bá Trí tất đầu vi niệu khí
無人報仇誠可悲
Vô nhân báo cừ thành khả bi
其臣豫讓身當之
Kỳ thần Dự Nhượng thân đương chi
漆身為癩剔鬚眉
⁵Tất thân vi lại dịch tu mi
當道乞食妻不知
Đương đạo khát thực thê bất tri
身挾匕首伏橋下
Thân hiệp chủ thủ phục kiều hạ
怒視仇腹甘如飴
Nộ thị cừ phúc cam như di
殺氣凜凜不可近
Sát khí lâm lâm bất khả cận
白日無光霜雪飛
¹⁰Bạch nhật vô quang sương tuyết phi
再獲再舍心不移
Tái hoạch tái xả tâm bất vi
臨死猶能三擊衣
Lâm tử do năng tam kích y
凌凌奇氣千霄上
Lăng lăng kỳ khí thiên tiêu thượng
自此橋名更豫讓
Tự thử kiều danh canh Dự Nhượng
君臣大義最分明
¹⁵Quân thân đại nghĩa tối phân minh
國士眾人各易上
Quốc sĩ tối nhân các dị thượng
愧殺人臣懷二心
Quý sát nhân thần hoài nhị tâm
千古聞之色惆悵
Thiên cổ văn chi sắc trừ trường
不是荊軻聶正徒
Bất thi Kinh Kha Nhiếp chính đồ
甘人參義輕其軀
²⁰Cam nhân hoan dưỡng kinh kỳ khu
血氣之勇不足道
Huyết khí chi dũng bất túc đạo
君獨錚錚鐵丈夫

²⁵ Thích Khách Liệt Truyện, đoạn 3, Sử Ký Tư Mã Thiên, sách đã dẫn, tr. 559-562.

Quân độc tranh tranh thiết trượng phu
 路經三晉皆丘土
 Lộ kinh tam tấn giai khâu thổ
 注目橋邊如有睹
 Chú mục kiều biên như hữu đồ
 西風淒淒寒逼人
 25 Tây phong thê thê hàn bức nhân
 征馬頻頻驚失路
 Chinh mã tần tần kinh thất lộ
 匕首當時七寸長
 Chủy thủ đương thời thất thốn trường
 獨有萬丈光芒互古今
 Độc hữu vạn trượng quang mang cang cổ kim

dịch là:

Bài Hành Lưỡi Dao Găm Dự Nhượng
Tấn Dương nước cuốn lở bờ
Xót đầu Trí Bá đưng dơ nhục nhằn
Thù chưa báo hận còn căm
Gia thần Dự Nhượng một thân chí tình
⁵Mày râu cạo nhẵn sơn mình
Ăn xin giả hủi trá hình kế sâu
Dấu dao giấu nắp dưới cầu
Nhằm đâm bụng địch mưu cao vẹn toàn
Bùng bùng sát khí khó gần
¹⁰Giữa trưa trời bỗng tối sầm tuyết sương
Mấy lần bắt thả một lòng
Chết kè chém áo những mong đáp đền
Ngất trời khí tiết lưu truyền
Lấy tên Dự Nhượng đặt tên cho cầu
Vua tôi nghĩa cả lớn lao
Chúng nhân quốc sĩ khác nhau đôi đường
Làm tôi thẹn kẻ hai lòng
Một lời vạn thủ xót thương chân thành
Chẳng như họ Nhiếp họ Kinh
Mang ơn biệt đãi vị tình xả thân
Nói chi dũng khí hùng tâm
Riêng ông gang sắt ngàn năm ai bằng
Đường Tam Tấn gò bãi hoang
Bên cầu chợt thoáng bàng hoàng bóng ai
Gió tây lạnh thấm bờ vai
Hỡi hùng ngựa hý đường dài lỏng cương
Lưỡi dao giấu chẳng đầy gang
Cổ kim muôn trường hào quang sáng ngời

Dự Nhượng người nước Tấn, thời Xuân Thu, làm tôi quan đại phu Phạm Trung Hàng nước Tấn. Phạm Trung Hàng bị Trí Bá giết, Dự Nhượng làm tôi cho Bá Trí, lúc đó là thượng khanh cầm quyền nước Tấn. Trí Bá ép hai nước nhỏ Hàn và Ngụy hội quân đánh nước Triệu. Triệu Tương Tử cố thủ thành Tấn Dương. Trí Bá vây Tấn Dương và dùng thủy công tháo nước sông Tấn vào Tấn Dương hại Triệu Tương Tử. Kế không thành vì bị quân Hàn và Ngụy làm phản. Trí Bá thua chạy trốn, sau bị Triệu Tương Tử giết, lấy sọ làm đồ đựng chất dơ. Dự Nhượng quyết tâm báo thù cho Trí Bá. Nhưng bị Triệu Tương Tử bắt ba lần, tha hai lần, đến lần thứ ba mới giết. Triệu Tương Tử hỏi Dự Nhượng: “Trước kia người thờ Phạm Trung Hàng, sao Trí Bá giết Phạm Trung Hàng người không báo thù? Nay ta giết Trí Bá người một mục báo thù?”. Dự Nhượng trả lời: “Họ Phạm đãi tôi như người thường, tôi cũng báo lại như

người thường. Trí Bá đãi tôi như quốc sĩ, cho nên tôi cũng lấy tư cách quốc sĩ mà báo lại.”

Sau khi bị bắt và được tha, bạn bè có hỏi Dự Nương sau không lợi dụng lòng Triệu Tương Tư yêu mến mà tính truyên gần gũi rồi lập kế giết Triệu Tương Tử mà lại khổ thân sơn mình cho khổ thân. Dự Nương cho kế đó là kế hai lòng đáng hổ thẹn mà không theo.

Bị Triệu Tương Tử bắt lần thứ ba, và đem ra giết, trước khi chịu chết Dự Nương xin được đánh vào chiếc áo bào của Trí Bá ba cái để hả lòng. Triệu Tương Tử khen là người có nghĩa, sai người cầm áo bào đưa cho Dự Nương. Dự Nương tuốt kiếm nhảy lên đâm ba nhát và nói: “Ta có thể chết để báo ơn Trí bá được rồi.” Đoạn phục gươm tự sát.

So sánh Dự Nương với Nhiếp Chính và Kinh Kha, hai thích khách nổi danh khác trong Sử Ký của Tư Mã Thiên, Nguyễn Du cho Dự Nương, chết vì lòng trung của quốc sĩ đối với vua, còn Kinh Kha và Nhiếp Chính chết vì bị mua chuộc. Trước mắt Nguyễn Du, đất Tam Tấn, tức nước Tấn sau khi Bá Trí chết, bị chia ra làm ba cho ba nước Triệu, Hàn và Ngụy, thì nay chỉ còn là gò hoang, nhưng bên cầu dường như hồn ma Dự Nương chưa tan. Ngựa đi qua đó còn hý vang. Lưỡi dao ngắn của Dự Nương vẫn còn ngời sáng.

Truyện Dự Nương còn khởi hứng cho Nguyễn Du viết bài:

豫讓橋

Dự Nương Kiều

豫讓匿身刺襄子
Dự Nương nặc thân thích Tương Tử
此地因名豫讓橋
此 地 因 名 豫 讓 橋
Thử địa nhân danh Dự Nương kiều
豫 讓 既 殺 趙 亦 滅
Dự Nương ký sát Triệu diệt diệt
橋 邊 秋 草 空 蕭 蕭
Kiều biên thu thảo không tiêu tiêu
君 臣 正 論 堪 千 古
Quân thần chính luận kham thiên cổ
天地全經盡一朝
Thiên địa toàn kinh tận nhất triều
凜冽寒風秋日薄
凜 冽 寒 風 秋 日 薄
Lẫm liệt hàn phong thu nhật bạc
奸 雄 過 此 尚 魂 消
 Gian hùng quá thử thượng hồn tiêu.

dịch là:

Cầu Dự Nương

Giết huyệt Tương Dự núp đây
Lấy tên Dự Nương cầu này đặt tên
Dự chết nước Triệu đổ liền
Úa vàng cây cỏ đôi bên thu tàn
Ngàn đời luận nghĩa vua quan
Đất trời đạo lớn vẹn toàn sớm mai
Gió đông lạnh lẽo nắng phai
Gian hùng qua đó hồn bay rùng mình.

Trong hai câu đầu Nguyễn Du nhắc lại tích Dự Nương núp dưới cầu chờ Triệu Tương Tư đi qua thì nhảy ra hành thích. Vì thế cầu mang tên Dự Nương. Nhưng nay Nguyễn Du chỉ thấy cỏ cây hai bên bờ vàng úa vì mùa thu đang tàn. Câu năm và câu sáu, Nguyễn Du lần lượt nhắc tới chuyện Dự Nương luận về nghĩa vua tôi, không chịu hàng Triệu Tương Tử rồi kiếm dịp hành thích, vì cho thế là cư xử hai lòng; câu tiếp theo là truyện Dự Nương sau khi đâm vào áo bào của Triệu Tương Tư, coi là đền ơn Trí Bá, rồi quay gươm tự vẫn. Nguyễn Du qua cầu Dự Nương chỉ nghe thấy gió đông lạnh lạnh, trong màu nắng nhạt. và liên tưởng đến những kẻ gian hùng qua cầu này sợ hãi bạt vía bay hồn.

Tiếp theo cái chết vì danh của thích khách Dự Nhượng, Nguyễn Du đi qua làng cũ của Kinh Kha, cũng là một thích khách mà cái chết được nhiều người tán tụng trong văn học Đông Á, ông khởi hứng viết bài thơ dài dưới đây:

荊軻故里
Kinh Kha Cổ Lý

白虹貫日天漫漫
Bạch hồng quán nhật thiên man man
風蕭蕭兮易水寒
Phong tiêu tiêu hề dịch thủy hàn
歌聲慷慨金聲烈
Ca thanh khảng khái kim thanh liệt
荊軻從此入秦關
Kinh Kha tòng thử nhập Tần quan
入秦關兮持匕首
⁵Nhập Tần quan hề trì chủy thủ
六國深仇一引手
Lục quốc thâm cừu nhất dẫn thủ
殿上猝然一振驚
Điện thượng thốt nhiên nhất chấn kinh
左右手搏王環柱
Tả hữu thủ bác vương hoàn trụ
階下舞陽如死人
Giai hạ Vũ Dương như tử nhân
神勇毅然性獨君
Thần dũng nghị nhiên duy độc quân
¹⁰Thần dũng nghị nhiên duy độc quân
縱然不殺秦皇帝
Túng nhiên bất sát Tần hoàng đế
也算古今無比倫
Dã toán cổ kim vô tỷ luân
怪底行蹤原市隱
Quái đế hành tung nguyên thị ẩn
會與燕丹無夙分
Tằng dữ Yên Đan vô túc phận
殺身只為受人知
¹⁵Sát thân chỉ vì thụ nhân tri
徒得田光輕一劔
Đồ đắc Điền Quang khinh nhất vãn
可憐無辜樊於期
Khả liên vô cô Phàn Ô Kỳ
以頭佐人無還時
Dĩ đầu tá nhiên vô hoàn thì
一朝枉殺三烈士
Nhất triều uổng sát tam liệt sĩ
咸陽天子終巍巍
²⁰Hàm Dương thiên tử chung nguy nguy
燕交一望皆塵土
Yên giao nhất vọng giai trần thổ
秋日秋風滿官路
Thu nhật thu phong mãn quan lộ
市上歌聲不復聞
Thị thượng ca thanh bất phục văn
易水波流自今古
Dịch thủy ba lưu tư kim cổ
故里枳棘縱復橫

²⁵Cố lý chỉ cực tung phục hoàng
 只有殘碑猶未傾
 Chỉ hữu tàn bi do vi khuynh
 莫道七首更無濟
 Mạc đạo chủ thủ cánh vô tế
 揭竿斬木為先聲
 Yết can trảm mộc vi tiên thanh.

dịch là:

Làng Cũ Kinh Kha

*Trời hồng mống trắng tiễn đưa
 Nước sông Dịch lạnh gió lùa giá băng
 Tiếng ca khảng khái sắt vàng
 Kinh Kha lẫm liệt bước sanh đất Tần
⁵Thủ dao ngắn vào cung Tần
 Thù sau sáu nước một thân đáp đền
 Bổng nhiên chấn động điện trên
 Tần vương quanh cột bá quan cuống cuồng
 Dưới thềm chết đứng Vũ Dương
¹⁰Kinh Kha thần dũng can trường hiền ngang
 Dầu không giết được Tần Hoàng
 Nhưng ai sánh nổi cho bằng xưa nay
 Vốn người tu chợ nơi đây
 Với Yên Đan chẳng nghĩa đầy ơn sâu
¹⁵Chỉ vì ý hợp tâm đầu
 Một thân liều chết chẳng cầu chi hơn
 Điền Quang tự vẫn thác oan
 Đem đầu cho mượn thiết thân Ô Kỳ
 Uống ba liệt sĩ đương thì
²⁰Hàm Dương ngời cả uy nghi vẫn bền
 Mịt mờ cát bụi đất Yên
 Đường quan nặng quai xiên xiên cuối trời
 Tiếng ca giữa chợ tắt rồi
 Nước sông Dịch vẫn chảy xuôi chẳng ngừng
²⁵Làng xưa gai cỏ như rừng
 Bia tàn còn đó mấy từng rêu xanh
 Chớ rằng dao ngắn không thành
 Cờ sào giáo gỗ dân lành noi gương.*

Kinh Kha người nước Vệ, sau dời sang nước Yên. Làng cũ của Kinh Kha ở trên đất Yên, gần Bắc Kinh ngày nay. Thái Tử Đan, con của Hỷ Yên Vương, bị đưa sang Tần làm con tin, gặp Tần Doanh Chính thành đôi bạn nhỏ chơi đùa cùng nhau. Tần Doanh Chính sau đó lên ngôi, tức là Tần Thủy Hoàng, đối xử không đẹp với thái tử Đan. khiến thái tử Đan bỏ trốn về nước. Đến khi Tần Thủy Hoàng đánh bại Tề, Sở, Ngụy, Triệu, Hàn, sắp sửa đánh Yên, thì thái tử Đan lo sợ tìm kiếm khách dũng cảm sang Tần uy hiếp vua Tần bỏ ý đồ đánh Yên hoặc giết chết. Điền Quang tiến cử Kinh Kha giúp thái tử Đan làm việc đó.

Ngày Kinh Kha vượt sông Dịch sang Tần, có người bạn là Cao Tiệt Ly thổi sáo tiễn đưa, Kinh Kha hát bài:

風蕭蕭兮易水寒
 Phong tiêu tiêu hề Dịch thủy hàn
 壯士一去兮不復還
 Tráng sĩ nhất khứ hề bất phục hoàn

nghĩa là:

Gió se sắt hề nước sông Dịch lạnh
Tráng sĩ một đi hề không trở lại.

Để kích lệ Kinh Kha, đồng thời bảo mật kế hoạch, Điền Quang người tiến cử Kinh Kha với thái tử Đan, tự tử. Để Tần Thủy Hoàng khỏi nghi ngờ, Phàn Ô Kỳ, một vị tướng cũ của nhà Tần, có lỗi với Tần Vương Chính, trốn sang Yên, kháng khái tự tử, cho kinh Kha mượn cái đầu mang nộp vua Tần làm tin. Đi theo Kinh Kha vào triều vua Tần, còn có Vũ Dương, một kiếm khách nổi danh đương thời.

Vào tới triều đình nhà Tần, Kinh Kha cầm bản đồ dâng lên vua Tần, vua Tần mở bản đồ, Kinh Kha cầm kiếm ngăn uy hiếp vua Tần. Vua Tần vùng dậy chạy quanh cột tránh né, các quan tay không nhảy lên điện trên đuối đánh Kinh Kha. Vua Tần tuốt được gươm, chém chết Kinh Kha.

Kế hoạch không thành, chết uống ba liệt sĩ: Điền Quang, Phàn Ô Kỳ và Kinh Kha, ngôi vua của Tần Thủy Hoàng không đổ. Nhưng gương sáng của Kinh Kha đã khiến sau này Trần Thắng và Ngô Quảng khởi nghĩa cùng dân chúng chống Tần Thủy Hoàng.

Sứ bộ đi ngang miếu vua Nghiêu, gợi hứng cho Nguyễn Du viết bài:

帝堯廟

Đế Nghiêu Miếu

太虛一點大觀之
Thái hư nhất điểm đại quan chi
天地無功萬物資
Thiên địa vô công vạn vật tư
在日茅茨猶不剪
在日茅茨猶不剪
Tại nhật mao tỳ do bất tiễn
後身香火更何為
後身香火更何為
Hậu thân hương hỏa cánh hà vi
— 中心法開群帝
Nhất trung tâm pháp khai quần đế
千古崇祠對九疑
千古崇祠對九疑
Thiên cổ sùng từ đối cửu nghi
曾向許由讓天下
曾向許由讓天下
Tằng hướng Hứa Do nhượng thiên hạ
聖人名實有誰知
聖人名實有誰知
Thánh nhân danh thực hữu thùy tri.

dịch là:

Miếu Đế Nghiêu

Thái hư một điểm sánh cùng
Vô công muôn vật cậy trông nương nhờ
Nhà xưa mái cỏ thô sơ
Thì nay hương khói phụng thờ kể chi
Nhất trung mở đạo trị vì
Đền thiêng vạn cổ Cử Nghi chẳng dời
Hứa Do những muốn nhường ngôi
Thánh nhân danh thực ai người biết đây.

Vua Nghiêu là vị vua đầu tiên mở nước Trung Quốc sau truyền ngôi cho vua Thuấn. Vua Nghiêu và vua Thuấn là biểu tượng của bậc vua lý tưởng. Hai câu mở đầu, Nguyễn Du so sánh Vua Nghiêu với thiên nhiên theo quan niệm của Lão Tử: không làm mà chẳng có bỏ sót một việc gì, khiến muôn vật có nơi cậy trông nương nhờ. Hai câu sau ông nhắc lại truyện vua Nghiêu khi đang trị vì, không xây cung điện mà ở dưới mái tranh, thì ngay đâu xây miếu hương khói phụng thờ làm gì. Hai chữ nhất trung trong câu thứ năm tác giả rút từ lời vua Nghiêu dặn dò vua Thuấn: Doãn chấp quyết trung, nghĩa là giữ vững đạo trung, điều này mở

lối cho các vua đời sau, lời này ngàn thuở lưu truyền như đền vua Nghiêu trên núi Cửu Nghi. Hai câu kết, tác giả nhắc tới truyện vua Thuấn muốn nhường ngôi cho cao sĩ Hứa Do, Hứa Do không nhận vì hai chữ danh và thực, và Nguyễn Du tự hỏi ai là người biết hai chữ này.

Sứ đoàn đi ngang mộ Lưu Linh, một trong Trúc Lâm Thất Hiền, nổi tiếng vì bài Tửu Đức Tụng, ca ngợi cái đức của rượu, khiến Nguyễn Du có hứng viết bài:

劉伶墓

Lưu Linh Mộ

劉伶之子不成才
Lưu linh chi tử bất thành tài
荷插揚言死便埋
Hà sấp dương ngôn tử tiện mai
醉裡已能齊萬物
Túy lý dĩ năng tề vạn vật
死時何必念遺骸
Tử thời hà tất niệm hình hài
千年古墓長荊棘
Thiên niên cổ mộ trường kinh cức
萬里官道多風挨
Vạn lý quan đạo đa phong ai
何似清醒看世事
Hà tất thanh tỉnh khan thế sự
浮萍擾擾更堪哀
Phù bình nhiễu nhiễu cánh kham ai.

dịch là:

Mộ Lưu Linh

Lưu linh dầu chẳng thành tài
Chết đâu vùi đó lời này con lưu
Lúc say muốn sự như nhau
Di hài nhắm mắt lẽ đâu bận lòng
Ngàn năm gai cỏ mồ hoang
Bên trời muôn dặm đường quan bồi hồi
Cớ sao cứ tỉnh nhìn đời
Sắt se bèo nước nổi trôi đập dềnh.

Trong hai câu mở đầu, Nguyễn Du nhắc lại lời Lưu Linh, lúc còn sống ngồi xe thường có người hầu vác mai đi theo, và nói rằng: ‘chết đâu vùi đó’. Nguyễn Du cho rằng, nếu theo thuyết Tề Vật Luận của Trang Tử, mọi vật đều như nhau thời lúc chết rồi sao còn cần gì bận lòng về cái xác thừa. Nay, Nguyễn Du đi qua ngôi mộ hoang đầy gai cỏ mà thương thân mình đang trên đường ngàn dặm đầy cát bụi. Hai câu kết, Nguyễn Du như tự nhủ, sao mình cứ nhìn đời bằng con mắt người tỉnh, rồi ông trích Tửu Đức Tụng của Lưu Linh, thương cho kiếp người như cánh bèo trôi.

Sau mộ Lưu Linh, sứ đoàn qua mộ Kỳ Lân, Nguyễn Du viết áng thơ dài:

麒麟墓

Kỳ Lân Mộ

河北道中
Hà Bắc đạo trung
五尺豐碑當大路
ngũ xích phong bi đương đại lộ
中有楷字大書麒麟墓
中有楷字大書麒麟墓

Trung hữu khải tự đại thư kỳ lân mộ
 道傍故老未余言
 Đạo bàng cố lão vị dư ngôn
 永樂四年
 Vĩnh Lạc tứ niên
 貢麟道死葬此土
 貢麟道死葬此土
 cống lân đạo tử táng thử thổ
 官命立碑用存故
 官命立碑用存故
⁵Quan mệnh lập bi dụng tồn cố
 此事迄今已經古
 此事迄今已經古
 Thế sự hất kim dĩ kinh cổ
 但見官道蕩蕩無丘陵
 但見官道蕩蕩無丘陵
 Dẫn kiến quan đạo đãng đãng vô khâu lãng
 其旁不封亦不樹
 其旁不封亦不樹
 Kỳ bàng bất phong hữu bất thụ
 片石傾欺苔蘚蔓
 片石傾欺苔蘚蔓
 Phiến thạch khuynh khi đài tiễn mạn
 淒風朝吹暮苦雨
 淒風朝吹暮苦雨
¹⁰Thê phong triều xuy mô khổ vũ
 吁嗟麟乎何由睹
 吁嗟麟乎何由睹
 Hu ta lân hề hà do đở
 吁嗟麟乎天上祥
 吁嗟麟乎天上祥
 Hu ta lân hề thiên thượng tường
 骨肉委之虫蟻蠹
 骨肉委之虫蟻蠹
 Cốt nhục ủy chi trùng nghị đở
 麟兮麟兮爾何苦
 麟兮麟兮爾何苦
 Lân hề lân hề nhĩ hà khổ
 何況燕棣何如人
 何況燕棣何如人
¹⁵Hà huống Yên Đệ hà như nhân
 奪姪自立非仁君
 奪姪自立非仁君
 Đoạt diệt tự lập phi nhân quân
 暴怒一逞夷十族
 暴怒一逞夷十族
 Bạo nộ nhất sinh di thập tộc
 大棒巨鑊烹忠臣
 大棒巨鑊烹忠臣
 Đại bồng cự hoạch phanh trung thần
 五年所殺百餘萬
 五年所殺百餘萬
 Ngũ niên sở sát bách dư vạn
 白骨成山地血殷
 白骨成山地血殷
²⁰Bạch cốt thành sơn địa huyết ân
 麟兮果為此人出
 麟兮果為此人出
 Lân hề quả vi thử nhân xuất
 大是妖物何足珍
 大是妖物何足珍
 Đại thị yêu vật hà túc trân
 或是爾生不忍見剝戮
 或是爾生不忍見剝戮
 Hoặc thị nhĩ sinh bất nhẫn kiến sát lục
 先就此地捐其身
 先就此地捐其身
 Tiên tựu thử địa quyên kỳ thân
 吁嗟仁獸兮麒麟
 吁嗟仁獸兮麒麟
²⁵Hu ta nhân thú hề kỳ lân
 於世不見以為祥
 於世不見以為祥
 Ư thế bất kiến dĩ vi tường
 見之不過同犬羊
 見之不過同犬羊
 Kiến chi bất quá đồng khuyến dương
 若道能為聖人出
 若道能為聖人出
 Nhược đạo năng vị thánh nhân xuất
 當世何不南遊翔
 當世何不南遊翔

Đường thế hà bất mam du tường

dịch là:

Mộ Kỳ Lân

Nẻo Hà Bắc bia bên đường
Kỳ Lân Mộ chữ chân phương chưa mờ
Hỏi thăm ông lão ậm ừ
Rằng năm Vĩnh Lạc thứ tư lâu ngày
⁵Cống lân chết xác vùi đây
Dựng bia quan khiến truyện nay ai màng.
Đường quan một dải thênh thang
Bên bia không mộ đất bằng không cây
Đổ nghiêng bia đá rêu đầy
¹⁰Dầm mưa dải gió thảng ngày bấy lâu
Kỳ lân hỡi nay ở đâu
Báo diêm lành tự trời cao xuống trần
Chết cho sâu kiến khoét thân
Thương lân quá khổ xót lân nghẹn ngào
¹⁵Yên vương là kẻ ra sao
Cướp ngôi của cháu lẽ nào có nhân
Giết mười họ hạ cơn sân
Đánh đòn đốt xác trung thần đòi phen
Giết hơn trăm vạn dân đen
²⁰Núi xương biển máu bốn bên điều tan
Nếu vì người đó xuống trần
Ôi lân yêu vật ai cần thấy mi
Nơi đây gửi xác mi đi
Trốn cảnh chém giết nên mi lìa trần
²⁵Kỳ lân linh thú có nhân
Người đời ít thấy gặp lân diêm lành
Thấy thường dễ chó coi khinh
Nếu vì thánh chúa giáng sinh xuống trần
Sao lân không xuống đất Nam.

Theo sách cổ, kỳ lân là một linh thú, không giẫm lên vật sống, không bẻ cành cây tươi, nên gọi là loài thú có nhân. Chỉ khi nào trong nước có thánh nhân trị vì thì kỳ lân mới hiện ra, để báo một đời thịnh trị. Câu truyện cổ ông lão bên đường kể cho Nguyễn Du nghe, vói chi tiết lịch sử vào năm Vĩnh Lạc thứ tư, lân mang cống vua nhà Minh chết chôn bên đường, nay chỉ còn bia không còn mã, đã gọi cho ông nhớ lại vụ vua Thành Tổ nhà Minh cướp ngôi của cháu, gây rối loạn trong triều đình. Giết chín họ công thần Phương Hiếu Nhụ và toàn thể học trò của ông, chỉ vì ông không thảo chiếu nhường ngôi; gây chiến tranh khiến dân đen chết cả trăm vạn. Bởi sinh nhầm thời hôn quân mà kỳ lân đã chết. Nguyễn Du mong ước kỳ lân tái sinh ở miền nam để tránh cho đất nước và dân lành cảnh sống dưới triều bạo chúa, nếu quả kỳ lân là một linh vật.

Sứ bộ đi qua Yến Thành, nơi xưa kia tướng nhà Tống là Nhạc Phi đóng quân. Truyện Nhạc Vũ Mục bị Tần Cối giả lệnh vua hãm hại gợi hứng cho Nguyễn Du viết bài:

偃城岳武穆班師處
Yến Thành Nhạc Vũ Mục Ban Sư Xứ

當時曾駐岳家軍
Đương thời từng trú Nhạc gia quân
此地經金有戰塵
Thử địa kinh kim hữu chiến trần
大將空懷邦國恥
Đại tướng không hoài bang quốc恥

Đại tướng không hoài bang quốc sĩ
 君王已絕父兄親
 Quân vương dĩ tuyệt phụ huynh thân
 金牌十二有遺恨
 Kim bài thập nhị hữu di hận
 Thiết kỵ tam thiên không mộ vân
 鐵騎三千空暮雲
 Thiết kỵ tam thiên không mộ vân
 血戰十年成底事
 Huyết chiến thập niên thành đế sự
 風波亭下謝金人
 Phong ba đình hạ tạ kim nhân.

dịch là:

Yển Thành nơi Nhạc Vũ Mục Rút Quân

*Nơi đây Nhạc Vũ đóng quân
 Đất này đã trải bao lần lửa binh
 Tướng già vì nước liều mình
 Cha anh vua đã dứt tình thương ôi
 Kim bài di hận muôn đời
 Ba ngàn thiết kỵ mây trôi bèo bồng
 Mười năm huyết chiến uống công
 Tạ quân Kim chết dưới Phong Ba đình.*

Nhạc Vũ Mục tức Nhạc Phi, người thời Nam Tống, giỏi cả văn lẫn võ. Đời vua Tống Huy Tông có công dẹp giặc được phong Tinh Trung Nhạc Phi. Sau bị Tần Cối lập mưu hãm hại chết. Đến đời vua Tống Hiếu Tông lại được phục chức.

Yển Thành là nơi Nhạc Phi từng đóng quân. Đất này đã trải qua nhiều lần chiến trận. Mang danh đại tướng Nhạc Phi không vương nổi quốc sĩ, trong khi vua Tống Cao Tông không còn nghĩ tới cha là Tống Huy Tông, anh là Tống Cao Tông cả hai cùng bị quân Kim bắt. Tần Cối chủ mưu hòa với quân Kim một ngày nhân danh vua phát 12 kim bài triệu Nhạc Phi về kinh. Nhạc Phi về tới nơi thì bị tống giam, bị giết chết tại điện Phong Ba và tạ quân Kim để xin nghị hòa.

Sau chừng hai mươi ngày lưu tại Bắc Kinh, sứ bộ lên đường về phía đông, để về nước. Nguyễn Du viết bài:

東路 Đông Lộ

泰山山色滿青徐
 Thái sơn sơn sắc mãn Thanh Từ
 千里山東縱牧初
 Thiên lý Sơn Đông tủng mục sơ
 何處聖賢松佰下
 Hà sử thánh hiền tùng bách hạ
 別成絃誦魯鄒餘
 Biệt thành huyền tụng Lỗ Trâu dư
 他薌顏狀頻開鏡
 Tha hương nhan trang tần khai kính
 客路塵埃半讀書
 Khách lộ trần ai bán đọc thư
 行色匆匆歲雲暮
 Hành sắc mang mang tuế vân mộ
 不禁憑軾歎歸歟
 Bất cảm bằng thức thán quy dư

dịch là:

Đường Xuôi Đông

*Thanh Từ núp bóng Thái Sơn
Sơn đông ngàn dặm vờ trông ngại ngục
Thánh hiền đầu dưới bách tùng
Sách đàn Trâu Lỗ đôi vừng vẻ vang
Tha hương đối bóng nhìn gương
Lần trang rút ngắn ngày đường bụi bay
Nam tàn vội vã đường dài
Nào nề than thờ lòng ai thôi về.*

Hành trình sứ bộ hướng về phía đông trên đường về nước; đi qua hai châu Thanh và châu Từ dưới chân rặng núi Thái Sơn. Vùng này xưa thuộc nước Lỗ, quê của Khổng Tử và nước Trâu quê của Mạnh Tử. Ngồi xe, Nguyễn Du không biết làm gì hơn là lấy gương soi, và đọc sách suốt ngày để tạm khuây nổi đường dài gió bụi. Nam hồ tàn. khiến Nguyễn Du càng nóng lòng sớm về tới nhà; ông nhắc lại hai chữ quy dư của Khổng Tử, ngày ông quay về quê cũ sau nhiều năm tháng đi chu du các nước chư hầu, để mô tả nỗi mong mỏi này.

Sứ bộ đi ngang dài Tam Qui của Quận Trọng, người nước Tề thời Chiến Quốc. Nguyễn Du khởi hứng viết bài:

管仲三歸臺

Quản Trọng Tam Quy Đài

*舊臺湮沒草離離
Cựu đài nhân một thảo ly ly
曾以桓公霸一時
Tằng dĩ Hoàn Công bá nhất thì
郡縣城中空九合
Quận huyện thành trung không cửu hợp
莓苔石上記三歸
Môi đài thạch thượng ký Tam Quy
在朝巧與君心合
Tại triều xảo dữ quân tâm hợp
沒世終憐相業卑
Mạt thế chung liên tướng nghiệp ty
喜值聖朝公覆幬
Hỷ trị thánh triều công phục đảo
往來臺下雜華夷
Vãng lai đài hạ tạp Hoa Di.*

dịch là:

Đài Tam Quy của Quận Trọng

*Lan tràn cỏ ngập đài hoang
Một thời phò giúp Tề Hoàn ngôi cao
Chín lần hội hợp chư hầu
Tam Quy bàn đá dấu rêu xóa nhòa
Đương triều khéo được lòng vua
Trọng đời công nghiệp vẫn chưa vẹn toàn
Thánh triều công đức vẻ vang
Hoa di lui tới hân hoan dưới đài.*

Quản Trọng người nước Tề, nay là vùng Sơn Đông, khởi nghiệp giúp công tử Cự, sau thờ Hoàn Công làm chức tướng quốc, đưa nước Tề lên hàng giàu mạnh bá chủ thiên hạ: chín lần họp các vua chư hầu. Về già ông được Hoàn Công tôn làm thượng phụ, thưởng đất Tam Quy và xây đài cao ở đất này. Dầu được lòng vua như vậy, nhưng Khổng Tử chê ông chí khí tiểu tai và Mạnh Tử chê ông sự nghiệp tầm thường. Công nghiệp lớn của Quận Trọng là đánh

bại được các rợ miền Bắc, nhưng chính nhà Thanh cũng là một rợ miền Bắc lúc đó đang làm vua Trung Quốc.

Tiếp tới là bài:

榮啓期拾穗處
Vinh Khải Kỳ Thập Tuê Xứ

三樂人能有
Tam lạc nhân năng hữu
如何子獨知
Như hà tử độc tri
生貧猶不恤
Sinh bần do bất tuất
老死復何悲
Lão tử phục hà bi
曠野東山下
Khoảng dã Đông Sơn hạ
行哥拾穗時
Hành ca thập tuê kỳ
賢名留此地
Hiền danh lưu thử địa
千古起人思
Thiên cổ khởi nhân tư

dịch là

Nơi Vinh Khải Kỳ Mót Lúa

*Trời cho người ba niềm vui
Làm sao hưởng được trọn đời mình ông
Sống thanh bần chẳng bận lòng
Đến già đến chết ngoài vòng khổ đau
Đông Sơn bát ngát đồng sâu
Khúc ca mót lúa từng câu bổng trầm
Đất này ghi mãi danh thơm
Người nay tưởng nhớ ngàn năm lưu truyền.*

Vinh Khải Kỳ là một ẩn sĩ đời Xuân Thu. Sách Liệt Tử chép truyện Khổng Tử dạo chơi gặp Vinh Khải Kỳ ngoài đồng ruộng, vùng Đông Sơn, đang ca hát, bèn hỏi: “Ông có điều chi vui mà ca hát vậy”. Vinh Khải Kỳ đáp: “Tôi có ba điều vui. Một là vui được làm người, quý hơn muôn vật. Hai là làm đàn ông quý hơn đàn bà. Ba là vui sống tới chín mươi tuổi.”

Đông Sơn là một rặng núi, thuộc tỉnh Chiết Giang, nơi xưa tương Truyền Vinh Khải Kỳ đi mót lúa trong cánh đồng dưới chân núi. Câu truyện Vinh Khải Kỳ này dường như mang lại cho tác giả một nguồn vui, trái với phần lớn truyện các anh hùng vĩ nhân khác trong sử Trung Quốc, thường chỉ mang lại cho ông một nỗi buồn thương cảm.

Tiếp theo là bài:

孟子祠古柳
Mạnh Tử Từ Cổ Liễu

吾聞天池之濱有龍夭矯
Ngô văn thiên trì chi phần hữu long yêu kiểu
今之畫圖無略肖
Kim chi họa đồ vô lược chiếu
風雨一夜飛下來
Phong vũ nhất dạ phi hạ lai
化為亞聖宮門柳
Hóa vị á thánh cung môn liễu

Hoá vi á thánh cung môn liễu
 此柳渾全百十圍
⁵Thử liễu hồn toàn bách thập vi
 養成大物非一時
 Dưỡng thành đại vật phi nhất thì
 雨露天意獨滋潤
 Vũ lô thiên ý độc tư nhuận
 鬼神暗中相扶持
 Quỷ thần ám trường phù trì
 枝柯落落老益壯
 Chi kha lạc lạc lão ích tráng
 Chi kha lạc lạc lão ích tráng
 歲月悠悠深不知
¹⁰Tuế nguyệt du du thâm bất tri
 左蟠右轉當大道
 Tả bàn hữu chuyển đương đại đạo
 過客不敢攀其枝
 Quá khách bất cảm phan kỳ chi
 匆匆鬱鬱抱元氣
 Thông thông uất uất bảo nguyên khí
 天下斯文其在斯
 Thiên hạ tư văn kỳ tại tư
 鄉人支以二石柱
¹⁵Hương nhân chi dĩ nhị thạch trụ
 石柱既深根愈固
 Thạch trụ ký thâm căn dụ cố
 不同凡卉小春秋
 Bất đồng phàm hủi tiểu xuân thu
 Bất đồng phàm hủi tiểu xuân thu
 半畝風煙自今古
 Bán mẫu phong yên tự kim cổ
 Bán mẫu phong yên tự kim cổ
 灑然之氣非尋常
 Hạo nhiên chi khí phi tầm thường
 Hạo nhiên chi khí phi tầm thường
 大才應與天齊壽
²⁰Đại tài ưng dữ thiên tề thọ

dịch là:

Cây Liễu Cổ Đền Mạnh Tử

Hắng nghe:
 Rõng vàng vùng vẫy ao trời
 Tranh này chẳng giống với lời mây may
 Gió mưa rỗng hạ nơi đây
 Cửa đền Á thánh hóa cây liễu thần
⁵Thân cây trăm lẻ người ôm
 Nuôi cây cao lớn dày ơn mới thành
 Nhờ trời mưa móc thấm nhuần
 Thần phù quỷ trợ ngấm ngấm mới nên
 Sum suê cành cứng lá mềm
¹⁰Càng già càng mạnh vững bền thảng năm
 Đồi bên tả hữu đường quan
 Qua đường chẳng dám bẻ cành ngắt hoa
 Ấp ôm nguyên khí chan hòa
 Tư vẫn thiên hạ tinh hoa cõi này
¹⁵Một đôi cột đá làng xây
 Cột càng sâu chắc rễ cây càng bền
 Khác phường cây đại cỏ hèn

*Xưa nay nửa mẫu phong yên vững vàng
Hạ nhiên chí khí hiên ngang
20 Cây cùng trời đất sống ngàn vạn năm.*

Theo Sử Ký của Tư Mã Thiên²⁶, Mạnh Tử tên là Mạnh Kha, học trò Tử Tư, cháu của Khổng Tử. Sau thờ Tề Tuyên Vương, Tề Tuyên Vương không dùng ông khiến ông phải sang nước Lương. Lương Huệ Vương cũng lưỡng lự, cho lời Mạnh Tử là viển vông không sát thực tế. Lúc bấy giờ khắp chư hầu đang lo hợp tung liên hoành, lấy truyền chinh chiến làm trọng, mà Mạnh Tử bàn về Đường Ngu Tam Đại, nên đi đến đâu tuy đều được kính trọng, không gặp khó khăn như Khổng Tử, nhưng cũng không được vừa ý. Ông lui về cùng Vạn Chương, xếp đặt lại Kinh Thi Kinh Thư của Khổng Tử, làm bảy thiên sách Mạnh Tử.

Mạnh Tử chủ trương trọng nhân nghĩa, nên cho rằng chiến tranh là việc phi nghĩa. Người đời sau học sách ông tôn ông lên bậc Á Thánh của đạo Nho.

Nguyễn Du cùng sứ bộ qua đền Á Thánh Mạnh Tử. Ông so sánh cây liễu cổ trước đền với cây liễu đó vẽ trong tranh mà nhận ra điểm khác biệt. Ông cũng kể lại thoại lưu truyền nói rằng câu liễu vốn là con rồng từ trời cao giáng xuống mà thành. Ông ca tụng cây liễu cổ sống cả hơn hai ngàn năm, như biểu tượng cho chí khí nhà nho.

Cuộc hành trình về nước đưa sứ bộ qua Cầm Đài của Kê Khang, Nguyễn Du viết bài dưới đây:

嵇康琴臺

Kê Khang Cầm Đài

琴臺古跡記嵇康
Cầm đài cổ tích ký Kê Khang
人死琴亡臺亦荒
Nhân tử cầm hoang đài diệc hoang
文武七絃終寂寂
Văn võ thất huyền chung tịch tịch
東西兩晉亦芒芒
Đông tây lưỡng Tấn diệc mang mang
至今不朽惟童性
Chí kim bất hủ duy đồng tính
此後何人到醉鄉
Thử hậu hà nhân đáo túy hương
嘆息廣陵絃絕後
Thán tức Quảng Lăng huyền tuyệt hậu
琵琶新譜半胡姜
Tỳ bà tân phổ bán Hồ Khương.

dịch là:

Cầm Đài của Kê Khang

*Cầm đài đồn của Kê Khang
Người đi đàn vắng đài hoang bấy chầy
Vũ văn bật tiếng bấy dây
Biệt tâm Lương Tấn đông tây vô thường
Danh truyền trẻ tính dễ thương
Sau này ai kể noi đường làng say
Quảng Lăng dứt khúc bi ai
Tỳ bà điệu mới lẫn bài Hồ Khương.*

Kê Khang (223-262) tên thực là Thúc Dạ, người đời Tấn, một trong Trúc Lâm Thất Hiền, đàn rượu tuyệt hay. Sùng đạo Lão Trang, coi thường Nho đạo, lúc đó nhà Tấn đưa lên hàng quốc giáo. Nhân vụ Kê Khang bênh vực bạn ông là Lữ An bị cáo tội bất hiếu, ông bị Chung Hội vu

26. Sử Ký Tư Mã Thiên, sách đã dẫn, Mạnh Tử, Tân Khanh Liệt Truyện, tr. 433-435

cáo tội bất hiếu và kết tội tử hình cùng với Lữ An. Trước khi thụ hình, ông gảy khúc Quảng Lăng Tán. Đàn xong ông nói: “Có kẻ xin học bài đàn này ta không dạy, thế là từ nay khúc đàn này không còn ai đàn nữa.” Ông để lại nhiều bản văn xuôi bàn về âm nhạc nổi tiếng đến ngày nay. Hai câu kết cho hay là sau Kê Khang âm nhạc Trung Quốc pha lẫn âm điệu người Hồ Khương.

Tiếp tục hành trình về phía đông, sứ bộ theo đường núi huyện Đông A, Nguyễn Du ghi lại cảnh bên đường trong bài:

東阿山路行
Đông A Sơn Lộ Hành

東阿路出亂山中
Đông A lộ xuất loạn sơn trung
萬樹松杉一逕通
Vạn thụ tùng sam nhất kính thông
澗霧自生宜隱豹
Giản vụ tự sinh nghi ẩn báo
溪雲無事懶從龍
Khê vân vô sự lãn tòng long
丘陵處處留前大
Khâu Lăng xứ xứ lưu tiền đại
桑柘家家近古風
Tang chá gia gia cận cổ phong
笑我白頭忙不了
Tiểu ngã bạch đầu mang bất liễu
嚴寒一路過山東
Nghiem hàn nhất lộ quá Sơn Đông.

dịch là:

Trên Đường Núi Đông A
*Đường Đông A núi trùng trùng
Hai bên vạn gốc sam tùng cheo leo
Sương mờ xóa vết hùm beo
Mây giăng lòng suối ngại theo cánh rồng
Đấu xưa vết cũ bên cồn
Thói lẽ đời trước tang nông lưu truyền
Cười mình đầu bạc truân truân
Đường dài giá lạnh bên miền Sơn Đông.*

Hai câu đầu, Nguyễn Du ghi lại hình ảnh đường núi Đông A, núi non trùng trùng, sam tùng rậm rạp. Câu ba và bốn dường như tác giả muốn dùng điển cũ ghi lại một ý nghĩ về việc xuất xứ. Câu thứ ba, lấy từ Liệt Nữ truyện. Vợ Đào Đáp khuyên chồng: “Thiếp nghe nói trên núi Nam Sơn có con báo đen, trời sương mù bấy ngày không xuống núi kiếm mồi vì muốn giữ gìn bộ lông mượt của nó.” Câu

thứ tư nhắc lại lời Khổng Tử trong Kinh Dịch: “Vân tòng long, phong tòng hổ.” Người đời sau dùng câu này để diễn tả việc vua tôi gặp gỡ. Cả hai câu dường như diễn tả ý tác giả hối tiếc sao chẳng như con báo, giữ bộ lông đẹp mà phải sông sáo trên hoạn lộ. Lúc này lòng ông như thấy ngại ngừng như mây suối ngại bay theo rồng. Với ý nghĩ đó ông cười ông bạc đầu con vất vả việc quan, trên con đường dài rét mướt.

Rồi sứ đoàn đi ngang mộ Sở Bá Vương, làm tướng nước Sở, từng diệt nước Trần, lập ra nước Tây Sở, gợi hứng cho Nguyễn Du viết hai bài dưới đây:

楚霸王墓
Sở Bá Vương Mộ

二首
Nhị Thủ
其一
Kỳ Nhất

拔山扛鼎奈天河
Bạt sơn giang đĩnh nại thiên hà
夙恨悠悠寄淺沙
Túc hận du du ký thiển sa
霸王上以成天子氣
Bá vương dĩ thành thiên tử khí
帳中空聽美人歌
Trướng trung không thính mỹ nhân ca
眼前片石英雄在
Nhãn tiền phiến thạch anh hùng tại
事後群儒口舌多
Sự hậu quần nho khẩu thiệt đa
欲覓長陵一坯土
Dục mịch Trường Lăng nhất phôi thổ
赤眉亂後遍蓬麻
Xích my loạn hậu biến bông ma.

其二

KỲ NHỊ

路旁片石獨崢嶸
Lộ bàng phiến thạch độc tranh vanh
不是烏江是魯城
Bất thị Ô Giang thị Lỗ Thành
及識敗亡非戰罪
Cập thức bại vong phi chiến tội
空勞智力與天爭
Không lao trí lực dĩ thiên tranh
古今無那英雄盡
Cổ kim vô ná anh hùng tận
風雨獨聞叱吒聲
Phong vũ độc văn sất sá thanh
寂寂二時無掃祭
Tịch tịch nhị thời vô tảo tế
春來虞草自叢生
Xuân lai Ngu thảo tự tùng sinh.

dịch là:

Mộ Sở Bá Vương

Hai Bài

I

Sức đời non chẳng lại trời
Hận vùi cát mỏng ngàn đời chưa tan
Con Trời Bá Thượng hiển thân
Sau màn tiếng hát giai nhân nỡ nung
Đá còn ghi dấu anh hùng
Bại thành nho giả chẳng ngừng chê khen
Muốn tìm ra nắm đất đen
Xích My tan giặc Trường Lăng gai đầy.

II

Bên đường tẩm đá trên vênh
 Ô Giang không dựng La Thành dựng lên
 Bại vong chẳng tại tài hèn
 Uống công đầu trí một phen với trời
 Anh hùng kim cổ lệ rơi
 Trong mưa đường có tiếng người thét vang
 Hương tàn khói lạnh vắng hoang
 Cỏ ngu xanh mướt hàng năm xuân về.

Tây Sở Bá Vương tức Hạng Tịch, tên chữ là Võ, nen quen gọi là Hạng Võ, cùng Lưu Bang tranh đoạt thiên hạ. Tây Sở Bá Vương bị thua trận Cai Hạ, chạy tới Ô Giang thì tự vẫn.

Mở đầu bài thứ nhất Nguyễn Du nhắc lại truyền sức khoẻ hơn đời của Hạng Võ từng được ca tụng là sức bạt núi hay cưỡi đỉnh. Mà đằng mang hận xuống mồ dưới lớp cát mỏng. Bá Thượng là chỗ Lưu Bang đóng quân, thuộc tỉnh thiểm tây, tục truyền có đám mây năm sắc hình rồng hiện ra báo điềm Lưu Bang sẽ lên ngôi thiên tử. Câu thứ tư là truyện trong tư dinh Hạng Võ, ngày bị vây ở Cai Hạ, Hạng Võ vẫn làm thơ, vợ là Ngu Cơ họa lại và hát. Hạng Võ cùng chư tướng đều rơi nước mắt.

Phiến đá trước mặt Nguyễn Du còn ghi dấu anh hùng để nhớ giả đời sau bàn tán.

Nguyễn Du liên tưởng tới mộ Lưu Bang ở Trường Lăng, từ ngày giặc Xích My lật đổ ngôi nhà Hán thời gai cỏ cũng mọc đầy.

Sang bài thứ hai, nhìn tẩm đá đổ chênh vênh bên đường, Nguyễn Du nghĩ tới truyện cũ, Hạng Võ tự vẫn tại Ô Giang, nhưng Lưu Bang còn dùng đầu Hạng Võ dụ hàng Lỗ Thành, nên mồ Hạng Võ ở Lỗ Thành, thay vì Ô Giang. Ông nhìn nhật là Hạng Võ bại trận không vì kém tài mà vì đã uống công mang sức người ra đấu với trời. Đó là cái hận khiến bao anh hùng từ xưa tới nay phải nuốt lệ, không riêng gì Hạng Võ lúc vĩnh biệt Ngu Cơ, nhưng bên tai Nguyễn Du dường như còn nghe tiếng hét Hạng Võ thúc quân trong mưa. Tâm bia hương tàn khói lạnh, hàng năm cỏ ngu, trên mộ Ngu Cơ, vẫn còn xanh mướt ngày xuân về.

Đi ngang mộ Liễu Hạ Huệ, Nguyễn Du có bài:

柳下惠墓
 Liễu Hạ Huệ Mộ

吳店橋通泗水波
 Ngô Điểm kiều thông Tứ Thủy ba
 士師名蹟未消磨
 Sĩ sư danh tích vị tiêu ma
 事人直道寧三黜
 Sự nhân trực đạo寧三黜
 Sứ nhân trực đạo ninh tam truất
 作聖全功在一和
 Tác thánh toàn công tại nhất hòa
 相對尼山長有魯
 Tương đối Ni Sơn trường hữu Lỗ
 可憐盜跖已無家
 Khả liên Đạo Chích dĩ vô gia
 碑殘沒字埋荒草
 Bì tàn một tự mai hoang thảo
 千古聞風一下車
 Thiên cổ văn phong nhất hạ xa.

dịch là:

Mộ Liễu Hạ Huệ
 Cầu Ngô Điểm ngang Tứ Giang
 Sĩ sư danh tích thời gian chẳng mòn
 Ba lần truất một lòng son
 Chữ hòa bậc thánh nên công hơn người

*Ni Sơn nước Lỗ há đời
Thương cho Đạo Chích một đời tha hương
Bia tàn dưới ngọn cỏ hoang
Nghe danh thiên cổ xe ngừng viếng ông.*

Liễu Hạ Huệ, tức Thiên Cầm, tên Hoạch, tự là Quý, người đất Hạ Huệ, nước Lỗ thời Xuân Thu, làm sĩ sư ba lần bị truất cả ba, nhưng không bỏ nước mà đi. Có người hỏi, ông trả lời: “Lấy đạo thẳng mà thờ người thì đi đâu mà không bị ba lần truất! Lấy đạo cong thờ người thì hà tất phải bỏ nước của cha mẹ?”. Khi ông chết chôn tại đầu cầu Ngô Điểm, bắc ngang sông Tứ Thủy. Mạnh Tử khen Liễu Hạ Huệ là Thánh chi hòa. Nguyễn Du tâm phục Liễu Hạ Huệ, ngừng xe viếng mộ người ngàn xưa, nay chỉ còn tấm bia tàn chìm dưới cỏ hoang. Đạo Chích là em Liễu Hạ Huệ, khác hẳn anh. Suốt đời lang bạt làm tướng cướp, giết người cướp của. Chết đi, người đời lấy tên Đạo Chích gọi phường trộm cướp.

Sứ bộ qua sông Hoàng Hà, vào đất Từ Châu, ở phía bắc tỉnh Giang Tô, rồi đổi hướng đi về phía nam về nước.

Trên đường Từ Châu, Nguyễn Du viết bài:

徐州道中
Từ Châu Đạo Trung

桑乾南下白雲多
Tang Càn nam hạ bạch vân đa
水遠山長瞥眼過
Thủy viễn sơn trường miết nhãn qua
萬里利名驅白髮
Vạn lý lợi danh khu bạch phát
一天風雪渡黃河
Nhất thiên phong tuyết độ Hoàng Hà
每憐故態惟狂在
Mỗi duyên cố thái duy cuồng tại
欲覓新歡奈老何
Dục mịch tân hoan nại lão hà
攘盡苦寒三闕月
Nhường tận khổ hàn tam duyệt nguyệt
嶺頭落得看梅花
Lĩnh đầu lạc đắc khán mai hoa
Lĩnh đầu lạc đắc khán mai hoa.

dịch là:

Trên Đường Từ Châu
*Mé nam mây trắng Tang Càn
Núi cao sông rộng mệnh mang trông vời
Ngàn trùng danh lợi đeo đời
Vượt Hoàng Hà buổi tuyết rơi mịt mù
Thương mình nếp cũ nông cuồng
Tìm nguồn vui mới tóc sương già rồi
Ba trăng rét mướt ớn người
Đỉnh non mai trắng một trời nở hoa*

Cảnh bên đường Từ Châu, cũng chỉ có núi cao sông rộng, mây trắng mệnh mang. Tác giả nhìn lại mình, tự trách sao còn mắc vòng danh lợi, tóc trắng còn lênhên bên trời gió tuyết. Cái gia đến khiến niềm nông cuồng tuổi trẻ cũng nguội lạnh, không còn thiết đi tìm cái vui mới. Ba tháng chịu rét mướt, nay được đền bù bằng cảnh một trời hoa mai trắng nở trên đầu non.

Vượt qua sông Hoàng Hà, từ trên đê, nhìn xuống Từ Châu, Nguyễn Du viết bài:

徐州堤上望
Từ Châu Đê Thượng Vọng

一 河南北古爭衡
Nhất hà nam bắc cổ tranh hành
河上徐州舊有名
Hà thượng từ châu cựu hữu danh
戲馬舊臺秋草遍
Hí mã cựu đài thu thảo biến
斷蛇大澤暮雲平
Đoạn xà đại trạch mộ vân bình
一城人物窩中蟻
Nhất thành nhân vật oa trung nghĩ
四路舟車水上萍
Tứ lộ chu xa thủy thượng bình
帳望紅塵渺無際
Trướng vọng hồng trần diệu vô tế
不知日日此中行
Bất tri nhật nhật thử trung hành.

dịch là:

Từ Đê Cao Nhìn Xuống Từ Châu
Một sông hai nước tranh dành
Từ Châu bờ bắc nổi danh đất này
Trường đua ngựa cỏ thu đầy
Đầm sâu chém rắn bóng mây ngang trời
Thành như tổ kiến đầy người
Nước bè bốn ngả ngược xuôi xe thuyền
Buồn trông cát bụi một miền
Nào hay chốn ấy đua chen ngày ngày.

Trong bốn câu đầu, Nguyễn Du gợi lại những cảnh chinh chiến, những di tích xây cất cùng những thần thoại xảy ra trên đất Từ Châu, từ nhưng đời xa xưa mà từ trên đê cao ông nhìn thấy. Trước mắt ông đô thị này ngày nay đông người như tổ kiến, thuyền bè xe cộ ngược xuôi, bụi bay mờ mịt, và không ngờ chính ông cũng đang đi vào chốn đó.

Bài thứ ba, Nguyễn Du viết trong dịp qua Từ Châu là bài:

徐州夜
Từ Châu Dạ

行路避干戈
Hành lộ ty can qua
嚴冬夜渡河
Nghiêm đông dạ độ hà
月來南國大
Nguyệt lai nam quốc đại
山入北徐多
Sơn nhập bắc Từ đa
城外列兵甲
Thành ngoại liệt binh giáp
城中聞絃歌
Thành trung văn huyền ca
枯楊三百樹
Khô dương tam bách thụ

樹樹有啼鴉
Thụ thụ hữu đề nha.

dịch là:

Đêm Từ Châu

*Tránh đao binh phải đổi đàng
Qua sông đêm giá đò sang mịt mù
Trời nam trắng sáng một vùng
Đất Từ mé bắc chấp chùng núi cao
Ngoài thành gươm giáo xông xao
Trong thành đàn hát ngọt ngào vắng đưa
Ba trăm dương liễu chết khô
Inh tai tiếng quạ chẳng chừa một cây.*

Trong chuyến đi sứ đoàn đã gặp cảnh binh biến mà Nguyễn Du tả rõ trong bài Trở Bình Hành, nên chuyển về, như viết trong câu mở đầu trên đây, sứ đoàn phải đổi lộ trình để tránh trở ngại. Cũng vì vậy mà sứ đoàn phải qua sông trong đêm tối. Nhìn về phương nam, Nguyễn Du thấy trắng sáng, mé Bắc là Từ Châu chỉ thấy núi trùng trùng điệp điệp. Ngoài thành chỗ nào cũng thấy có quân lính, nhưng trong thành vẫn có đàn ngọt hát hay. Nhưng Nguyễn Du nhìn thấy hình ảnh chết tróc tang thương hiện trên hàng ba trăm cây dương liễu chết khô, cây nào cây nấy quạ đậu đen kêu inh tai.

Sứ bộ đi ngang mộ Phạm Tăng, quân sư của Hạng Võ. Nguyễn Du có thơ đề như sau:

亞父墓
Á Phụ Mộ

眼看霸上五雲孚
Nhãn khan bá phụ ngũ vân phù
汲汲方圖一繫謀
Cấp cấp phương đồ nhất kích mưu
但得此心無負楚
Đãn đắc thử tâm vô phụ Sở
不知天命已歸劉
Bất tri thiên mệnh dĩ quy Lưu
伯圖泯滅千年後
Bá đồ dẫn diệt thiên niên hậu
古墓荒涼三尺秋
Cổ mộ hoang lương tam xích thu
多少一心忠所事
Đa thiểu nhất tâm trung sở sự
每為天下笑其愚
Mỗi vi thiên hạ tiếu kỳ ngu.
Mỗi vì thiên hạ tiếu kỳ ngu.

dịch là:

Mộ Á Phụ

*Mây trời Bá thượng năm màu
Giết thù canh cánh mưu sâu bên lòng
Không phụ Sở dạ sắt son
Mệnh trời nào biết vương tròn về Lưu
Bá đồ ngàn thừa đả tiêu
Thu về mộ cổ điêu hiu vời vời
Lòng trung một tấc bao người
Mĩa mai mệnh thế chê cười đại ngu.*

Theo Sử Ký của Tư Mã Thiên ²⁷, Phạm Tăng, người đất Cư Sào, 70 tuổi còn thích bày mưu cao kế lạ, được Sở Bá Vương Hạng Võ vời ra giúp. Hạng Võ kính trọng gọi ông là Á Phụ. Phạm Tăng biết mệnh trời đã ứng về Lưu Bang, nhưng vì lòng trung với nước Sở, vẫn phò Hạng Võ đánh Lưu Bang. Hai lần Phạm Tăng hiến kế cho Hạng võ giết Lưu Bang, cả hai cùng không được Hạng Võ dùng. Phạm tăng uất mà sinh bệnh chết. Qua mộ Phạm Tăng, Nguyễn Du tỏ lòng thương hại, nhưng mưu sĩ như Phạm Tăng, vì chữ trung mà để người đời chê cười là ngu dại.

Đi ngang mộ Chu Du, Nguyễn Du viết bài:

周郎墓
Chu Lang Mộ

燒盡曹家百萬兵
Thieu tân Tào gia bách vạn binh
丈夫差足慰平生
Trượng phu sai túc úy bình sinh
同年交誼聯孫策
Đồng niên giao nghị liên Tôn Sách
一世知音得孔明
Nhất thế tri âm đắc Khổng Minh
瓦礫吳宮荒帝業
Ngoã lịch Ngô cung hoang đế nghiệp
荆冢古墓上雄名
Kinh trản cổ mộ thượng hùng danh
二喬香骨藏何所
Nhị kiều hương cốt tàng hà sở
眼見銅臺半已傾
Nhãn kiến Đồng đài bán dĩ khuynh.

dịch là:

Mộ Chu Lang

*Đốt tan trăm vạn quân Tào
Trượng phu thỏa chí anh hào bình sinh
Đồng niên Tôn Sách kết tình
Tri âm tương đắc Khổng Minh toại nguyện
Cung Ngô nghiệp đế nào bền
Cỏ gai mộ cổ lưu truyền danh cao
Nhị Kiều hương cốt vùi đâu
Còn kia Đồng Tước nửa lâu đổ nghiêng.*

Chu Lang là tên người đương thời gọi Chu Du, vì khi được vua Tôn Sách nước Đông Ngô, thời Tam Quốc, phong làm Kiến Uy Trung Lang Tướng, thì Chu Du mới có 24 tuổi. Tôn Sách chết sớm, em là Tôn Quyền lên nối ngôi. Chu Du thờ Tôn Quyền, dùng hỏa công đốt cháy trăm vạn quân Tào tại trận Xích Bích., trên sông Trường Giang. Chu Du bằng tuổi Tôn Sách và được coi là tri âm của Khổng Minh, tướng quốc nước Thục.

Chu Du còn là anh em cọc chèo với Tôn Sách. Vợ Tôn Sách là Đại Kiều, vợ Chu Du là Tiểu Kiều, là hai người đẹp đất Đông Ngô. Tào Tháo xây đài Đồng Tước, con là Tào Thực làm một bài phú có câu:

lãm nhị kiều chi nhuế đống

nghĩa là:

ngắm hai cây cầu bắc cầu vồng.

²⁷ Sử Ký, Tư Mã Thiên, sách đã dẫn, Hạng Võ Bản Ký, đoạn 6, tr.88-96.

Khổng Minh được biết Chu Du có ý muốn mang quân đánh Thục, Khổng Minh nói khích Chu Du đổi ra là:

nhị Kiều chi dữ cộng

nghĩa là:

bắt hai nàng Kiều về [cho ở ở đài Đồng Tước]

để trục tức Chu Du. Ngoài ra Chu Du có kế gì để hành quân, Khổng minh đều đoán trúng hết, khiến Chu Du tức thổ máu mà chết.

Sau đó sứ bộ đi ngang đài Phân Kinh của thái tử nước Lương, con của Lương Võ Đế (502-549), theo Truyền Đăng Lục là bậc quý nhân đầu tiên Đức Đạt Ma tiếp xúc khi ngài vừa tới Trung Quốc.²⁸ Nguyễn Du nhân đó viết bài thơ dài:

梁昭明太子

Lương Chiêu Minh Thái Tử

分經石臺

Phân Kinh Thạch Đài

梁朝昭明太子分經處

Lương triều Chiêu Minh thái tử phân kinh xứ

石臺猶記分經字

Thạch đài do ký phân kinh tự

臺基蕪沒雨中

Đài cơ vu một vũ hoa trung

百草驚寒盡枯死

Bách thảo khô hàn tận khô tử

不見遺經在何所

⁵Bất kiến di kinh tại hà sở

往事空傳梁太子

Vãng sự không truyền Lương Thái Tử

太子年少溺於文

Thái Tử niên thiếu nich ư văn

彊作解事徒紛紛

Cưỡng tác giải sự đồ phân phân

佛本是空不著物

Phật bản thi không bất trước vật

何有乎經安用分

¹⁰Hà hữu hồ kinh an dụng phân

靈文不在言語科

Linh văn bất tại ngôn ngữ khoa

孰為金剛為法華

Thục vi kim cương vi pháp hoa

色空境界茫不悟

Sắc không cảnh giới mang bất ngộ

癡心歸佛佛生魔

Si tâm quy Phật Phật sinh ma

一門父子多膠蔽

¹⁵Nhất môn phụ tử đa giao tế

一念之中魔自至

Nhất niệm chi trung ma tự chí

山陵不涌蓮花臺

Sơn lăng bất dũng liên hoa đài

白馬朝渡長江水

28. Suzuki, Thiền Luận I, bản dịch của Trúc Thiên, Đại nam tái bản tại Hoa Kỳ, tr.296-297.

Bạch mã triều độ Trường Giang thủy
 楚林禍木池殃魚
 Sở lâm hoa mộc tri ương ngư
 經卷燒灰臺亦圯
²⁰ Kinh quyển chi hôi đài diệc tị
 空留無益萬千言
 Không lưu vô ích vạn thiên ngôn
 後世愚僧徒聒耳
 Hậu thế ngu tăng đồ quát nhĩ
 吾聞世宗在靈山
 Ngô văn Thế Tôn tại Linh Sơn
 說法度人如恆河沙數
 Thuyết pháp độ nhân như Hằng Hà sa số
 人了此心人自渡
²⁵ Nhân liễu thử tâm nhân tự độ
 靈山只在汝心頭
 Linh Sơn chỉ tại nhữ tâm đầu
 明鏡亦非臺
 Minh kính diệc phi đài
 菩提本無樹
 Bồ đề bản vô thụ
 我讀金彊千遍零
 Ngã đọc Kim Cương thiên biến linh
 其中奧旨多不明
³⁰ Kỳ trung áo chỉ đa bất minh
 及到分經石臺下
 Cập đảo Phân Kinh thạch đài hạ
 纔知無字是真經
 Tài chi vô tự thị chân kinh.

dịch là:

**Đài Phân Kinh của Thái Tử
 Chiêu Minh Triều Lương**
*Nơi Lương thái tử chia kinh
 Con ghi hai chữ phân kinh rêu mờ
 Nền đài hoang dưới màn mưa
 Cỏ cây băng giá chết khô một trời
 Kinh xưa nay mất hết rồi
 Lời còn đồn đại từ đời nhà Lương
 Rằng thái tử chuộng văn chương
 Chuyện phân kinh khó mà lường đúng sai
 Phật tính không vật hình ngoài
 Huống là kinh khéo đặt bày chia phân
 Linh thiêng đâu ở lời văn
 Pháp Hoa chẳng vị Kim Cang chẳng vì
 Sắc không cảnh giới đời khi
 Si mê theo Phật khác gì theo ma
 Cha con mù quáng một nhà
 Chính lời tụng niệm sinh ma trong lòng
 Núi gò chưa nở sen hồng
 Một mai ngựa trắng vượt dòng Trường giang
 Vạ lây cá vực chim ngàn
 Đài phân kinh đổ kinh thành than đen
 Ngàn lời vô ích lưu truyền*

*Rác tai hậu thế muôn thiên luận bàn
Đức Thế Tôn tại Linh Sơn
Độ người số kể cát sông Hằng Hà
Linh Sơn chính tại tâm ta
Thấy tâm là tự độ ta một đời
Gương trong đầu phải tại đài
Bồ đề đầu phải là cây cối trần
Kim Cang ta đọc ngàn lần
Nhiều câu chưa hiểu thấu phần sâu xa
Đến đài đây chợt vỡ ra
Rằng kinh không chữ mới là chân kinh.*

Chữ phân kinh theo giới nghiên cứu có thể là việc phân phát kinh cho Phật tử, mà cũng có thể là việc chấm câu phân đoạn, chia thành bộ các kinh điển Phật học đương thời. Tiếp theo Nguyễn Du nói tới cái khó khăn dùng ngôn ngữ để giảng kinh Phật học, cùng lòng si mê theo Phật cũng chẳng khác gì si mê theo ma. Ông trách cha con Lương thái tử quá say sưa học đạo, khiến chưa đắc đạo thì nước mất nhà tan, Hầu Cảnh tướng nhà Đông Ngụy cỡi ngựa trắng vượt Trường Giang vào tàn phá kinh đô nhà Lương. Lương Võ Đế bị bắt giam và bỏ chết đói.

Trở về truyện đức Thế Tôn độ người số kể như cát sông Hằng Hà, người đọc thơ dường như thấy Nguyễn Du tin tưởng ở ba chữ Phật tại tâm: làm sao thấy được tâm là thấy Phật. Ông nhắc lại lời kệ của Lục Tổ Huệ Năng, tác giả kinh Kim Cang mà ông từng đọc ngàn lần chưa thấu hiểu trọn vẹn. Bỗng nay tới Phân Kinh thạch đài ông mới chợt hiểu là: kinh không chữ mới thật là kinh, đứng với chủ thuyết: bất lập văn tự của Sơ Tổ Thiên Tông.

Sứ bộ vào tới đường Tổ Sơn, vùng núi thuộc phía bắc Hoàng Châu, tỉnh Triết Giang. Cảnh thu miền núi gọi hứng cho Nguyễn Du viết bài:

祖山道中
Tổ Sơn Đạo Trung

楓樹林中葉亂飛
Phong thụ lâm trung diệp loạn phi
驚沙作雨上征衣
Kinh sa tác vũ thượng chinh y
蕭蕭枯草路一線
Tiêu tiêu khô thảo lộ nhất tuyến
寂寂斜陽山四圍
Tịch tịch tà dương sơn tứ vi
去日兩河曾習戰
Khứ nhật lưỡng hà tăng tập chiến
紆途千里正思歸
Vu đồ thiên lý chính tư quy
皤皤白髮紅塵路
Ba ba bạch phát hồng trần lộ
日暮登高悲莫悲
Nhật mộ đăng cao bi mạc bi

Tổ Sơn Đạo Trung
*Lá bay xào xạc rừng phong
Cát lấm lấm áo trận lòng quan san
Tiêu điều cỏ úa bên đàng
Núi cao tĩnh mịch chặn ngang bóng tà
Hà Nam Hà Bắc can qua
Đường dài ngao ngán nhớ nhà thêm tăng
Bụi hồng mái tóc điểm sương
Sầu dâng đầu núi chiều buông não lòng.*

Trên đường Tô Sơn qua khu rừng phong lá rụng, bụi đường lấm áo làn Nguyễn Du trạnh nổi nhớ nhà. Lại một lần nữa ông thương thân, tóc bạc trên đầu còn rong ruổi trên đường thiên lý, với mối đe dọa của chiến trận nghẽn lối, và dường như trong lòng ông không còn chút tha thiết với lợi danh.

Hành trình của sứ bộ đi qua mộ của Nhạc Phi đời Tống. Thờí đó triều Tống chia lam hai phe: phe Tần cố chủ trương hòa với người Kim, phe Nhạc Phi chủ trương đánh người Kim tới cùng. Sau mười năm gây dựng lại quân đội, Nhạc Phi đem quân đánh nước Kim. Tần Cố mạo lệnh vua gọi về, hạ ngục rồi giết chết. Ghép Nhạc Phi vào tội chết, có người Hàn Thế Trung hỏi vì tội gì, Tần Cố trả lời: “Mạc tu hữu” nghĩa là chẳng cần có [lý do]. Người đời sau gọi vụ án này vụ án ba chữ. Cảnh phe phái trong triều gợi hứng cho Nguyễn Du viết bài:

岳武穆墓 Nhạc Vũ Mục Mộ

中原百戰出英雄
Trung nguyên bách chiến xuất anh hùng
丈八神鎗六石弓
Trượng bát thần thương lục thạch cung
相府已成三字獄
Tướng phủ dĩ thành tam tự ngục
軍門猶惜十年功
Quân môn do tích thập niên công
江湖處處空南國
Giang hồ xứ xứ không Nam quốc
松百錚錚傲北風
Tùng bách tranh tranh ngạo Bắc phong
悵望林安舊陵廟
Trướng vọng Lâm An cựu lăng miếu
栖霞山在暮煙中
Thê hà sơn tại mộ yên trung.

dịch là:

Mộ Nhạc Vũ Mục
*Trung nguyên trăm trận anh hùng
Thương trường cung nặng vẫy vùng ruổi rong
Án ba chữ đã mắc vòng
Mười năm còn tiếc quân công huy hoàng
Núi sông Nam Tống vắng hoang
Xạc xào gió bắc chẳng vàng trúc thông
Lâm An miếu cổ vờ trông
Thê Hà mây phủ chìm trong bóng chiều.*

Nhạc Vũ Mục tức Nhạc Phi. Ngày Nhạc Phi mang quân sang đất Kim, Tần cố mạo lệnh vua, một ngày phái mười hai đạo kim bài ra lệnh cho Nhạc Phi phải đem quân về. Nhận lệnh, Nhạc Phi than: “Công lao mười năm bỏ đi trong một ngày.” Nhưng ông vẫn tuân lệnh vua mang quân về. Ngày Nguyễn Du qua mộ Nhạc Phi ông nhìn về phía Lâm An, kinh đô cũ của nhà Nam Tống, chỉ thấy mây phủ và núi Thê Hà chìm trong bóng chiều.

Cuối đời Bắc Tống, Tần Cố làm chức Ngự Sử dưới triều vua Tống Khâm Tông. Người Kim xâm chiếm Trung Quốc, bắt hai vua Tống Khâm Tông và Tống Huy Tông đem về Bắc, trong đám tùy tùng có Tần Cố. Sau người Kim thả Tần Cố cho về Nam Tống, được làm tể tướng, chủ trương đầu hàng nước Kim, giết Nhạc Phi. Tần Cố là người vô cùng gian hiểm, trong 19 năm làm tướng, đổi 29 người chấp chính, giết hại không biết bao nhiêu người trung thành nghĩa sĩ. Chết, Tần Cố được phong làm Trung Vương, thụy là Trung Hiến. Đến đời Tống Ninh Tôn bị truy đoạt tước vương, đổi tên thụy là Mâu Xú. Người đời sau dựng một bức tượng sắt của vợ chồng Tần Cố ở sân điện thờ Nhạc Phi. Người đến chiêm bái Nhạc Phi, thường dùng

gậy đánh vào tượng, phỉ nhổ lên đầu tượng.

Nhân qua điện Nhạc Phi, có thơ vịnh Nhạc Phi, Nguyễn Du viết thêm hai bài về tượng Tần Cối và hai bài về tượng Vương Thị, vợ Tần Cối mà theo Nguyễn Du, Vương Thị còn độc ác gian hùng gấp bội chồng. Hai bài về Tần Cối như sau:

秦檜像
Tần Cối Tượng

二首
Nhị Thủ

其一
Kỳ Nhất

殿檜何年椎作新
Điện cối hà niên chùy tác tân
卻來依傍岳王墳
卻來依傍岳王墳
Khước lai y bàng Nhạc vương phần
是非膏屬千年事
是非膏屬千年事
Thị phi tấn thuộc thiên niên sự
打罵何儻一假身
打罵何儻一假身
Đả mạ hà thương nhất giả thân
如此錚錚真鐵漢
如此錚錚真鐵漢
Như thử tranh tranh chân thiết hán
奈何靡靡事金人
奈何靡靡事金人
Nại hà mỹ mỹ sự kim nhân
誰云于世無功烈
誰云于世無功烈
Thùy vân vu thế vô công liệt
萬古猶能懼亂臣
萬古猶能懼亂臣
Vạn cổ do năng cụ loạn thần.

其二
Kỳ Nhị

格天閣毀玉樓殘
Cách Thiên các hủy ngọc lâu tàn
猶有頑皮在此間
猶有頑皮在此間
Do hữu ngoan bì tại thử gian
一世死心懷大毒
一世死心懷大毒
Nhất thế thử tâm hoài đại độc
千年生鐵負奇習
千年生鐵負奇習
Thiên niên sinh thiết phụ kỳ oan
獄中已濺生前血
獄中已濺生前血
Ngục trung dĩ tiền sinh tiền huyết
階下徒誅死後奸
階下徒誅死後奸
Giai hạ đồ tru tử hậu gian
得與忠臣同不朽
得與忠臣同不朽
Đắc dữ trung thần đồng bất hủ
齊天奇福太無端
齊天奇福太無端
Tề thiên kỳ phúc thái vô đoan.

dịch là:

Tượng Tần Cối

Hai bài

I

*Cối thành củi tự ngàn xưa
Vẫn còn tượng Cối bên mờ Nhạc Vương
Ngàn năm sai đúng đôi đường
Giả thần đánh mắng hoài công phí lời
Ngỡ rằng mặt sắt hơn người
Thở Kim luân củi suốt đời sao đang
Ai rằng Cối chẳng có công
Giàn thần muôn thủa thấy gương phải dè.*

II

*Cách Thiên lâu ngọc điều tàn
Giàn thần hại nước sao còn nơi đây
Tim đen ngọc độc chứa đầy
Nghìn năm tượng sắt vạ lây oán hòn
Ngọc tù đổ máu trung thần
Bên thềm hành tội tà giàn ích gì
Nhờ trung gian hãy còn kia
Tày trời phúc lạ kỳ vạ thay.*

Trong hai câu đầu bài thứ nhất, Nguyễn Du nhắc lại truyền thuyết Trung Quốc, kể rằng bên điện vua Tống Huy Tông có một cây cối, sinh ra nắm ngọc. Người ta cho đó là điềm Tần Cối được trọng dụng để làm tiêu tan cơ nghiệp nhà Tống. Tới đời vua Tống Minh Tông xóa bỏ vương tước của Tần Cối, cây cối đó bị chẻ ra làm củi. Nguyễn Du tự hỏi tiếp là tại sao

bên mờ Nhạc Vương hãy còn tượng Tần Cối. Tiếp theo, Ông cho rằng truyện đúng sai, từ ngàn năm trước hẳng đã rõ đôi đường. Bày ra truyện đánh mắng này làm chi cho hoài công phí lời. Tượng là người mặt sắt, ai ngờ là tượng một kẻ luân củi quân Kim. Nhưng Tần Cối âu cũng có công, giàn thần nhìn thấy cảnh bên đền Nhạc Vương ắt phải e dè.

Sang bài thứ hai, mở đầu Nguyễn Du tự hỏi, lâu Ngọc Cách Thiên của Tần Cối nay đã hoang tán, thế mà tượng Tần Cối vẫn còn ở đây. Tâm địa đen tối của Tần Cối làm vạ lây cả ngàn năm sau tới bức tượng sắt. Người công thần đã chết oan trong ngục, hạch tội gian thần kia hỏi có ích gì? Truyện phúc họa thật kỳ lạ: nhờ có trung thần mà gian thần hãy còn kia.

Trong cả hai bài, Nguyễn Du chua chát bàn về cái phù du cùng cái đối đãi của cặp gian thần-trung thần.

Bên cạnh tượng Tần Cối ở chân điện thờ Nhạc Vương còn có tượng Vương Thị, vợ Tần Cối. Trong hai bài về bức tượng này, Nguyễn Du dường như gay gắt buộc tội Vương Thị, trong vụ mưu toan cùng chồng làm tan nát cơ nghiệp nhà Tống, như sau:

王氏象

Vương Thị Tượng

二首

Nhị Thủ

其一

Kỳ Nhất

舌長三尺更何為

Thiệt trường tam xích cánh hà vi

好與權奸備唱隨

Hảo dữ quyền gian bị xướng tùy

後患正殷擒虎日

Hậu hoạn chính ân cầm hổ nhật

前功安問飲龍期

Tiền công an vấn ẩm long kỳ

一生心跡同夫婿

Nhất sinh tâm tích đồng phu tế

千古形骸辱女兒

Thiên cổ hình hài nhục nữ nhi

底事想來莫須有
Để sự tương lai mạc tu hữu
闈中私語更誰知
Khuê trung tư ngữ cánh thủy tri.

其二
Kỳ nhị

深圖密筭勝夫君
Thâm đồ mật toán thắng phu quân
應是晨雞第一人
Ứng thị thần kê đệ nhất nhân
不爛已生三寸舌
Bất lan dĩ sinh tam thốn thiệt
純鋼全得萬年身
Thuần cương toàn đắc vạn niên thân
唱隨盡道應無悔
Hát tùy tận đạo ứng vô hối
Xướng tùy tân đạo ứng vô hối
伎倆同年更可親
Kỹ lưỡng đồng niên cánh khả thân
莫道女兒無力量
Mạc đạo nữ nhi vô lực lượng
也曾撼破岳家軍
Đã từng khảm phá Nhạc gia quân

dịch là:

Tượng Vương Thị
Hai Bài

I
*Khen ai bẻ lưỡi cho nàng
Khéo cùng với gã quyền gian xướng tùy
Phòng hồ bất hổ phòng khi
Hoàng Long lỗi hẹn cạm ly rượu mừng
Một đời bụng dạ giống chồng
Hình hài muôn thủa nhục dòng nữ lưu
Mạc Tu hữu chữ còn lưu
Buồng the bày kế đặt điều ai hay.*

II
*Mưu cao ăn đức anh chồng
Mái này gáy sớm có nương ai đâu
Lưỡi mềm đáng sợ siết bao
Thân nay gang sắt ngàn sau chẳng mòn
Xướng tùy trọn đạo há than
Đôi bên tám lạng nửa cân phỉ nguyên
Chớ rằng nhi nữ yếu mềm
Vì nàng mà Nhạc gia quân tan tành.*

Mở đầu bài thứ nhất, Nguyễn Du chua chất khen tài ăn nói của Vương Thị xứng đáng xướng tùy cùng một đại gian thần. Người đọc dường thấy Nguyễn Du buộc Vương Thị vào tội tông phạm đã đưa đến sử bắt giũ Nhạc Vũ để tránh hậu hoạn, cùng làm Nhạc Vũ không thẳng nỗi quân Kim như đã hẹn với quân sĩ. Bụng dạ giống chồng, làm nhục cho phái nữ lưu. Ngay cả cái án ba chữ của Nhạc Vũ Mạc, theo Nguyễn Du có thể cũng là mưu kế do Vương Thị bày ra trong chốn phòng the.

Sang bài thứ hai, Nguyễn Du cho rằng bày mưu độc ác thì Vương Thị còn cao tay hơn chồng. Cái lưới không xương của nàng đáng sợ vô cùng, so với ông chồng thật cân xứng. Bằng cứ là vì nàng mà quân của Nhạc Phi bại trận. Có một điểm người đọc thơ Nguyễn Du tự hỏi là vì sao ông xét khe khắt với Vương Thị và dường như ông nhẹ lời với Dương Quý Phi hơn nhiều.

Tiếp tục cuộc hành trình về nước, sứ bộ vào tỉnh An Huy một buổi sớm mai. Nguyễn Du ghi lại thi cảnh bên đường và tâm cảnh riêng ông trong bài:

安徽道中
An Huy Đạo Trung

啼鴉啞啞亂凌晨
Đề nha á á loạn lãng thần
徐北徐南曉色分
Từ bắc Từ nam hiểu sắc phân
一帶雪田青者麥
Nhất dải tuyết điền thang giả mạch
四山松澗白為雲
Tứ sơn tùng thụ bạch vi vân
悠悠鄉國八千里
Du du hương quốc bát thiên lý
碌碌功名一片塵
Lục lục công danh nhất phiến trần
共指梅花報消息
Cộng chỉ mai hoa báo tiêu tức
春何曾到異鄉人
Xuân hà từng đảo dị hương nhân.

Trên Đường An Huy

*Rạng đông quạ réo chẳng ngừng
Bắc nam nắng giải hai vùng Từ Châu
Mạch xanh tuyết trắng xen nhau
Núi đùn mây trắng giăng đầu thông xanh
Dạ ngàn quê cũ trạnh tình
Công danh gió bụi lênh đênh bên trời
Tin xuân mai nở khoe tươi
Xuân nào có đến với người tha phương.*

Lại một lần nữa, cảnh bên đường không tạo nổi cho Nguyễn Du một thi cảnh đích đáng, khiến tâm cảnh của ông lại như nhuộm buồn vì nhớ nhà và ông tự trách mình tuổi đã cao sao thân còn lận đận với công danh, lênh đênh trên đất khách. Hoa mai nở, báo xuân về, lần này không còn làm ông bớt nhớ nhà như rừng mai nở trên đầu núi bữa ông vào đường Từ Châu.

Thi hứng dường như trở lại với Nguyễn Du khi sứ bộ đi ngang đầm Đào Hoa. Đầm này là nơi Ông Luân từng mở tiệc tiễn Lý Bạch, và nhà thơ này viết bài tứ tuyệt lưu tặng chủ nhân, trong đó hai câu cuối là ²⁹:

桃花潭水深千尺
Đào hoa đàm thủy thâm thiên xích
不及汪倫送我情
Bất cập Ông Luân tống ngã tình

nghĩa là:

Đầm Đào Hoa nước sâu ngàn thước

29. 李白詩選, 劉逸生主編, 三聯書店, 香港, 1988, 章185.

Đâu bằng tình Uông Luân đưa ta.

Nguyễn Du để lại bài thơ mười sáu câu:

桃花潭李青蓮舊跡

Đào Hoa Đàm Lý Thanh Liên Cựu Tích

桃花潭水千尺清
Đào Hoa đàm thủy thiên xích thanh
潭上松柏冬猶青
Đàm thượng tùng bách đông do thanh
Đào thượng tùng bách đông do thanh
道是唐朝李供奉
Đạo thị Đường triều Lý cung phụng
縱飲此潭因得名
Túng ẩm thử đàm nhân đắc danh
十年酒肆人間世
Thập niên tửu tứ nhân gian thế
天子呼來猶爛醉
Thiên tử hô lai do lạn túy
自言臣是酒中仙
自言臣是酒中仙
薄視榮名同敝履
Tự ngôn thần thị tửu trung tiên
薄視榮名同敝履
Bạc thị vinh danh đồng tề lý
千年勝蹟以人傳
Thiên niên thắng tích dĩ nhân truyền
不在悠悠一潭水
不在悠悠一潭水
Bất tại du du nhất đàm thủy
潭水至今清且澗
Đàm thủy chí kim thanh thả liên
一魚一鳥皆成仙
Nhất ngư nhất điểu giai thành tiên
惆悵斯人不得見
Trù trưởng tư nhân bất đắc kiến
遠來使我心茫然
Viễn lai sử ngã tâm mang nhiên
世路塵埃信溷濁
Thế lộ trần ai tín hỗn trọc
不如終日痛飲全吾天
Bất như chung nhật thống ẩm toàn ngô thiên

dịch là:

Dấu Cũ Của Lý Thanh Liên

Ở Đàm Đào Hoa

Đàm Đào Hoa vạn thước sâu
Xanh tươi tùng bách mặc dầu tiết đông
Triều Đường Lý Bạch nghe đồn
Bên đàm say khướt khiến đàm nổi danh
Mười năm đời gửi tửu đình
Lệnh vua truyền gọi trùng trình tỉnh say
Tửu Trung Tiên chính người đây
Danh cao chiếc dép đứt quai há màng
Chẳng vì đàm nước mênh mang
Vì người mà cảnh ngàn năm lưu truyền
Nước hồ trong vắt lắng yên
Nơi đây chim cá thành tiên vì người

*Khách thơ không gặp ngậm ngùi
Từ xa ta tới khôn nguôi tắc lòng
Đường đời gió bụi đục trong
Tĩnh trời giữ trọn chi bằng cứ say.*

Thanh Liên là tên làng của Lý Bạch, nên Lý Bạch tự xưng là Thanh Liên cư sĩ. Trong hai câu đầu Nguyễn Du tả vắn tắt cảnh đầm Đào Hoa, Sáu câu tiếp theo ông nhắc lại thoại về Lý Bạch trong thời gian người thợ lãnh chức hàn lâm tại triều vua Đường Huyền Tông, sang truyện Ôn Luân mở tiệc đưa tiễn Lý Bạch mà đầm nổi tiếng, đến truyện Lý Bạch say rượu có lệnh vua đòi không về cung nổi, còn tự xưng mình là tiên rượu, và coi danh lợi như chiếc dép rách. Nguyễn Du buồn vì từ xa tới mà không gặp được Lý Bạch, khiến lòng áy náy bùi ngùi. Nhìn xuống tấm áo mặc trên người ông thấy áo lấm bụi đường mà thương thân. Và ông tự hỏi, một câu hỏi đạm màu sắc Trang Tử: để giữ trọn tĩnh trời, có chi hơn là cứ say mềm?

Sứ bộ lên đường trạm Đào Hoa. Nguyễn Du viết hai bài ngũ ngôn:

桃花驛道中

Đào hoa Dịch Đạo Trung

二首

Nhị Thủ

其一

Kỳ Nhất

潛山八百里

Tiền Sơn bát bách lý

西接楚山雲

Tây tiếp Sở sơn vân

古石瘃如鬼

Cổ thạch sấu như quỷ

新松長比人

Tân tùng trường tỷ nhân

萬畦宜菽麥

Vạn huê nghi thúc mạch

十日隔風塵

Thập nhật cách phong trần

白蓮河北山

Bạch Liên Hà Bắc sơn

山中如不聞

Sơn trung như bất văn.

其二

Kỳ Nhị

雞犬出桑麻

Kê khuyển xuất tang ma

沿溪小徑斜

Duyên khe tiểu kính tà

山田常積水

Sơn điền thường tích thủy

野飯半含沙

Dã phạn bán hàm sa

石隱高人屋

Thạch ẩn cao nhân ốc

塵隨貴者車

Trần tùy quý giả xa
孤湮在天末
Cô yên tại thiên mạt
今夜宿誰家
Kim dạ túc thùy gia.

dịch là

Đường Trạm Đào Hoa

Hai bài

I

Tám trăm dặm cách Tiềm Sơn
Miệt tây núi Sở non ngàn mây giăng
Đá gầy hình quỷ bên đàng
Thông non xanh biết vừa ngang đầu người
Cánh đồng lúa đậu xanh tươi
Đường dài gió bụi đã mười ngày qua
Bạch Liên Hà Bắc núi xa
Non cao tin bột bao la im lìm.

II

Dâu gai gà chó chó nhớn như
Quanh co lối nhỏ men bờ khe trong
Nương cao nước ngập mênh mông
Nửa cơm nửa sạn cơm đồng khó ăn
Đá che am cỏ cao nhần
Bụi theo xe ngựa nhà quan mịt mờ
Chân trời ngọn khói tỏa mờ
Đêm nay chẳng biết nghĩ nhờ nhà ai.

Trên đường đến trạm Đào Hoa, hứng thơ của Nguyễn Du dường như hoà hợp với cảnh thiên, tạm quên được những cảnh bụi bặm nơi đô thị, và cả những truyền chiến trận của giáo phái Bạch Liên ở vùng Hà Bắc. Trong bài thứ hai, ông lấy hình ảnh căn nhà của ẩn sĩ nép bên vách đá với luồng bụi sau xe của một vị quan to, cho thấy ước muốn về nghỉ hưu lại trở về với ông.

Dời đường Đào Hoa, sứ bộ vào đường Tiềm Sơn, Nguyễn Du viết bài ngũ ngôn ghi lại cảnh núi vùng Tiềm Sơn gợi lên tâm cảnh nhớ cảnh nhớ vùng núi Hồng Lĩnh, nơi quê hương của ông.

潛山道中
Tiềm Sơn Đạo Trung

夙有愛山癖
Túc hữu ái sơn tích
別後思何如
Biệt hậu tư hà như
來到潛山路
Lai đạo Tiềm Sơn lộ
宛如鴻嶺居
Uyển như Hồng Lĩnh cư
雲霞猿嘯外
Vân hà viên khiếu ngoại
松柏鶴巢餘
Tùng bách hạc sào dư

定有山中客
Định hữu sơn trung khách
平生不識余
Bình sinh bất thức dư.

dịch là:

Đường Tiềm Sơn
*Mến non yêu núi từ lâu
Xa quê thương núi nghẹn ngào nhớ non
Bữa nay qua rặng Tiềm Sơn
Ngỡ như lạc bước non Hồng quê xưa
Vượn kêu mây rắng vắng đưa
Ngọn tùng làm tổ nhỡn nhớ hạc vàng
Thành thơ ẩn sĩ núi hang
Chẳng quen âu cũng một phường như nhau.*

Một lần nữa, qua hai câu kết, người đọc thấy rõ ước ao từ quan về vui cảnh núi hang ngoài vòng trói buộc của Nguyễn Du.

Tiếp đường Tiềm Sơn sang đường Trạm Tây Hà, cảnh thơ bên đường ngày cuối năm gọi hứng cho Nguyễn Du viết bài:

西河驛
Tây Hà Dịch

青石喬西岸
Thanh thạch kiều tây ngạn
依然小里閭
Y nhiên tiêu lý lư
道傍人語雜
Đạo bàng nhân ngữ tạp
屋後竹陰疏
Ưu hậu trúc âm sơ
Ổc hậu trúc âm sơ
禾本供晨燒
Hoà bản cung thần thiêu
春聯待歲除
Xuân liên đãi tuế trừ
相逢無別話
Tương phùng vô biệt thoại
一笑意何如
Nhất tiếu ý hà như

dịch là:

Trạm Tây Hà
*Mé đòai cầu đá xanh lơ
Đường thôn xóm nhỏ đôi bờ thông thương
Xôn xao người nói bên đường
Sau nhà ngọn trúc xanh rờn đu đưa
Sớm hôm bếp tỏa khói lùa
Đôi câu đối đỏ dán chờ xuân sang
Gặp nhau chẳng biết nói năng
Cười duyên một nụ hân hoan ý tình.*

Cảnh bên đường Trạm Tây Hà là cảnh một xóm nhỏ ở hai bên bờ một nhánh sông nhỏ. Dân cư đông đúc, có khói xanh vượn cao buổi sớm, có câu đối đỏ dán chờ xuân về. Không nói, nhưng hình ảnh năm tàn này như khơi đậm nỗi nhớ nhà của người xa quê, nhất là cảnh gặp

người không cùng ngôn ngữ chẳng biết nói gì hơn trao đổi một nụ cười.

Từ ngày qua ải Nam Quan, lên tới Bắc Kinh, rồi trở về nước, đây là lần thứ ba Nguyễn Du ghi lại những hình ảnh ông nhìn thấy tận mắt bên đường. Lần đầu là bài Thái Bình Mạ Giả Ca, tả cảnh hai ông cháu một người hát dạo, lên thuyền sứ hát, lần thứ hai là bài Trở Bình Hành, tả cảnh loạn lạc làm chậm trễ hành trình sứ bộ và đây là lần thứ ba: cảnh đói rách của một người mẹ và ba đứa con, bên quan lộ:

所見行
Sở Kiến Hành

有婦攜三兒
Hữu phu huê tam nhi
相將坐道旁
Tương tương tọa đạo bàng
小者在懷中
Tiểu giả tại hoài trung
大者持竹筐
Đại giả trì trúc khuông
5 Khuông trung hà sở thịnh
藜藿雜粃糠
Lê hoắc tạp bỉ khương
日晏不得食
Nhật án bất đắc thực
衣裙何框攘
Y quần hà khuông nhương
見人不仰視
Kiến nhân bất ngưỡng thị
泪流襟浪浪
10 Lệ lưu khâm lang lang
群兒且喜笑
Quần nhi thả hỷ tiếu
不知母心傷
Bất tri mẫu tâm thương
母心儻如何
Mẫu tâm thương như hà
歲饑流異鄉
Tuế cơ lưu di hương
異鄉稍豐熟
Dị hương sảo phong thực
米價不甚昂
Mễ giá bất thậm ngang
不惜棄鄉土
Bất tích khí hương thổ
苟圖救生方
Cẩu đồ cứu sinh phương
一人竭傭力
Nhất nhân kiệt dung lực
不充四口糧
20 Bất sung tứ khẩu lương
沿街日乞食
Duyên nhai nhật khát thực
此計安何長
Thử kế an hà trường
眼下委溝壑
Nhãn hạ ủy câu hác

血肉飼豺狼
 Huyết nhục tư sài lang
 母子不足恤
 Mẫu tử bất túc tuất
 撫兒增斷腸
 Phủ nhi tăng đoạn trường
 奇痛在心頭
 Kỳ thống tại tâm đầu
 天日皆為黃
 Thiên nhật giai vi hoàng
 陰風飄然至
 Âm phong phiêu nhiên chí
 行人亦悽皇
 30 Hành nhân diệc thê hoàng
 昨宵西河驛
 Tạc tiêu Tây Hà Dịch
 供具何張皇
 Cung cụ hà trường hoàng
 鹿筋雜魚翅
 Lộc cân tạp ngư xỉ
 滿棹陳豬羊
 Mãn trác trần trừ dương
 長官不下箸
 Trường quan bất hạ trợ
 小們只略嘗
 Tiểu môn chỉ lược thường
 撥棄無顧惜
 Bát khí vô cố tích
 鄰狗厭膏粱
 Lân cầu yếm cao lương
 不知官道上
 Bất tri quan đạo thượng
 有此窮兒娘
 Hữu thử cùng nhi nương
 誰人寫此圖
 Thủy nhân tả đồ thử
 持以奉君王
 Trì dĩ phụng quân vương
 Trì dĩ phụng quân vương

dịch là:

Điều Nhìn Thấy

Có người mẹ cùng ba con
 Ngồi bên nhau lúc đầu hôm ven đường
 Đứa út ảm ngửa trong lòng
 Đứa lớn cắp giỏ bên lưng kè kè
 Có gì trong chiếc giỏ tre
 Bó rau héo chút tấm kê để dành
 Bữa trưa chưa có gì ăn
 Hình dung tiều tụy áo quần luốc lem
 Thấy người chẳng dám ngược lên
 Áo hoen nước mắt ướt nhèm chẳng thôi
 Bày con thơ dại đùa vui
 Biết đâu lòng mẹ ngậm ngùi đón đau
 Đón đau lòng mẹ vì sao
 Gặp năm đói kém diu nhau què người

Quê người lúa mạ còn tươi
 Gạo chưa cao quá cơ trời còn nương
 Bỏ làng âu cũng đành lòng
 Tạm thời cầu sống tìm phương qua ngày
 Một người làm mướn hai tay
 Đủ nuôi bốn miệng buổi này tìm đâu
 Xin ăn đường phố cúi đầu
 Biết đâu là kế dài lâu mà màng
 Cảnh chết đói hiện rõ ràng
 Thịt xương rồi để sói lang làm mồi
 Mẹ chết âu cũng đành rồi
 Thương con đứt ruột bồi hồi nhìn con
 Vô cùng đau sót đòi con
 Ráng trời ảm đạm bốn phương úa vàng
 Ào ào gió thổi giá băng
 Rùng mình lòng khách dặm trường xót xa
 Đêm qua nơi trạm Tây Hà
 Đón mừng sứ bộ tiệc hoa linh đình
 Gân hươu vây cá ngon lành
 Thịt dê thịt lợn cơm canh đầy bàn
 Trưởng quan chống đũa chẳng ăn
 Tù tùng nhắm nháp cả mâm bỏ thừa
 Đố đi nào tiếc cỗ dư
 Chó bên hàng xóm ứ no chẳng màng
 Nếu hay bên vệ đường quan
 Mẹ con nhà đó đói ăn há đành
 Cảnh này vẽ lại thành tranh
 Đăng lên thánh thượng thấu tình cảnh dân.

Áng thơ dài này gợi cho người đọc nhớ tới nhưng áng thơ nổi tiếng của Đỗ Phủ viết về nhưng cảnh cùng khổ của người dân trong những vụ mất mùa đói kém tại Trung Quốc.

Hai câu cuối, gợi Trịnh Hiệp Truyện, trong Tống Sử tường thuật vụ hạn hán nhưng năm Hy Ninh thứ VI và thứ VII, dân lưu ly miền Đông Bắc, gặp nạn bão cát, kéo nhau đi đầy đường đói rách, trong triều Vương An Thạch chuyên quyền, không chịu nghe lời can gián, Trịnh Hiệp đem hết những điều mắt thấy mà vẽ thành tranh, giả xưng là tin mật báo, chạy ngựa về kinh dâng vua xem.

Tiếp theo cảnh dân nghèo đói khổ trên đây, Nguyễn Du ghi lại những thú vui xa xỉ dọc đường, trong những bài dưới đây:

廣濟記勝

Quảng Tế Ký Thắng

江南湖北地相鄰
 Giang Nam Hồ Bắc địa tương lân
 日日繁華不記春
 Nhật nhật phồn hoa bất ký xuân
 玉笛樓頭天上曲
 Ngọc địch lâu đầu thiên thượng khúc
 垂楊門外畫中人
 Thùy dương môn ngoại họa trung nhân
 漆盆浴店傾肥皂
 Tất bồn dục điểm khuynh phi tạo
 玉手胡姬膾細鱗
 Ngọc thủ Hồ cơ khoái tế lân
 欲典鸚鵡謀一醉
 Dục điển túc sường mưu nhất túy

奈何頭已白如銀
Nại hà đầu dĩ bạch như ngân.

dịch là:

Ghi Cảnh Đẹp Quảng Tế
*Giáp nhau Hồ Bắc Giang Nam
Phồn hoa suốt tháng quanh năm đua đòi
Lầu cao sáo ngọc thấu trời
Cửa ngoài màn liễu như người trong tranh
Bột thơm bồn tắm men xanh
Tay tiên chúc gỏi nức danh gái Hồ
Cuộc say gán áo hẹn hò
Ngại điều mái tóc bạc phơ trên đầu.*

Cảnh phồn hoa ở Quảng Tế, một huyện thuộc tỉnh Hồ Bắc, suốt quanh năm, với ca lâu tửu điểm, với cái thú tắm bồn men nước bột thơm, với người hầu bàn là gái Hồ, khiến cuộc say gán áo chẳng khác gì Lý Bạch trong bài Tương Tiễn Tửu, nhưng riêng với Nguyễn Du thì ông ngần ngại vì mái tóc trên đầu ông đã bạc phơ.

Sứ bộ đi ngang một khu rừng thông, dưới bóng thông là một bãi tha ma, Ngẫu hứng Nguyễn Du viết bài:

途中偶興
Đồ Trung Ngẫu Hứng

山下喬松松下墳
Sơn hạ kiều tùng tùng hạ phần
曩曩都是古時人
Luy luy đô thị cổ thì nhân
自由自在不知死
Tự do tự tại bất tri tử
花落花開無限春
Hoa lạc hoa khai vô hạn xuân
伏臘子宗無酌酒
Phục Lạp tử tôn vô loại tửu
世間富貴等浮雲
Thế gian phú quý đẳng phù vân
百年到底皆如是
Bách niên đáo đế giai vô thị
回首茫茫一片塵
Hồi thủ mang mang nhất phiến trần.

dịch là:

Độc Đường Ngẫu Hứng
*Thông chân núi mồ dưới thông
Mộ xưa san sát vùi nông bao người
Tự do tự tại mãi đời
Xuân đi xuân lại hoa tươi hoa tàn
Cháu con rượu lễ tươi tràn
Mây bay phú quý trần gian chớp chờn
Trăm năm chung cuộc nào hơn
Vời trông chỉ thấy bụi vờn mang mang.*

Hình ảnh bãi tha ma, mồ mả san sát làm Nguyễn Du như chột đời với chữ vô thường của kiếp người: ngắn ngủi như kiếp hoa, nở đó tàn đó, như ông đã có lần viết trong bài Hành

Lạc Tử II. Cái phú quý trong cõi trần gian này cũng chỉ chập chờn như đám mây. Truyện đời người trăm năm là như vậy, khác chi một đám bụi nổi mang mang.

Con đường sứ bộ về nước đi qua Hoàng Châu, nơi xưa kia là đất trích người đời Tống, Vương Vũ Xứng. Vương Vũ Xứng để bài văn xuôi Ký Hoàng Châu Trúc Lôu Ký. Ngày nay đi qua rừng trúc, lầu trúc không còn, chỉ còn thấy dòng Trường Giang cuộn cuộn chảy xuôi về đông, nhưng Nguyễn Du còn nhớ bài ký Trúc Lôu. Phải chăng là Nguyễn Du cho người đọc biết là trong mọi sự nghiệp của con người, để lại cho hậu thế, chỉ có những tác phẩm văn học là trường tồn hơn cả, như ông ghi trong bài:

黃州竹樓

Hoàng Châu Trúc Lôu

合圍巨竹遍交衢
Hợp vi cự trúc biến giao cù
曾有前人建此樓
曾有前人建此樓
Tầng hữu tiền nhân kiến thử lâu
舊址何時成白地
舊址何時成白地
Cựu chỉ hà thời thành bạch địa
遺文從古記黃州
遺文從古記黃州
Di văn tòng cổ ký Hoàng Châu
後人徒有千年感
後人徒有千年感
Hậu nhân đồ hữu thiên niên cảm
當日曾無隔歲謀
當日曾無隔歲謀
Đương nhật tằng vô cách tuế mưu
惟有長江巧收拾
惟有長江巧收拾
Duy hữu Trường Giang xảo thu thập
一成一毀費東流
一成一毀費東流

dịch là:

Lầu Trúc Hoàng Châu

*Trúc xanh bụi bụi chen nhau
Người xưa từng đã xây lầu nơi đây
Đất bằng nền cũ đổi thay
Di văn truyền tụng tới nay vẫn còn
Người sau truyện cũ xót thương
Đương thời ai tính đường dài năm sau
Trường Giang thu vén khéo sao
Xuôi đông thành hủy nước sâu một dòng.*

Trong câu thứ hai, tác giả muốn nói tới việc Vương vũ Xứng xây lầu Trúc. câu thứ tư kể truyện Vương Vũ Xứng để lại cho hậu thế áng văn Hoàng Châu Trúc Lôu Ký. Câu thứ sáu Nguyễn Du lấy ý từ bài Hoàng Châu Trúc Lôu Ký: “Trong bốn năm qua phải bôn tẩu không ngừng, chưa biết sang năm phải đi nơi nào, há sợ lầu trúc này dễ hỏng nát sao?”. Hai câu kết là hình ảnh cái bền vững của thiên nhiên.

Sau rừng trúc Hoàng Châu, sứ bộ đi qua xóm núi Hoàng Mai. Cảnh xóm núi này gợi hứng cho Nguyễn Du viết hai bài. Một bài dài là bài:

黃梅山上村

Hoàng Mai Sơn Thượng Thôn

山下有長松
Sơn hạ hữu trường tùng
山上有遙村
山上有遙村
Sơn thượng hữu giao thôn
山下長松梢
山下長松梢

Sơn hạ trường tùng sao
 正堂山上門
 Chính đường sơn thượng môn
 門內所居人
⁵ Môn nội sở cư nhân
 窮年何所為
 Cùng niên hà sở vi
 女事惟績麻
 Nữ sự duy tích ma
 其南業耘耔
 Kỳ nam nghiệp vân ty
 耘耔苟得聞
 Vân ty cầu đắc nhàn
 下山伐松枝
¹⁰ Hạ sơn phật tùng chi
 聊以足官稅
 Liêu dĩ túc quan thuế
 不事書與詩
 Bất sự thư dữ thi
 催租一不到
 Thôi tô nhất bất đáo
 雞犬皆熙熙
 Kê khuyến giai hi hi
 密石礙車馬
¹⁵ Mật thạch ngại xa mã
 雜花當歲蒔
 Tạp hoa đương tuế thì
 山外興與廢
 Thiên ngoại hưng dĩ phế
 山中皆不知
 Sơn trung giai bất tri
 算來一年中
 Toán lai nhất niên trung
 所憂無一時
²⁰ Sở ưu vô nhất thì
 人人皆期頤
 Nhân nhân giai kỳ di
 松花百子肯許食
 Hoa bách tử khảng hứa thực
 白頭去此將安歸
 Bạch đầu khứ thử tương an quy.

dịch là:

Xóm Núi Hoàng Mai
Rì rào chân núi thông reo
Lèo tèo mái cỏ thôn nghèo đầu non
Ngọn thông chân núi dập dờn
Vừa ngang mái cổng xanh rờn đầu sân
⁵ *Tò mò muốn biết tình dân*
Quanh năm sinh sống quây quần sao đây
Đàn bà chăm việc tơ gai
Đàn ông vun cỏ bón cây rầy vườn
Ngày ba tháng tám thông dong
¹⁰ *Rủ nhau xuống núi chặt thông lập tràn*
Cốt sao đủ thuế nộp quan

*Thi thư không đọc sách đàn cũng không
 Thuế không thúc là đủ mừng
 Con gà con chó cũng cùng ước mơ
¹⁵Gập gềnh xe vắng ngựa thưa
 Nhìn trăm hoa biết bốn mùa đổi thay
 Phế hưng dưới núi vẫn xoay
 Riêng người xóm núi nào hay yên lòng
 So đi tính lại năm tròn
²⁰Cũng không một phút mất còn lo âu
 Cho nên người ở non sâu
 Thấy đều trăm tuổi sống lâu hơn đời
 Hoa từng hạt bách no rồi
 Nơi đây đầu bạc là nơi dưỡng già.*

Áng thơ dài trên đây cho người đọc thấy hình ảnh xóm núi Hoàng Mai chẳng mấy khác hình ảnh xóm Đào Nguyên trong bài Đào Hoa Nguyên Thi của Đào Tiềm³⁰. Đồng thời có một đôi câu ghi lại những hình ảnh quen thuộc của một nước nhỏ theo Lão Tử³¹. Chọn một nơi về dưỡng già như xóm núi Hoàng Mai trên đây, phải chăng Nguyễn Du nghĩ nhiều đến ngày bước ra ngoài vòng cương tỏa về vui với thiên nhiên?

Tiếp tục hành trình, sứ bộ vào đường Hoàng Mai, Nguyễn Du ghi lại tâm cảnh náo nức khi xuống hết núi nước Ngô, và vùng núi nước Sở, và tính ra thì chừng tháng ba là về tới nước nhà, vừa kịp xem hoa tường vi nở.

黃梅道中

Hoàng mai Đạo Trung

吳山行已遍
 Ngô sơn hành dĩ biến
 楚山來更多
 Sở sơn lai cánh đa
 到得青山盡
 Đáo đắc thanh sơn tận
 其如白髮何
 Kỳ như bạch phát hà
 衡岳雪初霽
 Hành nhạc tuyết sơ tễ
 洞庭春水波
 Động đình sơn thủy ba
 計程在三月
 Kế trình tại tam nguyệt
 猶及薔薇花
 Do cập tường vi hoa.

dịch là:

Đường Hoàng Mai
*Vừa bằng qua rộng núi Ngô
 Lại vào đất Sở nhấp nhô non ngàn
 Được đi hết núi cùng non
 Buồn cho mái tóc nhuộm sương bông bành
 Tuyết tan khắp cõi Nhạc Hành
 Xuân về sóng đổ Động Đình bao la
 Tháng ba về tới quê nhà
 Tường vi kịp thấy nở hoa bên tường.*

30. 陶淵明詩選, 劉逸生主編, 三聯書店, 香港 1987, 章 136-138.

31. Lão Tử Đạo Đức Kinh, sách đã dẫn, Chương LXXX, tr. 388.

Nguyễn Du chấm hết Bắc Hành Tạp Lục với bài dưới đây ghi lại tâm cảnh ông lúc lên thuyền trên bến sông Giang Hán để vào Hồ Động Đình:

舟髮
Chu Phát

去遍東南路
Khứ biến đông nam lộ
匆匆歲欲週
Thông thông tuế dục chu
便從江漢口
Tiện tòng Giang Hán Khẩu
來泛洞庭舟
Lai phiếm Động Đình chu
人比來時瘦
Nhân tỷ lai thời sấu
江同去日秋
Giang đồng khứ nhật thu
鶴樓成詠處
Hạc Lô thành vịnh xứ
白雲空悠悠
Bạch vân không du du.

dịch là:

Thuyền Nhổ Sào
Đường về theo hướng đông nam
Dầm dài rong ruổi tàn năm vội vàng
Cửa sông Giang Hán buồn vắng
Thuyền xuôi thuận gió băng ngang Động Đình
Chuyến về xút kém thân hình
Giang Nam thu muộn đượm tình như xưa
Lầu Hoàng Hạc chốn đề thơ
Lưng trời mây trắng lững lờ tản bay.

Lên thuyền xuôi Hồ Động Đình, Nguyễn Du chợt thấy hình vóc sút kém hơn lần ngược lên phía bắc trong chuyến đi. Cảnh hồ vắng đường như thơ mộng hơn với màu thu bên lầu thơ Hoàng Hạc.

Người đọc thơ Nguyễn Du, thấy ông chấm dứt Bắc Hành Tạp Lục bằng cảnh hồ Động Đình không khỏi liên tưởng tới truyện Phạm Lãi rủ bỏ lợi danh để cùng Tây Thi thả thuyền trên hồ Động Đình mà thoát cảnh đọa khổ treo cung của Hán Cao Tổ. Phải chăng bước ra ngoài vòng cương tỏa cũng là quyết định của Nguyễn Du khi viết bài thơ trên đây? Không có Tây Thi nâng khăn sửa túi cho Nguyễn Du, nhưng dường như ông vui cùng nàng thơ của riêng ông trên Hồ Động Đình.

III

Nỗi Buồn của Nguyễn Du

1

Đúng như giới nghiên cứu Truyện Kiều đã viết: thơ Việt Âm Nguyễn Du đa số là thơ buồn. Những nhà nghiên cứu lớp đầu vào khoảng thập niên 20 thế kỷ XX, như Bùi Kỷ, Trần Trọng Kim³² chủ trương nguyên do nỗi buồn của Nguyễn Du là bởi lòng ông còn tưởng nhớ nhà Lê. Tới cuối thập niên thứ 8 thế kỷ XX, Đào Duy Anh³³, cũng giữ nguyên

32. Trần Trọng Kim, Truyện Thúy Kiều, sách đã dẫn, tr. XIII.

33. Đào Duy Anh, Thơ Chữ Hán Nguyễn Du, Nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội, 1988, tr. 33.

một lập luận ấy. Trước đó khoảng vài chục năm có Hoài Thanh, Trương Chính, rồi tới lớp gần đây, vào những năm cuối thế kỷ XX, nhóm Mai Quốc Liên, bác bỏ lập luận này, nhưng không để ra được một lập luận khác đầy đủ khả năng thuyết phục.

Đi tìm một ý nghĩa giải thích nỗi buồn của Nguyễn Du là chủ đích của những trang kế tiếp. Để đạt tới mục đích đó, người đọc thơ Nguyễn Du trở lại quan điểm của Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim: “Thơ Nguyễn Du mang đậm nét buồn.”

Chữ buồn này, như đã bàn trong phần Mở Lời, không những là chủ đề của ba tác phẩm chính của văn học Việt Nam: Cung Oán Ngâm Khúc, Chinh Phụ Ngâm và Đoạn Trường Tân Thanh mà còn là chủ đề của những bài ca dao trong dân gian ai ai cũng thuộc, than van nỗi khổ phải đi lính xa nhà, cũng như nỗi nhớ thương của những lứa đôi trắc trở tình yêu.

Chữ buồn này hiểu là chữ *mélancolie* trong tiếng Pháp, người đọc sẽ gặp Georges Minois, tác giả cuốn *Histoire du Mal de Vivre, de la mélancolie à la dépression*³⁴, và thấy là chữ buồn của Nguyễn Du là nỗi buồn của con người, đặc biệt là con người nghệ sĩ, trải dài từ thượng cổ tới ngày nay, của khắp mọi sắc dân.

Trong địa hạt văn học nghệ thuật, nỗi buồn của con người giữ một vai trò quan trọng. Nhà hiền triết Hy Lạp Aristote (445-386 tcn) đã nói³⁵:

Presque tous les hommes talentueux et sages ont été mélancoliques.

Sau Aristote cả hai ngàn năm, Robert Burton (1577-1640) là một mục sư kiêm văn sĩ, người Anh Quốc, đã được giới nghiên cứu coi là tiêu biểu cho những văn nhân mang nặng nỗi buồn. Ông có một nếp sống trầm lặng đơn độc, sống bằng một lợi tức đạm bạc. Nhưng ông lấy làm mãn nguyện và nói: “Tôi chẳng giàu mà cũng chẳng nghèo, tôi chẳng có gì nhiều trong tay, mà cũng chẳng ước ao gì khác. Tất cả sở hữu của tôi là một chồng sách nát. Thú đọc sách là một nét điển hình của người mang nặng mối đa sầu. Robert Burton tự xét mình rất khe khắt, ông nghi ngờ chính cái hiểu biết của ông, ông nói: “Tu ne peux pas avoir une pire idée de moi que celle que j’ai de moi-même”³⁶. Càng buồn ông càng đắm thân vào việc sáng tác. Cuốn sách ông hoàn tất có trên dưới hai ngàn trang. Nội dung cuốn sách bàn tới nhiều trạng thái của nỗi buồn của con người. Ông mô tả đặc điểm của con người giàu sầu cảm³⁷: “cùng cực đam mê, [...] luôn luôn lo lắng, đa nghi, thận trọng, có lúc rất hào phóng nhưng nhiều khi rất dè xẻn, thường thường bất mãn ngay với chính mình và với người chung quanh hay với cả những truyện không liên quan tới bản thân, [...] nói ít, chẳng bao giờ khen ai và cũng không thích người khác khen mình; dường như thường xuyên chìm đắm trong vòng suy tư [...] ưa cuộc sống đơn độc, đi dạo một mình, nằm dài suy nghĩ suốt ngày, để trí tưởng tượng bay bổng khắp đó đây, và nhìn đời như xem một tấn tuồng trên sân khấu.”

Ngày nay, cuốn *Anatomie de la mélancolie* của Robert Burton được coi là một cuốn sách giải sầu. Nội dung cuốn sách không chỉ bàn riêng về mối sầu cảm của con người, mà thật ra là bàn về thân phận con người với những gò bó chật hẹp, ty tiện và hoang tưởng, vắn tắt là bàn về nỗi khổ làm người, *le mal de vivre*.

Sang thế kỷ XVIII, Emmanuel Kant (1724-1804), triết gia người Đức từng được coi là triết gia lớn nhất trong thế kỷ đó, đã đề cao mối buồn của văn nhân mở đầu cho dòng văn học lãng mạn tại Âu Châu. Theo ông, mối sầu cảm này đã giúp cho các nhà thơ nhà văn cũng như các nghệ sĩ khác đạt tới được tới mức tuyệt đỉnh của nghệ thuật. Người nghệ sĩ đạt tới tuyệt đỉnh, nhưng vẫn mang nặng nỗi buồn, chán sống, vì tiềm thức nhạy cảm sắc bén của họ không cho phép họ chấp nhận những lẽ thói nhỏ nhen giới hạn thân phận con người. Emmanuel Kant viết³⁸:

Celui que ses émotions portent à la mélancolie n’est pas appelé mélancolique [...]. Cet être, en particulier, a un sentiment du sublime. Toutes les sensation du sublime possèdent pour lui une fascination plus grand que les charmes passagers du beau [...]. L’individu de disposition mélancolique se soucie peu de l’opinion des autres [...]. C’est pourquoi il ne dépend que de son propre jugement [...], sa constance se transforme parfois en obstination [...] L’amitié est sublime [...] La vérité est sublime, et il hait le mensonge et la tromperie. [...] La soumission abjecte lui est intolérable; il aime, en revanche, inspirer l’air de la liberté dans sa

34. Georges Minois *Histoire du Mal de Vivre de la mélancolie à la dépression*, Éditions de la Martinière, Paris 2003.

35. Cité par Georges Minois: *Ibid.* p. 92

36. Cité par Georges Minois, *ibid.* p. 153.

37. Cité par Georges Minois, *ibid.* p. 154.

38. Emmanuel Kant, *Observations sur le bon sens du beau et du sublime*, dans *Werke*, Berlin, E. Cassier (éd), 1912, t. II, pp. 258s.

noble poitrine. Toutes les chaines, depuis les chaines dorées du courtisan jusqu'aux lourdes chaines du galérien, lui sont odieuses. Il est, pour lui-même et pour les autres, un juge sévère; et il n'est pas rare qu'il éprouve une immense lassitude de lui-même et du monde.

Cũng trong thế kỷ thứ XVIII, nỗi buồn của người nghệ sĩ biến thái thành nỗi khổ làm người. Người nghệ sĩ tự hỏi ý nghĩa của đời sống, một câu hỏi không bao giờ có giải đáp thỏa đáng. Câu hỏi này đưa con người tới chỗ đối mặt với cái chết. Bá tước Holbach (1723-1789) viết³⁹: “Il est bon d'établir quelques principes propres à diminuer notre attachement pour la vie, et par conséquent à nous faire regarder la mort avec indifférence”. Denise Diderot (1767-1837) xác định: “Il n'y a qu'une vertu: la justice; qu'un devoir: de se rendre heureux; qu'un corollaire, de ne pas se surfaire la vie, et de ne pas craindre la mort.”

Cũng trong thế kỷ XVIII, chứng sầu cảm của văn nghệ sĩ trở thành một cái dịch tự sát, đối cái khổ làm người lấy cái chết mà không một ai rõ chết rồi sẽ ra sao.

Đến giữa thế kỷ XX, René Le Senne⁴⁰ xuất bản cuốn *Traité de la Caractérologie*. Theo Le Senne, cả hai loại người, hoặcgiàu sầu cảm hoặc dễ xúc động đều cùng nặng mang một nỗi buồn. Điển hình cho loại người dễ xúc động là những tên tuổi lừng lẫy trong văn học như Byron, Chateaubriand, Stendhal, Baudelaire, Verlaine, Rimbaud, Musset, Poe, Dostroevski ... Với loại người này nỗi buồn thường chỉ thoáng qua, vì lẽ họ sẵn sàng tự tìm cách trút bỏ. Nỗi buồn của loại người giàu sầu cảm thường sâu đậm hơn, kéo dài suốt đời, ảnh hưởng tới đời sống tinh thần, điển hình là Rousseau, Vigny, Kierkegaard, v.v...

Hình ảnh con người giàu sầu cảm theo René Le Senne tương đồng với hình ảnh con người đó theo Robert Burton. Con người giàu sầu cảm thường nhạy cảm với thay đổi thời tiết; đi tìm niềm yên tĩnh, thích suy tư; thường viết nhật ký sâu kín, *journal intime*, không chỉ dành riêng cho mình, mà còn ghi lại không những chỉ là sự việc gợi lên mối suy tư của tác giả, mà cả những cảm nghĩ riêng của tác giả về những sự việc đó. Người giàu sầu cảm thường có khuynh hướng tự trách mình; người đó không than thân trách phận cho riêng mình mà than thở cho thân phận con người. Bản tính nhút nhát, lánh đời, nên ngoài xã hội người giàu sầu cảm thường ít nói, nhưng đôi khi mở miệng thì tỏ ra rất đam mê, nói không ngừng. Thiếu thực tiễn, người giàu sầu cảm thường tìm cho mình một công việc làm ăn chắc chắn, không cần có lương cao bổng hậu, miễn đủ sống: thường thường là một cuộc sống công chức. Hình ảnh tiêu biểu cho loại người này là nhà thơ Stéphane Mallarmé (1842-1898), đầu không muốn dậy học, nhưng suốt đời làm nghề thầy giáo.

Bản tính thụ động, người giàu sầu cảm thường tránh đương đầu với mọi hoạt động đòi hỏi một chút cố gắng chủ động. Luôn luôn tìm cách ra khỏi nỗi nhàm chán, nhưng luôn luôn tự đặt câu hỏi: ‘để làm gì?’ trước khi khởi đầu mọi hành động, khiến người giàu sầu cảm như sợ hãi tương lai, sợ hãi nỗi nhàm chán để chìm trong nhàm chán.

Người đọc thơ Nguyễn Du không khỏi thoáng thấy Nguyễn Du, qua ba tập thơ Việt Âm, có những nét tiêu biểu của người giàu sầu cảm mô tả trên đây, kể từ Aristote, qua Robert Burton, Emmanuel Kant, và René Le Senne.

Thế nên, trở lại với Nguyễn Du, qua ba tập thơ Việt Âm của ông, người đọc thấy đó là những trang nhật ký sâu kín, *journal intime*. Ông viết cho riêng ông, như để tự nhắc nhở nên sống ra sao để tìm thấy niềm an lạc trong cõi người ta này. Giới nghiên cứu về nỗi khổ của cuộc sống, *mal de vivre*⁴¹, cho rằng, nhu cầu viết cho riêng mình, là triệu chứng của sự bất ổn, biểu thị nỗi buồn [...] và ước vọng đi tìm niềm an lạc. Nhật ký sâu kín khác với tự truyện. Tự truyện thường là những câu chuyện chủ quan bày tỏ ý kiến riêng của tác giả về một vấn đề cộng đồng, và tác giả thường khéo dùng bút thuật để nhắm đi tới một mục đích đã chọn sẵn, đầu đôi khi phải bóp méo sự thật. Nhật ký sâu kín đa số thành thực hơn tự truyện: tác giả thường rút tía kinh nghiệm hay ghi lại một quyết định, đứng trước một sự việc đã xảy đến với ông ta.

2

Gới nghiên cứu cho biết Nguyễn Du ra đời trong một gia đình đại quý tộc, tại phường Bích Câu, Thăng Long. Năm ông mười tuổi thì cha ông, Nguyễn Nghiễm mất, Chúa Trịnh phong tước Huân Dụ Đô Hiến ĐạiVương, thượng đẳng Phúc Thần. Năm ông mười ba

39. Cité par Georges Minois, *ibid.* p. 217.

40. René Le Senne, *Traité de la Caractérologie* Paris, PUF, 1957.

41. Georges Minois, *Histoire du Mal de Vivre*, Éditions de la Martinière, Paris 2003, p.373-380.

tuổi thì mẹ ông qua đời, ông sống trong sự đùm bọc của ông anh cả khác mẹ, Nguyễn Khả, lúc đó đã làm thượng thư bộ lại trong phủ chúa Trịnh. Ông đi thi hương năm mười tám tuổi, đậu tú tài, và lấy vợ là con gái của Đoàn Nguyên Thục. Tập ấm làm Chánh Thủ Hiệu Hiệu Quân Hùng Hậu, một chức quan võ ở vùng trung nguyên Bắc Bộ.

Năm ông hai mươi một tuổi, Nguyễn Huệ ra Bắc diệt chúa Trịnh, Nguyễn Khả mất ở Thăng Long. Ba năm sau Nguyễn Huệ phá quân Thanh. Nguyễn Du tản cư về Quỳnh Côi, quê vợ, sống nhờ Đoàn Nguyên Tuấn, anh vợ ông, lúc đó làm thị lang bộ lại cho nhà Tây Sơn, suốt sáu năm.

Năm ông hai mươi sáu tuổi, anh ông là Nguyễn Quỳnh dấy quân chống nhà Tây Sơn, bị bắt và bị giết. Quân Tây Sơn triệt hạ dinh cơ họ Nguyễn Tiên Điền.

Năm ba mươi một tuổi, ông toan vào Gia Định, theo nhà Nguyễn, việc không thành, ông bị bắt nhưng chỉ bị giam ba tháng rồi tha.

Sáu năm sau, vua Gia Long diệt Tây Sơn, Nguyễn Du ra làm quan với nhà Nguyễn. Năm ba mươi chín tuổi ông được cử đi tiếp sứ nhà Thanh sang phong vương cho vua Gia Long. Cùng năm đó ông xin từ quan. Triều đình thăng chức cho ông và đổi ông vào kinh đô Phú Xuân. Năm ông bốn mươi ba tuổi lại xin về hưu lần thứ hai, triều đình lại thăng quan cho ông và bổ làm Cai Bạ tỉnh Quảng Bình. Bốn năm sau ông lại được thăng Cần Chánh Điện Học Sĩ và cử làm chánh sứ sang triều đình nhà Thanh. Năm sau ông đi sứ về, thăng Hữu Tham Tri bộ lễ. Ông hoàn tất Bắc Hành Tập Lục và Đoạn Trường Tân Thanh.

Bốn năm sau ông mất, thọ năm mươi lăm tuổi.

Đọc theo thời gian, cuốn Thanh Hiên Tiên Hậu Tập cho ta thấy những kinh nghiệm sống của Nguyễn Du trong những năm tháng lưu lạc tản cư cùng những ngày tháng đầu tiên ông ra làm quan với triều Nguyễn. Tập thứ hai, Nam Trung Tập Ngâm ghi lại kinh nghiệm sống của ông trong những năm tháng ông làm quan tại kinh thành Huế, và tại tỉnh Quảng Bình. Tập thứ ba ghi lại những cảm nghĩ của ông trong chuyến ông đi sứ sang triều đình nhà Thanh. Những kinh nghiệm đó thường thường là những kinh nghiệm ông rút tỉa trong cảnh sống chật hẹp gò bó ông. Xen lẫn với những kinh nghiệm sống trong bó buộc đó là những giờ phút ông cảm thấy như bay bổng trong vòm không.

Qua 238 bài thơ Việt Âm, nhìn theo chiều dọc, người đọc thấy nếp sống của Nguyễn Du. Nếp sống đó gồm hai giai đoạn. Một là giai đoạn Nguyễn Du sống trong hoàn cảnh vật chất chật vật trong giai đoạn tản cư rồi về lại Tiên Điền trước khi ra làm quan ở Bắc Hà. Hai là giai đoạn Nguyễn Du đã bút ra khỏi cảnh thiếu thốn vật chất. Đó là thời gian ông làm quan với triều Nguyễn, khi ở trong Triều khi ở ngoài trấn và khi đi sứ.

Trong cả hai giai đoạn, Nguyễn Du cho thấy những gò bó của cuộc sống, trong những chân trời giới hạn chật hẹp, với những giàng buộc đủ mọi loại.

Cũng cả trong hai giai đoạn đó, Nguyễn Du ghi lại trong nhiều bài những kinh nghiệm giúp ông thành công bút ra khỏi những giàng buộc thực tế, bằng cách tự hạ thấp mình như lời Lão Tử dạy trong Đạo Đức Kinh⁴².

Phân tích sơ lược một số bài thơ, lần lượt trong hai thời kỳ kể trên, là chủ đích của những trang kế tiếp.

3

Thanh Hiên Thi Tập mở đầu bằng bài Quỳnh Hải Nguyên Tiêu. Nguyễn Du ngắm trăng rằm tháng giêng, không có rượu trong tay như Lý Bạch, nhưng vui cùng trăng tròn như gặp lại người quen biết từ ba chục năm qua, trong cảnh anh em ông ly tán vì loạn lạc, bạn bè tri kỷ không có một ai ở gần, tóc trên đầu ông đã bạc, và năm tháng vội vã trôi qua. Bài thơ không chỉ ghi lại nỗi buồn của Nguyễn Du, mà còn cho người đọc thấy nỗi cô độc của tác giả cùng lòng yêu thiên nhiên của ông. Nỗi buồn của Nguyễn Du là nỗi buồn của một con người nghệ sĩ, thấy được cái đẹp, mặc dầu đang ở trong cảnh khó khăn của cuộc sống. Đúng như lời Julia Kristeva⁴³:

[...] la mélancholie, équilibrée par le génie, est coextensive à l'inquiétude de l'homme dans l'Être.

Thế thì, phải chăng nỗi buồn của Nguyễn Du là nỗi buồn cho thân phận con người, nhất

42. Lão Tử Đạo Đức Kinh, sách đã dẫn, tr.

43. Julia Kristeva, Soleil noir: dépression et mélancholie, Paris, Gallimard, 1987, p. 17.

là con người trong giới sáng tác thơ văn, nhiều tư duy, đúng như nhận xét của Aristote⁴⁴:

Tous les hommes qui furent exceptionnels en philosophie, en politique, en poésie ou dans les arts étaient [...] manifestement mélancoliques

Nỗi buồn đó hiển hiện trong thơ Việt Âm của Nguyễn Du.

Trong hai bài Tự Thán I, ông than cho ông thân đã suy tóc đã bạc, danh vẫn chưa thành. Nhưng cảnh khó khăn này dường như tại tính trời sinh, có cố gắng lắm thì cũng như cắt ngắn chân hạc, kéo dài chân vịt, như lời Trang Tử: chỉ hại cho tính trời, mà vô ích. Chi bằng để mặc cho đại hóa xoay vần. Sang bài thứ hai, ông than rằng bởi thông minh mà tổn hại đến thiên chân, sự nghiệp văn chương chưa có nên sao nói được rằng trời đất ghen. Tài văn võ của ông không có đất dùng, ầu là vào rừng xuống tóc sống với thiên nhiên nhìn mây bay nghe thông reo.

Trong bài Vị Hoàng Doanh, Nguyễn Du

dùng hình ảnh con ngựa uống nước dưới chân thành của Lão Tử để tả cảnh chiến trận đã tàn, và hình ảnh ánh lửa đom đóm là hình ảnh chính sự lúc đó chưa rõ rệt. Ông đưa ra một nhận xét xác đáng là xưa nay không có triều đại nào vững bền được ngàn năm, như núi sông trước mắt ông, như ngọn đèo Ba Dội núi xanh rờn ngăn đường vào xứ Thanh.

Cảnh phù du của danh lợi là điều Nguyễn Du nhìn thấy trong gia đình của ông. Cảm xúc của ông khi ra chơi giang đình, gần làng ông là cảnh ngày năm 1771, khi ông mới sáu tuổi, cha ông, Nguyễn Nghiễm, thăng chức Đại Tư Đồ, về hưu, được chúa Trịnh cho ba chiếc thuyền hải mã đưa về làng, như ông ghi lại trong bài Giang Đình Hữu Cảm. Mới đó mà biết bao nhiêu sự thay đổi ở kinh đô, làm buồn lòng nhà thơ. Đó là lần độc nhất ông nói tới gia đình ông trong cả ba tập thơ Việt Âm. Trong suốt cả ba tập thơ Việt Âm đó, đây là lần đầu tiên, Nguyễn Du lần nhắc đến tính vô thường của các triều đại, và sau đó còn nhắc đến điều này trong nhiều bài khác, dường như để lấy đó làm một trong những lý do khiến ông không hăng hái lao hết mình vào vòng công danh.

Trở về với thực tế, qua bài Bất My, ông cho thấy cảnh thiếu đói đe dọa gia đình ông: cóc vào ở trong nhà bếp, nền nhà đất ẩm giun đùn chui lên. Ông không có kế nào hơn là ngâm chương Vấn Thiên của Khuất Nguyên để hỏi trời cao.

Trong hai bài U Cư Nguyễn Du ghi lại cảnh sống của ông trong những ngày di cư ở nhờ nơi quê vợ ông. Ông buồn vì thấy mình bơ vơ nơi xứ lạ quê người. Đồng thời dường như ông đi ẩn trốn, phải giả khờ dại, giữ gìn lời ăn tiếng nói, phòng thân, tránh né, nghi kỵ mọi người. Nhưng trong cảnh cùng cực đó, ông vẫn thấy mình thành tri kỷ với Vương Xán, thời cuối nhà Hán, người đất Lạc Dương phiêu dạt sang đất Kinh Châu, tác giả bài Đăng Lâu Phú.

Hai bài Mạn Hứng là những bài Nguyễn Du nói với chính ông, mà người đọc dường như thấy đó là một bài ông tự cười chính ông, hay đúng hơn là ông nghiêm khắc tự xét chính ông. Ông buồn vì trong cảnh ăn nhờ nơi bãi biển bờ sông, mà vẫn còn vương vấn giấc mơ gác vàng, đầu đã bạc mà chưa thoát khỏi nẻo đường công danh, khiến ông thẹn với người hàng xóm vui với cảnh xe nhỏ ngựa gầy. Trong bài thứ hai, ông cho hay là hiện đang sống trong cảnh chân không bén rễ mà ông chỉ muốn vui với văn nghiệp, nhưng cũng có đôi lúc nhìn tóc trắng trên đầu, ông lại muốn đi tìm yên tĩnh trong lễ Đạo.

Sang xuân, ông còn đang bị bệnh, nhìn ánh trăng ông nhớ về xóm cũ bên sông Lam, nơi quê hương của ông mà thấy lòng ông băng giá. Đó là chủ đề của bài Xuân Dạ.

Ý muốn về với Đạo, như ông viết trong bài Sơn Thôn là được bước ra khỏi vòng phù thế, để sống tại một làng nhỏ miền núi, cách biệt hẳn với xã hội bên ngoài, xóm nhỏ như mô tả trong áng thơ Đào Nguyên Ký của Đào Tiềm⁴⁵ mô tả một nhóm người trốn bạo chúa vào ẩn náu trong núi.

Ý muốn trở về với Đạo dường như đến với Nguyễn Du sau khoảng mười tuần ông bị quan quân nhà Tây Sơn bắt giam trên đường ông vào nam tính truyện theo chúa Nguyễn rồi ông được tha và phải quay về quê nhà. Bắt đầu là câu thứ sáu trong bài Thôn Dạ:

障消時覺夙心空

Chướng tiêu thời giác túc tâm không

nghĩa là khi nghiệm chướng tiêu tan là lúc chữ tâm cũng là chữ không. Câu thơ đậm màu

44. Aristote, Problème XXX, 1, Traduction française de F. Durand Bogaert et L. Evrard, parue dans R. Klibansky, & Al. Paris, Gallimard, 1989, p. 52.

45. Đào Uyên Minh Thi Tuyển, sách đã dẫn, tr. 136-142.

thiền này cho thấy Nguyễn Du từ lâu đã quay về đọc sách tôn giáo để tìm sự nâng đỡ tinh thần. Trong câu thứ tám lần đầu tiên chữ 笑, tiếu, nghĩa là cười xuất hiện trong thơ Nguyễn Du.

Mầu Thiên còn đậm nét trong thơ Nguyễn Du trong bài Đạo Ý. Ông dùng tới chữ tâm và tinh tâm của thiền học làm thi liệu. Ông mô tả tâm ông yên tĩnh và thấm nhuần Phật pháp như bóng trăng trong nước lặng lòng giếng. Niềm tĩnh lặng đó, dầu có bị bàn tay người khấy động rồi chỉ chốc lát lại tĩnh lặng.

Đường như Nguyễn Du không chỉ riêng đọc sách thiền, mà ông còn đọc cả sách Đạo Giáo. Câu thứ tám bài bài Mộ Xuân Mạn Hứng ông viết:

何如及早學神仙
Hà như cập tảo học thần tiên

nghĩa là sao chẳng cấp thời học đạo thần tiên.

Bước đường đi tìm yên tĩnh qua sách Thiền Lão dường như, không hơn tác dụng của rượu, chỉ có thể giúp cho Nguyễn Du khuây khỏa trong chốc lát, họa ra chỉ có thơ văn giúp ông khâu khóa như ông viết trong bài Mạn Hứng.

三蘭窗下吟聲絕
Tam lan song hạ ngâm thanh tuyệt
點點精神遊太初
Điểm điểm tinh thần du thái sơ

nghĩa là ba giò lan bên song cửa, tiếng ngâm dứt, tinh thần bay bổng tới cõi thái sơ.

4

Cũng trong mùa xuân đó, Nguyễn Du già biệt với một người bạn mà ông ghi lại trong bài Lưu Biệt Nguyễn Đại Lang. Điểm đáng ghi nhận trong bài là câu thứ ba:

亂世男兒羞對劍
Loạn thế nam nhi tu đối kiếm

dịch là:

Ngắm gươm thời loạn thẹn mình

đường như thanh gươm nhắc tới thời gian ngắn ngủi Nguyễn Du tập ấm chức quan võ, mà nay ông nhìn thấy thanh gươm không khỏi tự thẹn với mình. Đây là lần thứ nhất ông nói tới thanh gươm của ông. Vắng bạn tri kỷ, Nguyễn Du trở về với mảnh trăng ngà, người bạn tri kỷ trung thành, không bao giờ dờn bỏ ông, như ông đã viết trong bài Quỳnh Hải Nguyên Tiêu mở đầu Thanh Hiên Thị Tập.

Trong bài Tống Nguyễn Hữu Sĩ Nam Quy, câu thứ hai có ba chữ khinh võng la, nghĩa là coi thường màng lưới. Giới nghiên cứu cho ba chữ đó là hình ảnh mô tả việc vua Gia Long bắt đầu áp dụng chính sách chiêu dụ nhân sĩ Bắc Hà. Tiếp theo là việc đất nước nay đổi chủ, ông đứng dưng đứng ngoài, đồng thời ông buồn vì cảm thấy mình vô dụng. Ông khiếp sợ việc chui vào lồng công danh, hình ảnh của con đường ra làm quan, và nghĩ đến truyện ẩn thân mà ông hình dung bằng hình ảnh con rắn bò về hang. Ở trong cảnh đó ông nhàn tản với gió mát trắng thanh nơi quê nhà.

Rồi trời nơi ông tản cư vào thu. Ông ngao ngán ngồi đếm lại những ngày đẹp trời trong năm, viết thành bài Thu Chí cho thấy là cảnh ăn nhờ ở đậu đã dài nhiều năm, lá vàng rơi, gió heo may rung rèm cửa, tiếng ốc tàn đêm, mái tóc sớm bạc, đó là cảnh u uất không lối thoát của ông. Cảnh thu còn là hứng thơ của ông trong hai bài Thu Dạ, trong đó ông ghi lại cảnh ông nằm bệnh bên bờ sông Tuế, và cảnh ông nghe tiếng chày đập vải mà lo cho gia đình ông thiếu áo mặc rét.

Sang bài Tạp Ngâm, Nguyễn Du tả rõ nỗi buồn của ông trong cảnh tản cư sống nhờ. Ông cố quên đi mọi truyện thực tế nhỏ mọn mà ông gọi chung là truyện ruồi xanh; cảnh sống chật hẹp làm ông thấy như đang sống trong tổ mối. Lần thứ hai ông nhắc tới thanh gươm

của ông:

寥落壯心虛短劍

nghĩa là:

Tráng tâm cùn nhụt thẹn gươm

Khác với lần thứ nhất, ông thẹn với thanh gươm vì thời loạn cầm thanh gươm trong tay mà vô phương hành động, lần này ông thẹn với gươm vì tráng tâm của ông dường đã lụi tàn.

Lần thứ ba Nguyễn Du dùng hình ảnh thanh gươm của ông làm thi liệu là lần ông viết bài Ninh Công Thành nhân một buổi đi qua bức thành cổ này. Thành Ông Ninh do trấn thủ Nghệ An Trịnh Toàn, em của chúa Trịnh Tráng xây cất để chống quân chúa Nguyễn. Ngày Nguyễn Du qua đó, cây cối mọc um tùm cả trên thành cả dưới chân thành, tuy còn dấu vết nơi giếng bấp, chỗ trú quân, nhưng nay, thấy chỉ là cảnh phù du của cuộc sống. Trịnh Toàn sau đó bị cháu là Trịnh Tạc lên nối ngôi chúa nghi kỵ, gọi về kinh hạ ngục và giết chết. Trước bi cảnh đó, ông nhìn mây trắng vỗ gươm mà ca. Nguyễn Du không cho biết nội dung bài thơ ông ngâm bên thành ông Ninh, nhưng đã có lần ông thẹn với thanh gươm vì nỗi tráng tâm đã lụi tàn, thì người đọc khó có thể hình dung ra lời thơ ông ngâm bên thành Ông Ninh là lời một bản hùng ca của người có chí cầm gươm lập công danh.

Lần thứ tư Nguyễn Du dùng hình ảnh thanh gươm là lần ông viết câu thứ sáu bài Ký Hữu:

腰間長劍掛秋風

Yêu gian trường kiếm quải thu phong

dịch là:

Gió thu lồng lộng bên lưng kiếm dài

Thanh kiếm dài không còn nằm trong tay Nguyễn Du mà chuyển biến thành thanh gươm giắt bên lưng một người bạn còn đứng vững trước đầu gió.

Chuyển biến của hình ảnh thanh gươm dùng làm thi liệu trong bốn bài thơ trên đây của Nguyễn Du, phải chăng là chuyển biến của ý muốn muốn cầm gươm đi lập công danh của ông, mỗi ngày một thêm mờ nhạt?

Trong bài Tự Thán kỳ nhị ông có câu:

書劍無成生計促

Thư kiếm vô thành sinh kế xúc

nghĩa xuôi là văn võ đều không thành, sinh kế bức bách, cho thấy tác giả nhìn rõ, hay tự đánh giá thấp thực tài của mình: cả văn cả võ đều chưa thành, trong khi việc kiếm sống mỗi ngày một thêm bức bách. Phải chăng vì vậy sự chuyển biến của hình ảnh thanh gươm trong thơ của ông có thể coi là biểu thị ý muốn buông bỏ công danh của ông? Đằng khác ý muốn buông bỏ công danh dường như mỗi ngày một rõ rệt hơn trong thơ của ông. Công danh chỉ là đám mây nổi như ông kể lại ngày cha ông về hưu với hai chiếc thuyền hải mã đưa về giang đình bên sông Lam, mà nay bên giang đình chỉ còn lau sậy trên bãi hoang. Đó là hình ảnh đồ nát của bức thành ông Ninh với cây cối gai góc mọc um tùm.

Người đọc ông không khỏi nhớ tới một tác giả người Pháp, Alfred de Musset, ngày mới mười sáu tuổi, hằng say mê bộ quân phục đồ thắm của chiến binh pháo thủ. Sau khi đeo gù lên vai, chàng trai tự nhủ: “Ce n'est que cela!”, có thể thôi à!, rồi từ đó Alfred de Musset nhắc lại những chữ này mỗi lần ông sắp sửa thành tựu bất cứ một truyện gì. Lúc mọi người còn đang hằng say xây mộng, Alfred de Musset đã biết đó chỉ là ảo tưởng, cũng như khi mọi người chạy theo danh lợi, Nguyễn Du đã biết là danh lợi chỉ là cái lồng cầm nhốt con người.

5

Cũng trong những năm tháng tản cư này, Nguyễn Du buồn khổ vì nhớ quê hương. Ông không nhớ tới những ngày vàng son của gia đình ông. Ông nhớ tới những hình ảnh rất thông thường như một ánh trăng trong, một bến đò đông ngày cuối năm như ông viết lại trong bài Xuân Dạ, ông nhớ bạn xưa, nhớ anh em ông đã lâu chưa có thư. Lòng nhớ quê đeo đẳng ông suốt trong ba tập thơ: ngày ông vào kinh làm quan tại triều, cũng như ngày ông vào

Quảng Bình làm quan tại trấn, hay sau đó đi sứ sang Trung Quốc. Chỗ nào đường cũng như chỗ nào, tất cả đều xa lạ với ông, người đọc đường thấy như ông thiếu yên ổn tại mọi chốn khác với quê hương của ông. Hình ảnh quê hương mà Nguyễn Du đặc biệt nhớ tới, trong lúc xa quê là thú đi săn. Ông lấy biệt hiệu là Hồng Sơn Liệp Hộ, nghĩa là người thợ săn Ngàn Hồng. Với cái thú đi săn, như ông viết trong bài Liệp, ông dành mũ áo cân đai cho người, ông tìm vui với lũ hươu nai trong rừng Hồng Lĩnh, để khuây khỏa chứ không để kiếm lợi, ông ưa thích mùi cỏ non, ông lắng nghe tiếng chó sủa bên kia núi. Ông vui với Đạo, xe đưa lọng đón ông kẻ người. Hình ảnh Hồng Sơn Liệp Hộ đi săn trong bài Liệp, gợi cho người đọc hình ảnh của người đàn ông đi câu mà Văn Vương gặp ở đất Tang, ‘người đi câu, mà câu không phải là câu, không phải là kẻ cầm cần câu mà có câu. Thường câu chơi mà thôi’⁴⁶, hay hình ảnh của Trang Tử ngồi câu bên bờ sông Bộc: ‘muốn sống để lê đười trong bùn mà không muốn chết để được thờ phụng’ như con rùa thần⁴⁷.

Trong mạch suy nghĩ trên đây, Hồng Sơn Liệp Hộ có bài Hành Lạc Từ I. Trong bài này Nguyễn Du nói tới cái thú nhấp rượu với thịt chó. Nai quê có tiết thơm thịt béo, rượu tắm uống cả trăm chén không màng truyện tỉnh say. Đó là cái thú ở cõi đời này. Cái thú

*Sống ở đời ăn miếng dồi chó
Chết xuống âm phủ biết có hay không.*

Ông dẫn theo Nam Hoa Kinh của Trang Tử là Bá Di, Thúc Tề chết đói trên núi Thái Dương vì chữ danh nào có hơn gì Đạo Chích và Trang Cực một tên cướp của, một tên cướp nước của người, để cùng chết vì lợi. Con người sống lâu nhất cũng chỉ trong ngoài tám mươi tuổi, việc chi cần tính truyền đường dài lưu danh muôn thủa. Bữa nay còn thịt cây, còn be rượu, còn bữa say. Mắt còn trước mắt đó mà nào có ai hay. Việc danh lợi là việc ông chẳng màng tới.

Tiếp theo ý bài Hành Lạc Từ I, Nguyễn Du nhìn thấy mọi sự quanh ông tất cả đều vô thường. Cuộc sống mau tàn như cánh hoa đào, như ông viết trong bài Hành Lạc đệ nhị thủ. Trước cảnh vô thường đó, Nguyễn Du mời mọi người, hay chính là tự cho phép mình tìm vui trong chén rượu, trong tiếng đàn tiếng ca của người kỹ nữ. Ý đó không có gì mới lạ, vì từ đời nhà Đường Lý Bạch cũng mời bạn chung vui với chén rượu tiếng ca. Nguyễn Du đưa ra lý do, một lý do mà ông suy nghĩ rất nhiều đó là danh lợi có ích gì cho đời sống. Ông đưa thí dụ điển hình là Vương Nhung, suốt một đời dùng đủ mọi cách lo làm giàu lúc chết bao nhiêu của cải để lại trần gian đủ bấy nhiêu. Rồi tới Phùng Đạo người thời Ngũ Đại, làm quan lớn suốt bốn triều Đường, Tấn, Hán, Chu, thờ mười ông vua, đỉnh chung nhất đời rồi không vẫn là không. Giàu sang ầu cũng chỉ như đám mây nổi. Ai ai rồi cũng sẽ phải chết. Xin mời bạn uống thêm chén rượu này. Một ngày nữa đang tàn.

Trái với phần đông thi nhân thường lấy rượu tiêu sầu, trong cả ba tập thơ Việt Âm, Nguyễn Du chỉ có chừng năm sáu bài nói tới rượu. Đường như ông tìm khuây khỏa cùng với những bạn tri kỷ của ông qua những bức thư ông viết gửi bạn, tỷ như hai bài Ký Hữu .Trong bài thứ nhất, số 36 có câu:

一天明月交情在
Nhất thiên minh nguyệt giao tình tại

nghĩa là tình bạn chúng ta như trăng sáng đầy trời. Rồi trong bài Ký Hữu thứ hai, số 51, có câu

鴻山山月一輪明
Hồng Sơn sơn nguyệt nhất luân minh

Nghĩa là Ngàn Hồng có một vầng trăng núi sáng tỏ. Người đọc thấy rõ ý thơ của tác giả lấy hình ảnh vầng trăng sáng tiêu biểu mối giao tình của ông với bạn. Ý thơ này nhắc người đọc nhớ tới một câu trong bài thơ Lý Bạch viết tiễn Vương Xương Linh bị giáng chức đổi đi Long Tiêu:

我寄愁心與明月
Ngã ký sầu tâm dữ minh nguyệt

46. Trang Tử Nam Hoa Kinh, bản dịch của Nguỵ Tông, sách đã dẫn, tr. 330.

47. Trang Tử Nam Hoa Kinh, bản dịch của Nguỵ Tông, sách đã dẫn, tr. 274.

nghĩa là:

Xin gửi theo ánh trăng mỗi buồn của tôi

Người bạn trong bài Ký Hữu I này hẳn không những là một tri kỷ với Nguyễn Du, mà còn là người đồng chí với ông, coi việc đời như mây nổi, bên lưng vẫn còn đeo một thanh kiếm dài. Người tri kỷ với Nguyễn Du trong bài Ký Hữu mang số 61 là một người ở kinh đô. Giới nghiên cứu cho rằng người đó ở Thăng Long. Nhưng đường không ổn, vì câu thứ tư Nguyễn Du viết:

一州何事小功名
Nhất châu hà sự tiểu công danh

nghĩa là đáng gì một chút công danh nhỏ ở một châu, chứng tỏ là Nguyễn Du lúc đó đã ra làm quan với triều nhà Nguyễn, và kinh đô lúc đó là ở Phú Xuân.

Điều đáng lưu ý là Nguyễn Du nói rõ tâm sự của ông. Tự cho mình không có cốt cách làm quan, chưa chết thì còn muốn làm bạn cùng hươu nai. Ông thêm được thành thơ nằm bên sông bắc, bình yên vô sự đề tâm thần vào đến cõi hư vô.

Cái thú làm bạn với hươu nai của Nguyễn Du làm người đọc nhớ tới hình ảnh Jean Jacques Rousseau (1712-1788) một văn nhân cũng giàu sâu cảm như Nguyễn Du, lấy thiên nhiên làm nguồn an ủi suốt một đời đầy tư duy quanh cái khổ làm người.

Trở lại ba tập thơ Việt Âm, người đọc thấy rõ là Nguyễn Du không có nhiều tri kỷ. Ông đi tìm tri kỷ trong sách vở, làm bạn với người đời trước, một việc mà Mạnh Tử gọi là thượng hữu⁴⁸. Trong việc làm bạn với người xưa này, ông đã ghi lại trong bài Độc Tiểu Thanh Ký, mô tả cảm tưởng của ông khi đọc truyện và thương cảm người tài cao mệnh mỏng. Bài thơ kết bằng hai câu:

不知三百餘年後
Bất tri tam bách dư niên hậu
天下何人泣素如
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như

Hai câu trích dẫn trên đây, Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim, trong lời tựa quyển Truyện Kiều, cho hay đó là lời Nguyễn Du khẩu chiếm khi sắp mất.

Toàn thể bài thơ đã là đề tài cho nhiều bài tranh luận. Điểm tranh luận là câu hỏi Nguyễn Du sáng tác bài thơ này trong thời điểm nào. Có phe nói là ông sáng tác trong chuyến đi sứ lúc qua mộ Tiểu Thanh bên núi Cô Sơn. Nhưng trong bản chữ nho Bắc Hành Tập Lục không chép bài này. Có phe lại cho rằng Nguyễn Du nhân đọc truyện Tiểu Thanh Ký mà viết nên bài thơ này. Có người lại vin vào luật thơ, để thấy chữ tri, đứng thứ hai trong câu thứ 7, là một chữ vần bằng không niêm với chữ vận, vần trắc, đứng thứ hai trong câu thứ 6, và kết luận là bài thơ thất niêm, hai câu trích dẫn trên đây là do có người đã ghép vào sáu câu trên của bài thơ.

Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim lấy câu Kiều số 106, trong lời Thuý Vân trách Thuý Kiều:

Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa

rồi viết tiếp sau hai câu khẩu chiếm trích dẫn trên đây:

Vậy nay ta đọc Truyện Kiều, mà có “khóc người đời xưa” thì những người thức giả hẳn không ai cho là “khéo dư nước mắt nữa”.

Trong mạch thơ của bài Độc Tiểu Thanh Ký, Nguyễn Du đọc thơ Tiểu Thanh Ký, rớt nước mắt thương nàng, như tiếc thương một người tri kỷ, rồi ông tự hỏi ba trăm năm nữa sẽ có bao nhiêu người cũng khóc thương ông, như khóc thương người tri kỷ, tựa như lúc này ông khóc thương nàng Tiểu Thanh. Phải chăng đó cũng là một nét điển hình của những người giàu sâu cảm, luôn luôn thiếu bạn, luôn luôn đi tìm người tri kỷ?

Kể từ bài Ký Hữu mang số 61, cho tới hết Thanh Hiên Thi Tập chép mười bảy bài thơ Nguyễn Du viết sau khi ra làm quan với triều đình nhà Nguyễn. Việc ra làm quan này

48. 孟子, 卷之五, 萬章, 章句下, 第八章, 二, 泛美圖書, 香港 1977, 章 756.

dường như ảnh hưởng nhiều tới ý thơ của Nguyễn Du. Theo niên biểu Nguyễn Du ông nhận một chức vụ khiêm tốn: Tri Huyện Phù Dung, phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam. Trong bài Ký Hữu mang số 61, ông mô tả chức vụ này bằng câu:

一州何事小名
Nhất châu hà sự tiểu công danh

nghĩa là chút công danh nhỏ ở một châu có đáng kể chi. Nhưng thực tế chút công danh nhỏ này chút bỏ gánh lo cho truyền sinh sống của gia đình đè nặng trên vai ông trong hơn mười năm tản cư hồi cư vừa qua. Đồng thời cũng cho phép ông đi du ngoạn đề vịnh đó đây.

Người đọc thơ như thấy mừng cho Nguyễn Du và chợt nhớ tới một cảnh tương tự của nhà thơ Đường Bạch Cư Dị

ghi lại trong bài ngũ ngôn sau đây:

中隱⁴⁹
Trung Ẩn

大隱住朝市
Đại ẩn trú triều thị
小隱入丘樊
Tiểu ẩn nhập khâu phân
丘樊太冷落
Khâu phân thái lãnh lạc
朝市太囂譁
Triều thị thái hiêu huyền
不如作中隱
⁵ Bất như tác trung ẩn
隱在留司官
Ẩn tại lưu ty quan
似出復似處
Tự xuất phục tự xử
非忙亦非閑
Phi mang diệc phi nhàn
不勞心與力
Bất lao tâm dĩ lực
又免飢與寒
¹⁰ Hựu miễn cơ dĩ hàn
終歲無公事
Chung tuế vô công sự
隨月有俸錢
Tùy nguyệt hữu bổng tiền
君若好登臨
Quân nhược hảo đăng lâm
城南有秋山
Thành nam hữu thu san
君若愛遊蕩
¹⁵ Quân nhược ái du đãng
城東有春園
Thành đông hữu xuân viên
君若欲一醉
Quân nhược dục nhất túy
時出赴寶筵
Thì xuất phó tân diên
洛中多君子
Lạc trung đa quân tử

49. 白居易集, 中華書局出版, 北京 1979, 張 490.

*Sợ nghèo khổ đói rách
Lo giàu sang hoạn nạn
Duy có trung ăn sĩ
³⁰Được an lạc tâm thân
Cùng thông và thiếu dư
Đứng chính giữa bốn bên.*

Bạch Cư Dị (772-846) tự là Lạc Thiên, hiệu là Hương Sơn Cư Sĩ, là một nhà thơ đời Đường, nổi tiếng ở Việt Nam với áng thơ dài Tỳ Bà Hành đã được nhiều người dịch sang tiếng Việt, và ông còn vang danh trên khắp thế giới với bài Trường Hận Ca. Ông đậu Tiến Sĩ năm Trinh Nguyên (800) được bổ giữ chức Tả Thập Di. Năm Nguyên Hòa thứ X (815) do vụ hạch tội việc tế tướng Vũ Nguyên Hành bị hành thích và ngục sử Bùi Độ bị hành hung, ông bị nhóm quyền thần kết tội đẩy ra làm Tư Mã Giang Châu, sau đổi làm thứ sử Hàng Châu rồi thứ sử Tô Châu, cuối cùng được triệu về kinh làm Thái Tử Thiếu Phó năm 829. Năm Hội Xương thứ hai (842), ông về hưu với hàm thượng thư bộ Hình, rồi mất tại Hương Sơn, Lạc Dương.

Giới nghiên cứu cho biết là Bạch Cư Dị viết bài Trung Ẩn trên đây trong thời gian ông lãnh chức Thái Tử Thái Phó, biệt phái về Lạc Dương. Thái Tử không hề tới Lạc Dương, thế nên ông đường như sống trong cảnh ‘bán hưu trí’. Theo ông, làm quan ở triều đình là đại ẩn không tránh được cảnh huyền não; vào non sâu tu tiên là tiểu ẩn phải sống trong cảnh lạnh lẽo. Trung ẩn là giữ một chức quan nhỏ ở ngoài trấn, như vậy là vừa xuất lại vừa xử, việc quan chẳng bận chẳng nhàn, chẳng phải lao tâm lao lực, suốt năm không phải gánh vác việc nặng, tháng tháng vẫn có lương bổng đều đều, để bề đi tham quan nơi danh lam thắng cảnh; cỗ bàn có người mời mọc say sưa; muốn nghỉ muốn làm tùy tiện; luôn luôn được sống trong cảnh tâm thân an lạc; đứng giữa cùng thông dư thiếu.

Trong nếp sống trung ẩn đó, Bạch Cư Dị đã để lại cho hậu thế truyền tụng cả hàng ngàn bài thơ. Chủ trương xử trong khi xuất, xuất trong khi xử của ông đề cao trong bài Trung Ẩn này là mẫu mực cho giới nhà nho toàn cõi Đông Á đi tìm an lạc trong cuộc sống đeo đuổi bốn chữ tu tề trị bình của đạo Khổng.

Nếp sống trung ẩn không được người đời ca tụng như nếp sống của những vị anh hùng hào kiệt. Nhưng một đời được mấy anh hùng? là câu tục ngữ quen biết. Sống cuộc sống bình thường cho đáng sống cũng không phải là dễ. Cũng như sống đời trung ẩn cũng không phải là dễ. Muốn sống đời sống trung ẩn phải biết buông bỏ danh, buông bỏ lợi, và buông bỏ quyền, tóm lại buông bỏ tất cả những cái mà người đời đeo đuổi và gọi ngắn là thành công. Nhưng con người chạy theo lợi, theo danh và theo quyền chỉ vì lo sợ thất bại, lo sợ nghèo khổ, lo sợ không được ai biết đến mình, ba mối lo sợ đó tạo nên nỗi khổ làm người. Muốn được sống nếp sống trung ẩn Nguyễn Du đã phải dày công tự thuyết phục mình, như thấy rõ trong hai tập thơ Việt Âm kế tiếp.

Trở lại thơ Việt Âm Nguyễn Du, từ ngày Nguyễn Du ra làm quan với triều nhà Nguyễn, từ ngày ông bắt đầu cuộc sống trung ẩn, mỗi buồn của ông có tên mới, đó là mỗi buồn nhớ quê. Trước đó, mỗi buồn của ông là những đêm mất ngủ, là sức khỏe suy giảm như một cái cây bị trốc rễ mang trồng sang một miền đất lạ; mỗi buồn chìm trong cảnh đổi mùa, với lá đỏ mùa thu với sương gió giá buốt mùa đông.

Vượt dòng sông Lam ra bắc làm quan với triều nhà Nguyễn, Nguyễn Du thiết sự xa quê, thiết sự đứt bỏ với quá khứ. Đó là những mất mát của ông. Nỗi buồn xa quê dường như mang màu tang tóc, tuy không có người thân nào nằm xuống, tuy không có một nắm mồ mới, nhưng có sự đứt đoạn với quê nhà với nếp sống quen thuộc.

Trong bài Ký Hữu mang số 61, ông tự coi như ông đã đánh mất chữ chữ phúc, 福, một chữ quan trọng trong sách Đạo Đức Kinh của Lão Tử. Ông vẫn còn tự hứa là chưa chết thì còn có ngày về Ngàn Hồng vui với bầy hươu nai của ông. Ngồi ở thuyền các bên sông La Phù mà ông vẫn mơ về Ngàn Hồng, nhìn trăng non sông La Phù mới mọc mà tưởng tới trăng núi Hồng. Trong những bài Ngẫu Hứng, ông không còn viết về những vọng tưởng tương lai mà chỉ vẫn nhớ tới bầy hươu nai cùng những đàn chim nhận Hồng Lĩnh. Buổi chiều xuân, ông tiếc một ngày xuân đã tàn, mà thấy danh lợi như mây nổi, tiếc sao chẳng sớm học tu tiên. Cảnh chiều bên bờ sông Thanh Quyết, xanh biếc màu xuân, chỉ làm ông thêm nhớ nhà mà lúc đó ông không biết quê ông ở phương nào. Đứng bên bờ sông Đồng Lung trước cảnh tĩnh lặng ông ngao ngán không biết bao giờ cho hết cái khổ làm người. Qua thắng cảnh Núi Thầy, ông nhớ

ước vọng xưa, nhìn xuống tấm áo lấm bụi đường ông buồn vì đám vượn hạc bạn với ông trước kia giờ cũng khó nhận ra được ông. Cảnh bên đường Lạng Sơn có hang mây có suối nước, có chốn ẩn cư của sơn tăng, nhắc ông thấy cái già đang đến với ông, chưa biết đến bao giờ mới được nghỉ hưu, để thấy ông lão đồng quê chưa hề đọc sách là con người sung sướng.

Đi qua động Nhị Thanh, có điện thờ Phật, ông dường chợt nhớ tới chữ vô thường mà thương cho mọi truyện đổi thay đang tiếp diễn trước mắt ông.

Cũng vì bước vào vòng trung ẩn, Nguyễn Du thêm một mối lo mới. Đó là mối tương quan với các bạn đồng liêu. Nghỉ đêm tại một quán khách bên đường Lạng Sơn, sáng ngày nhìn ra đồi hoa mai mà ông chán nản vì lòng bon chen ghen ghét vì lợi danh. Ông gọi hạng người này là Khổng Tước Vũ, tức con công múa hay, nhưng dấu mặt độc trong lòng. Riêng ông, vốn mê sách hơn mê hoa, ông vẫn trước sau chỉ muốn làm con bướm bỏ sác ép trong tập sách.

7

Nam Trung Tọa Ngâm bắt đầu bằng bài Phụng Hoàng Lộ Thượng Tảo Hành. Trên đường vào kinh đô Phú Xuân, Nguyễn Du buồn vì sức yếu, nhưng được đền bù bằng một đêm gặp gỡ một người thợ củi, trong một quán trọ. Dầu không được mọi điều đồng tâm nhưng tình cảm giữa hai người như nồng ấm.

Vào tới kinh đô, cuộc sống của Nguyễn Du như đổi khác: Ông phải chấm dứt nếp sống trung ẩn và bắt đầu cuộc sống đại ẩn huyền ảo ở kinh đô. Biến chuyển trong nếp sống Nguyễn Du trong vụ thuyền chuyển từ một phủ lỵ Bắc Hà vào kinh thành Phú Xuân làm người đọc nhớ tới vụ di chuyển chỗ ở từ bờ hồ Leman về Paris của Jean Jacques Rousseau. Trong cuốn *Les Confessions*, livre X, Jean Jaques Rousseau tự coi mình như 'seul, isolé, sans appui, sans famille, ne se tenant qu'à ses pricipes et à ses devoirs'⁵⁰ Ông viết thêm trong cuốn *Les Dialogues*: 'Pour un homme sensible, sans ambition et sans vanité, il est moins cruel et moins difficile de vivre seul dans un désert que seul parmi ses semblables.'⁵¹

Trong ba bài Ngẫu Thư Công Quán Bích Nguyễn Du viết và dán lên tường nhà Công Quán, ông cho biết trong bài thứ nhất, bởi chức vụ còn nhỏ (hàm ngũ phẩm) lại không có gia đình đi theo nên ông chỉ được cấp phát một gian công quán; buổi sáng ông chỉ ăn một lưng cơm, chiều tắm chỉ có một bồn nước nhỏ, khách khứa thăm viếng không có ai, mỹ nhân thì tường dày vách cao ngăn cách, tiếng cuốc vào hè làm ông thêm nhớ quê hương. Bài thứ hai cho biết là đêm dài ông nằm nghe mưa rơi chần đờ gối chiếc lạnh lùng, ông nhớ tới hoa đào ông nhớ tới cả di gió. Bài thứ ba cho hay trong cảnh nhớ quê ông thấy vinh hoa chỉ là hào huyền, công thành là kết quả của gò xương trắng. Cái hẹn hò với gió trăng mới là cái duyên thắm thiết đầu ướng suốt ở hang cũng chẳng từ. Giấc mộng xưa ngày nay chẳng còn, lại còn e sợ người ta hỏi tới chuyện cảnh lòng mất còn.

Trong cảnh sống đại ẩn huyền ảo đó cũng có nhiều thú vui mới tới với Nguyễn Du như ông ghi lại trong năm bài tứ tuyệt dưới cùng một đề mục: *Mộng Đắc Thái Liên*.

Trong văn học Trung Hoa, Thái Liên Khúc là một dòng thơ đặc biệt. Lý Bạch⁵² cũng viết *採蓮曲*, Thái Liên Khúc và ghi chú như sau:

採蓮曲起於梁武帝 [...] 父子, 後世多擬作。

Thái Liên Khúc khởi ư Lương Vũ Đế [...] phụ tử, hậu thế đa nghĩ tác.

nghĩa là: Thái Liên Khúc, khởi từ đời cha con Lương Vũ Đế, đời sau nhiều người bắt chước sáng tác. Nhà thơ này viết câu thứ năm bài Thái Liên Khúc như sau:

岸上誰家遊冶郎

Ngạn thượng thủy gia du dã lang

chữ du dã hay dã du theo Tự Điển Thiệu Chửu nghĩa là dắt con hát đi chơi. Thế nên, đọc năm bài *Đắc Mộng Thái Liên* của Nguyễn Du, người đọc liền tưởng tới tập *Hát Phường Vải*

50. Cité par Michel Delon, *La voie nouvelle d'un promeneur pas si solitaire*, Magazine Littéraire, Hors Série, Octobre-Novembre 2007, p.44

51. Cité par Michel Delon, *ibid.* p.44

52. 李白詩選, *ibid.* 張 78.

bằng chữ nôm của ông.

Phú Xuân vào thu, hứng thơ bài Thu Chí của Nguyễn Du là mối buồn xa quê, cộng thêm mối buồn lo an ninh cho bản thân, thương mình ngày ngày phải uốn lưng khom gối, mà thêm nhớ đàn âu trắng trên sông Lam. Bên cạnh nỗi bực bội đó còn thêm cảnh ông phải tiếp những người chạy theo danh lợi đến không biết ngừng, mà ông chẳng những không ưa mà còn coi thương như hạng chó săn, chết cũng chẳng ai thương, đó là điều ông viết trong bài Điệu Khuyển. Cảnh bon chen ở tại sân rồng lại là cảnh Nguyễn Du mang ra đối với bát canh ngó sen tượng trưng cho cảnh nhàn nơi quê nhà lại là những thi liệu ông dùng trong bài tiễn bạn được về chịu đại tang, và ông lại qua một đêm nữa nằm nghe mưa Phú Xuân. Tiếng mưa Phú Xuân là tiếng thơ trong nhiều bài thơ Việt Âm của Nguyễn Du. Tiếng mưa Phú Xuân đó gợi cho người đọc tiếng thơ của Paul Verlaine⁵³:

*Il pleure sans raison
Dans ce coeur qui s'écoeur.
Quoi! nulle trahison?
Ce deuil sans raison.
C'est bien la pire peine
De ne savoir pas pourquoi,
Sans amour et sans haine,
Mon coeur a tant de peine.*

Trong năm bài tứ tuyệt đặt dưới cùng đề tài Ngẫu Hứng, Nguyễn Du ghi lại năm tâm cảnh nhớ nhà. Trong bài thứ nhất ông ôn lại thú vui săn bắn ở Ngàn Hồng nay dành riêng cho ông bằng tiêu phu. Bài thứ hai mô tả một đêm nhớ quê mất ngủ nằm chờ trăng lên, nhưng trăng bị lá cây che khuất. Bài thứ ba thi liệu của ông là mấy tàu lá chuối, và màn khói bụi làm thi cảnh mờ mịt như tâm cảnh của ông, như mất cả phương hướng, nhìn cổ đoán hướng gió thì cổ cũng chẳng còn. Bài thứ tư cho hay ông còn nặng gánh gia đình, vì quê nhà bị hạn hán, nhà còn cả mười miệng ăn, làm ông phải xét lại ý định xin về hưu. Bài cuối cùng là hình ảnh một người từ Thăng Long, hay đúng hơn từ Bắc Hà vào, lẻ loi sợ hãi né tránh mọi người, khiến người đọc như nhìn thấy hình ảnh của Jean Jacques Rousseau ngày mới từ Leman về Paris.

Tiếp theo là bài Ngẫu Đề, trong cảnh đêm thu, có tiếng chày đập vải, có tiếng gió lay động tàu lá chuối đầu sân, nghe tin quê ngoài bị hạn hán, mười miệng thiếu ăn, thân ông cũng còn đang bệnh, nhưng ông vẫn tiếp tục giấc mơ, ông cho hay nội dung giấc mơ mà chỉ tự hỏi là trong đời này có ai không mơ.

8

Ở Phú Xuân bốn năm, Nguyễn Du được thăng trật lên hàng tứ phẩm, và được bổ làm Cai Bạ ở Quảng Bình. Thế là ông thoát được cảnh đại ần huyền não. Trên đường ra Quảng Bình nhậm chức, ông bị bệnh, tình cờ ông gặp một người được vua vời vào kinh, một năm sau sẽ được vua cho về quê ở ngoài bắc. Đó là một cái mừng cho Nguyễn Du với hy vọng cũng sẽ được vua cho về nghỉ hưu. Ước ao được về hưu là thi tứ của bài Dạ Tọa, tiếp theo là bài Tạng nhân và bài Tái Thử Nguyên Vận. Lời thơ bài Tái Thử Nguyên Vận còn có nét Thiền và Lão, nên người đọc thấy như Nguyễn Du dường như muốn tìm về tôn giáo để tìm điểm tựa.

Đời sống trung ẩn ở ngoài trấn dường như làm cho Nguyễn Du thoải mái hơn những ngày ở kinh đô Phú Xuân, ông có thì giờ đi tản bộ đầu sông, và đó là lúc ông nhận định về hoàn cảnh mới của ông. Bạn bè đồng liêu với ông, tựa như hình ảnh đàn chim biển với ông lão chài, càng ngày càng thân thiện hơn. Với quan trên, bởi không cần quy lụy nên không phiền trách một ai. Riêng ông hết sức cẩn thận trong công vụ. Ông yên lòng nghĩ tới cái chết; tình quê không còn day dứt ông, ông yên tâm vui với cảnh thu bên sông trước mắt. Sang bài Ngẫu Đắc ông cho hay là còn gặp khó khăn trong công vụ với nha lại dưới quyền, như ông viết trong câu thứ năm bài Ngẫu Đắc:

事來徒隸皆驕我
Sự lai đồ lệ giai kiêu ngã

53. Cité par Georges Minois, ibid, p.298.

Ông than phiền là tuổi đã cao chữ nghĩa có điều nhớ điều quên. Ông nhớ đến quê nhà nhớ đến cả xóm giềng ngày trước.

Nguyễn Du có thêm thì giờ thăm những thắng cảnh ở ngoài thành Quảng Bình. Ông đề thơ tại Pháo Đài, vịnh những con ngựa hoang dưới chân thành, những hình ảnh tiêu biểu cho cảnh hết nội chiến của nước nhà.

Ông có thêm ngày rảnh rang đi thăm chùa Thiên Thai, có thêm thì giờ viết thư thăm hỏi bạn bè. Mùa thu lại về khiến ông nghe rét mướt lửa theo gió, mà chợt thấy mình già, vụng tính khiến còn mắc cảnh nổi trôi xa quê. Đó cũng là điều làm ông suy nghĩ nhân một buổi đi chơi núi. Ông tự trách mình xa chân vào hoạn lộ không còn được rảnh rang như người thợ cũi. Ông đi ngang sông Gianh, con sông ghi vết những năm tháng đất nước chia hai. Rời qua sông Di, nhìn sang Hòn Ín, chỉ còn cách một đèo Đèo Ngang là về tới quê ông mà như còn xa cách dặm ngàn. Qua một số thơ thì tiếp bạn bè: xứ sở họa cùng Ngô Tử Nguyên người đất Thanh Oai, đưa tiễn Ngô Như Sơn ra làm hiệp trấn Nghệ An, tập Nam Trung Tập Ngân chấm dứt bằng hai bài dưới cùng đầu đề Đại Tác Cử Thú Tư Quy, viết thay người đi thú lâu năm nhớ nhà. Trong bài này, Nguyễn Du gợi lại hình ảnh Ban Siêu tướng nhà Đông Hán sau ba mươi năm chinh phục các nước vùng Tây Vực chưa về Trung Nguyên để gửi gắm tâm sự của riêng ông mong được về hưu qua lời người đi thú than thân.

9

Sau bốn năm ở Quảng Bình, Nguyễn Du được thăng Cần Chánh Điện Học Sĩ và được cử làm chánh sử sang triều đình nhà Thanh. Chuyến đi sứ kéo dài hai năm và trong thời gian đó ông hoàn thành tập Bắc Hành Tạp Lục và cuốn truyện thơ Đoạn Trường Tân Thanh.

Bắc Hành Tạp Lục bắt đầu bằng áng thơ dài năm mươi câu, kèm theo tiểu dẫn ghi lại cuộc tái ngộ giữa ông và một tay đàn nguyệt nổi danh trong đội nữ nhạc dưới triều vua Lê, mà ông đã có dịp gặp nàng ngoài hai mươi năm về trước, tại nhà một người anh ông. Không ai biết tên thật của nàng, nhưng người Thăng Long gọi nàng là cô Cầm.

Giới nghiên cứu có nhiều người coi áng thơ này tương tự như khúc Tỳ Bà Hành của nhà thơ Đường Bạch Cư Di. Khúc Tỳ Bà Hành rất nổi tiếng trong thi ca Việt Nam với bản dịch của Phan Huy Vịnh kể lại cuộc gặp gỡ giữa tác giả là Bạch Cư Di, lúc đó giữ chức Tư Mã đất Giang Châu, bị biếm từ kinh đô về vùng Tầm Dương và một tay đàn tỳ bà, gốc người Hà Mô gần kinh đô, nay đã luống tuổi lưu lạc tới bến Tầm Dương. Cảm thương số phận người chơi đàn tỳ bà và nghĩ thương thân mình Bạch Cư Di đã sáng tác áng thơ dài đó tặng nàng.

Bài Long Thành Cầm giả Ca cũng thuật lại cuộc tái ngộ giữa cô Cầm và Nguyễn Du trong bữa tiệc do tổng trấn Bắc Thành khoản đãi sứ bộ nhân dịp ghé qua Thăng Long. Khác với Tỳ Bà Hành, Long Thành Cầm Giả Ca không nói tới số phận của tác giả và cô Cầm, mà dường như trình bày cuộc chuyển biến của Đại Hóa trong hai chục năm vừa qua. Trong hai chục năm đó, không chỉ riêng cô Cầm và Nguyễn Du từ tuổi thanh niên bước sang tuổi trung niên, gian khổ triền miên mà triều chính thay đổi ba bốn lần: vua Lê chúa Trịnh chẳng còn, giặc kiều binh cũng đã yên, triều Tây Sơn bạo phát bạo tàn, thành siêu quách đổ ... Duy chỉ còn có tiếng đàn của cô Cầm vẫn như xưa; lòng ngưỡng mộ tiếng đàn đó của Nguyễn Du vẫn như xưa. Trong mối thông cảm đó Nguyễn Du viết bài ca dài riêng tặng cô Cầm. Người đọc thơ dường như thấy Nguyễn Du cho hay là mọi sự đều vô thường trong đại hóa, riêng đường như nghệ thuật và tình người còn khi loài người còn.

Xuôi dòng thơ đó, Nguyễn Du viết hai bài về Thăng Long, cho thấy sông Lô núi Tản không thay đổi; nhiều ngôi nhà cũ đã thành đường đi; cố cung cũng xây lại; bạn cũ đã thành ông nội ông ngoại; khiến ông thao thức nằm nghe tiếng sáo dưới bóng trăng, thương cho con người vẫn bon chen chạy theo danh lợi đưa đòi phú quý. Cũng trong dịp đó ông gặp lại người nàng hầu của em ông, nàng đã đi lấy chồng đã có ba con, nhưng còn mặc tấm áo năm xưa em ông tặng nàng, dầu bát nước đổ không sao vớt vát lại được, nhưng cống sen dầu gầy vẫn còn tơ vương.

Trên đường sang Trung Quốc, ông đi qua miếu thờ Mã Viện. Mã Viện là một vị tướng Trung Quốc, nổi tiếng tại Việt Nam về việc ông đem quân sang đất Giao Chỉ đánh bại quân Hai Bà Trưng. Trên đường hành quân, Mã Viện đã khai sông đắp đường, lòng người biết ơn lập nhiều miếu thờ. Mỗi lần Nguyễn Du đi qua những miếu thờ đó, thường có thơ đề vịnh. Ông không nhắc đến truyện Mã Viện đem quân sang xâm chiếm nước nhà, mà chỉ nói tới truyện Mã Viện tuổi đã cao, trước sân rồng vua Hán còn mặc áo giáp thẳng yên cương nhảy

lên lưng ngựa tỏ ra mình còn cường tráng, không để ý tới lời can ngăn của anh em, kết cuộc cột đồng Mã Viện trông nay không ai tìm thấy ở đâu, và Mã Viện chết không được chôn cất tại quê nhà. Tên tuổi không được ghi trong Văn Đài thờ công thần nhà Hán. Người đọc hiểu là Nguyễn Du coi thường ý chí đeo đuổi công danh của Mã Viện.

Đây là lần thứ hai Nguyễn Du dùng cuộc tranh luận giữa Mã Viện và người em họ là Mã Thế Du làm thí liệu. Lần thứ nhất là lần ông viết câu kết bài Mạn Hứng Kỳ Một, trong Thanh Hiên Thi Tập:

澤車段馬愧東鄰
Trạch xa đoạn mã quý đồng lân

dịch là

Ngựa gầy xe nhỏ thẹn người xóm đông

Mã Viện chủ trương làm tướng tài dẫu chết lấy da ngựa bọc thây cũng không màng. Theo sách Hậu Hán Thư, Mã Thiệu Du, em họ Mã Viện không đồng ý nói: “Kẻ sĩ sinh ra ở đời chỉ cần đủ cơm ăn áo mặc, ngồi xe nhỏ cỡi ngựa gầy, làm viên lại ở quận, giữ mồ mả ông cha ở làng, được khen là người tốt là đủ”. Nhắc lại lời Mã Thiệu Du Nguyễn Du tự cười mình trong cảnh khốn cùng vẫn còn ước mơ truyện công danh.

Lần thứ ba Nguyễn Du nhắc đến cuộc đối thoại giữa Mã Viện và Mã Thiệu Du là lần thuyền sứ bộ đi ngang miếu thờ Phục Ba Tướng Quân ở Đại Than. Ông dùng hình ảnh Mã Viện mở đường Ngũ Lĩnh, xuống Giao Chỉ để lại công danh trong sử sách, và đối lại ông dùng lời Mã Thiệu Du chê Mã Viện tuổi đã về già còn khoe sức mạnh làm trò cười cho vua Hán, và đoán quyết rằng ở đời ngoài truyện áo cơm mọi truyện khác thấy là thừa. Ông nhắc lại lời Mã Viện than ở đầm Dâm Đàm, theo Hậu Hán Thư, là nơi quân Mã Viện vây quân của Trưng Trắc tại thành Tây Vu, không phân thắng bại, lại gặp khí trời oi bức, khí độc từ hồ bốc lên khiến điều hâu đang bay cũng rút xuống hồ, và Phục Ba tướng quân nhớ lại lời Mã Thiệu Du mà lấy làm hối tiếc đã không nghe theo lời can gián của Mã Thiệu Du. Người đọc thấy rõ ý Nguyễn Du coi nhẹ những kẻ liều thân đeo đuổi công danh.

Lần thứ tư, Nguyễn Du nhắc đến Phục Ba tướng quân là lần thuyền sứ xuống ghềng Đại Than, ông mở đầu bài Hạ Than Hỷ Phú bằng câu:

心香拜禱將軍祠
Tâm hương bái đảo tướng quân từ

Người đọc thấy rõ là Nguyễn Du thành tâm dâng hương tạ ơn Phục Ba tướng quân đã phù hộ cho thuyền sứ xuống ghềnh bình yên.

Đối chiếu bài Hạ Than Hỷ Phú trên đây với bài Lam Giang, người đọc thấy trong cả hai bài, tác giả cùng đứng trước sức mạnh của thiên nhiên, nhưng tâm cảnh của Nguyễn Du trong mỗi cảnh một khác.

Đứng trên bờ sông Lam, nhìn cảnh nước lũ mùa thu ông viết:

我望藍江頭
Ngã vọng Lam Giang đầu
寸心常惴惴
Thốn tâm thường chúy chúy

nghĩa là:

*Ta nhìn dòng sông Lam
Tấc lòng lo ngơm ngớp*

Nhưng rồi ông kết bằng hai câu:

擬驅千仞山
Nghĩ khu Thiên Nhân sơn
填平五百里
Điền bình ngũ bách lý.

nghĩa là:

*Muốn bạt núi Thiên Nhân
Lấp năm trăm dặm sông Lam.*

Bài thơ cho người đọc thấy ý chí muốn bạt núi lấp sông, chiến thắng thiên nhiên của Nguyễn Du, ngày ông ở tuổi ba mươi.

Rồi hai chục năm sau, tâm cảnh Nguyễn Du đối khác: khi xuống hết ghềnh Đại Than, ông thành tâm tạ ơn Phục Ba tướng quân đã phù hộ cho thuyền sứ thoát hiểm. Người đọc dường như thấy hoặc là năm tháng chông chất trên vai, hoặc là phen này Nguyễn Du không an ninh đứng trên bờ mà ở trên thuyền đang xuống ghềnh, đứng trong cảnh nguy hiểm, đã khiến Nguyễn Du không còn ý muốn chiến thắng thiên nhiên mà quay về thần quyền kiếm điểm tựa.

Tiếp tục cuộc giang hành, thuyền sứ tới khúc sông Ninh Minh, lại một lần nữa phải đương đầu với truyện nguy hiểm lên thác xuống ghềnh. Trong bài Ninh Minh Giang Chu Hành, Nguyễn Du viết câu 25:

危亡傾覆皆天意
Nguy vong khuynh phúc giai thiên ý

nghĩa là:

Nguy vong nghiêng đổ thấy ý trời

Người đọc thơ thấy rõ là lần gặp nguy hiểm này, Nguyễn Du, không tự tin ở mình, như ngày đứng trên bờ sông Lam, không tìm về thần quyền như khi xuống ghềnh Đại Than mà hướng về số mệnh do ông Trời định sẵn để tìm nguồn an ủi, đúng như lời Arthur Schopenhauer⁵⁴:
Le consolateur, c'est le fatalisme.

Nguyễn Du ghi lại những gian nan lên thác xuống ghềnh trong những bài thơ dài trích dẫn trên đây phải chăng là vì do số mệnh nên chưa thoát ra khỏi cái lồng danh lợi.

10

Ở thời Nguyễn Du, ngoài đường khoa hoạn, kẻ sĩ không còn cách nào khác để tiến thân, để thoát ra khỏi cảnh nghèo khổ. Nên dường như rất hiếm người không bị lừa vào cái lồng khoa hoạn. Trong bài Tống Nguyễn Sĩ Hữu Nam Quy, ông viết ngày chưa ra làm quan với triều Nguyễn:

生平文采殘籠鳳
Sinh bình văn thái tàn lung phượng
浮世功名走壑蛇
Phù thế công danh tẩu hắc xà

nghĩa là:

*Thơ văn một kiếp phượng lồng nát
Phù thế công danh rắn ẩn hang*

Sau Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ cũng có nói tới cái lồng khoa hoạn này trong bài Ngất Ngưỡng:

Ông Hy Văn tài bộ đã vào lồng
Khi thủ khoa khi tham tán khi tống đốc Đông

Muốn ra thoát cái lồng đó kẻ sĩ không có cách nào khác là buông bỏ danh lợi. Có người đã nhận xét rằng, khi không còn bị cảnh đói rách đe dọa, buông bỏ lợi đã khó nhưng dường không khó khăn bằng buông bỏ danh.

Có buông bỏ được cả danh cả lợi mới có thể trút bỏ được cái khổ làm người, mới mong tìm được niềm an lạc, ataraxie, cho tâm thân trong cuộc sống.

Trong ba tập thơ Việt Âm Nguyễn Du có nhiều bài ông viết về các danh nhân liệt sĩ Trung Quốc với chủ ý là chạy theo danh lợi, là lao đầu vào vòng chết thảm. Thế nên, người đọc không khỏi nghĩ là Nguyễn Du tự nhắc nhở mình buông bỏ danh lợi để tìm niềm an lạc cho tâm thân chính ông.

⁵⁴ Cité par Georges Minois, *ibid.* p. 8.

Trong dòng thơ đó, Nguyễn Du có sáu bài nhắc tới Khuất Nguyên. Hai bài chính là hai bài dưới cùng một đầu đề: Tương Đàm Điếu Tam Lư Đại Phu, mà ông sáng tác khi qua huyện Tương Đàm, tỉnh Hà Nam. Tam Lư Đại Phu là chức tước của Khuất Nguyên. Theo sách Sử Ký của Tư Mã Thiên⁵⁵ Khuất Nguyên làm chức tả đô đời vua Sở Hoài Vương, học rộng, nhớ lâu, thấy rõ lẽ trị loạn, thạo việc giấy tờ. Nhà vua rất tin dùng, nhưng bị đồng僚 là Đại Phu Thượng Quan ghen ghét. Hoài Vương sai Khuất Nguyên thảo pháp lệnh. Thượng Quan gièm với vua: “Bệ hạ sai Khuất Nguyên làm pháp lệnh, mỗi khi ban lệnh, Khuất Nguyên thường khoe công, nói: ‘ngoài ta ra, chẳng ai làm nổi!’” Nhà vua giận, bỏ rơi Khuất Nguyên. Khuất Nguyên lo buồn viết thành áng thơ Ly Tao. Tư Mã Thiên ca tụng áng thơ này, viết: “Chí ông trong sạch nên nói tới các hoa thơm. Nết ông cao cho nên dù chết cũng không được dung nạp. Ông thoát khỏi cái thế giới bùn lầy như con ve bỏ lột, để cất mình ra khỏi cõi trần dơ bẩn. Suy cái chí ấy thì ông có thể sánh với mặt trăng mặt trời vậy.” Sau khi Khuất Nguyên bị truất, nước Sở chinh chiến với nhiều nước chư hầu, rốt cuộc Hoài Vương trúng kế của nước Tần, chết ở nước Tần, con là Khoảnh Tương Vương lên nối ngôi. Khuất Nguyên đã được trở lại kinh đô nước Sở, không có chức vụ quan trọng trong triều, nhưng tiếp tục dâng biểu can vua mới. Một lần nữa Thượng Quan gièm Khuất Nguyên với Khoảnh Tương Vương, Khoảnh Tương Vương đem đầy Khuất Nguyên đi xa.

Một ngày kia Khuất Nguyên gặp một ông già đánh cá hỏi ông:

- Ông là quan Tam Lư đại phu phải không? Vì sao đến nông nổi này.

Khuất Nguyên nói:

- Tất cả đời đều như đục, chỉ một mình ta trong, tất cả mọi người đều say, riêng mình ta tỉnh, nên bị đuổi.

Ông già đánh cá nói:

- Tất cả đều như đục sao ông không xuôi theo dòng làm cho sóng lên cao? Tất cả đều say sao ông không nhai bã rượu và húp rượu.

Khuất Nguyên nói:

- Ta thà gieo mình xuống sông Tương, chôn mình trong bụng cá, lẽ nào để cái bản chất trắng ngần của ta chịu bụi bặm của đời.

Bên làm bài phú Hoài Sa, đoạn ôm đá gieo mình xuống sông Mịch La mà chết.

Trở lại bài Tương Đàm Điếu Tam Lư Đại Phu, kỳ I, Nguyễn Du thương tiếc cho Khuất Nguyên chết uống từ hai ngàn năm trước, chí khí của ông chẳng còn, hương hoa lan vẫn còn. Ba năm lưu đầy giúp Khuất Nguyên mở đường cho dòng Sở Từ. Xương tàn nay tiêu tan, chòm đố nhuộm bên sông vẫn thơm hơn ngàn hoa khác. Đau lòng vì vết cũ chẳng còn, chỉ thấy lá rụng qua sông Nguyễn Tương.

Sang bài thứ hai, giữa dòng sông, Nguyễn Du muốn tìm oan hồn Khuất Nguyên chỉ thấy khói sóng mênh mông. Ông đặt câu hỏi, nếu hiến lệnh được dùng để bình thiên hạ, thì đâu có Ly Tao nổi dòng thơ Quốc Phong. Từ xưa tới nay không ai thương kẻ tự coi riêng mình là tỉnh mọi người đều say, thì khắp thiên hạ có chốn nào để kẻ đó giải tỏ mối cô trung. Thói tục đã đổi thay, người đời nay chuộng những loại hoa lan khác hẳn hoa lan của Khuất Nguyên.

Người đọc dường như thấy Nguyễn Du khóc thương Khuất Nguyên, chẳng khác gì ông khóc con chó trong bài Điệu Khuuyển:

凡生負奇氣
Phàm sinh phụ kỳ khí
天地非所容
Thiên địa phi sở dung

nghĩa là:

*Phàm sinh chí khác đời
Trời đất không chỗ dung*

Khuất Nguyên muốn mình khác người: đời đục cả riêng mình ta trong, đời say cả riêng mình ta tỉnh, nên có đi khắp mọi nước chư hầu cũng không có chỗ giải bày lòng cô trung của ông.

Ngoài ra Nguyễn Du khóc con chó:

55. Tư Mã Thiên, Sử Ký, Khuất Nguyên Liệt Truyện, sách đã dẫn, tr. 542-548.

貪進不知止
Tham tiến bất tri chi

nghĩa là:

Ham tiến chẳng biết lùi

Thế nên chớ phải chết thảm.

Sách Luận Ngữ⁵⁶ có câu:

子曰：忠告而善道之；
Tử viết: Trung cáo nhi thiện đạo chi
不可則止，毋自辱焉
bất khả tắc chỉ vô tự nhục yên .

nghĩa là:

Khổng Tử nói: Bạn có điều làm lỗi, phải hết lòng khuyên bảo. Bạn không nghe thì thôi, nói nhiều chỉ mang nhục.

Đối với bạn đã như vậy, thế mà Khuất Nguyên can vua không nghe, không biết ngừng, tránh sao khỏi chết thảm.

Nguyễn Du còn hai bài thơ dài nhắc tới Khuất Nguyên. Bài thứ nhất là bài Phán Chiêu Hồn. Nguyên vì bài Chiêu Hồn là một bài từ của Tống Ngọc, làm để viếng vong hồn Khuất Nguyên. Trong bài tựa, Tống Ngọc, một đại phu trẻ trong triều vua Sở, cho hay vì thương tiếc Khuất Nguyên viết bài này để gọi hồn Khuất Nguyên. Nguyễn Du viết bài Phán Chiêu Hồn, nói ngược lại bài của Tống Ngọc, khuyên hồn Khuất Nguyên không nên trở về trần gian đầy kẻ gian ác này. Trong sáu câu cuối ông viết như sau:

早斂精神返太極
Tảo liễm tinh thần phản thái cực
慎勿再返命人嗤
Thận vật tái phản linh nhân xi
後世人人皆上官
Hậu thế nhân nhân giai Thượng Quan
大地處處皆汨羅
Đại địa xứ xứ giai Mịch La
魚龍不食豺虎食
Ngư long bất thực sài hổ thực
魂兮魂兮奈魂何
Hồn hề hồn hề nại hồn hà.

nghĩa là:

*Tinh thần khá sớm về thái cực
Đừng về đây nữa người mỉa mai
Người nay thấy là Thượng Quan
Đất này đâu cũng sông Mịch La
Rồng cá không ría hùm sói nuốt
Hồn ơi hồn ơi biết làm sao.*

Người đọc dường thấy như Nguyễn Du khuyên hồn Khuất Nguyên đừng về đất này vì đâu đâu cũng đầy kẻ nham hiểm, đồng thời dường như ông tự nói với ông phải luôn luôn thủ thế, chốn triều chính đầy những con công mang mặt độc, như ông viết trong bài Khống Tước Vũ.

Trong bài Bác Giả, Nguyễn Du bác bỏ ý kiến của Giả Nghị, viết trong bài phú viếng Khuất Nguyên, như muốn hỏi Khuất Nguyên sao không đi khắp chín châu mà tìm vua, hà tất cứ

⁵⁶ Luận Ngữ, Nhan Uyên, chương XXIII, sách đã dẫn, tr. 438-439.

phải bảm lấy cổ đồ nước Sở. Người đọc dường như thấy Nguyễn Du thương hại cho Khuất Nguyên chết thảm vì lẽ trai trung một chúa gái trinh một chồng, và ông cũng thương hại cho Giả Nghị đi tìm đấng vua mới mà thờ nhưng rồi cũng chết thảm chẳng khác gì Khuất Nguyên. Phải chăng cả hai Khuất Nguyên và Giả Nghị cùng chết thảm vì danh vọng?

Bài thứ năm Nguyễn Du nhắc tới Khuất Nguyên là bài Ngũ Nguyệt Quan Cảnh Độ, chủ ý nói về truyện người Trung Quốc tổ chức đua thuyền ngày mừng năm tháng năm hàng năm để làm giỗ Khuất Nguyên, mà thật ra chỉ làm rộn vong hồn Khuất Nguyên. Bài thứ sáu Nguyễn Du nhắc tới Khuất Nguyên là bài Tương Âm Dạ, làm trong đêm ông ghé Tương Âm, gần nơi xưa kia Khuất Nguyên đi đày, ông tỏ ý kính trọng không cả muốn ngâm thơ, sợ làm rộn vong hồn Khuất Nguyên.

Theo Đào Duy Anh⁵⁷ chính do mối cô trung của Nguyễn Du với nhà Lê khiến ông viết sáu bài trên đây về Khuất Nguyên, người cô trung nước Sở ngoài hai ngàn năm về trước. Ý kiến này xin để người đọc xét đoán.

11

Để tôn vinh danh nhân Trung Quốc, Nguyễn Du đã chọn một người ít được ai nói tới. Đó là Triệu Vũ Đế, tức Triệu Đà.

Theo Sử Ký của Tư Mã Thiên⁵⁸ vua Nam Việt họ Triệu, tên Đà, người huyện Chân Định, trước làm quan úy. Bấy giờ nhà Tần đã chiếm cả thiên hạ, đến đời Nhị Thế quận úy Nam Hải là Nhâm Ngao ốm sắp chết mời Triệu Đà đến nói:

- Nhà Tần làm điều vô đạo, thiên hạ khổ cực. Bọn Hạng Vũ, Lưu Quý, Ngô Quang dấy binh tập quân tranh giành thiên hạ. Nam Hải ở nơi xa lánh, tôi sợ quân giặc xâm lấn đến đây, nên định dấy binh chặn đường để phòng bị, đợi chờ hầu có sự thay đổi. Nay gặp lúc ốm nặng nên mời ông đến để nói kế phòng giặc.

Ngao chết, Đà truyền hịch bảo các cửa quan Hoàn Phố, Dương Sơn, Hoàng Khê rằng:

- Quân giặc sắp đến; phải chặn đường, tụ tập quân sĩ để tự bảo vệ.

Khi nhà Tần bị tiêu diệt, Đà lập kế đánh chiếm Quế Lâm, Tương Quận tự lập làm Nam Việt Vũ Vương. Sau khi Hán Cao Đế bình được thiên hạ, không trị tội Đà mà còn sai Lục Giả sang phong Đà làm Nam Việt Vương. Đà nhân đó mở mang bờ cõi, đi xe mui lụa màu vàng cấm cờ ta đạo, chẳng kém gì “đế” Trung Quốc.

Đến đời Hiếu Văn Đế, vua Hán lại sai Lục Giả sang Nam Việt trách Đà về tội tự xưng “đế”, mà không hề phái sứ giả sang Trung Quốc báo tin. Lục Giả đến nơi, Nam Việt Vương Triệu Đà sợ hãi, làm biểu tạ tội rằng: “Thần tên là Đà, là một kẻ già nua ở cõi man di. Ngày trước Cao Hậu phong cho làm Nam Việt Vương. [...] Lão thần trộm dùng bậy danh hiệu “đế” chỉ để tự vui, chứ đâu dám nói tới tai hại.” Đà dập đầu xuống tạ tội, xin mãi mãi làm phiên thần dâng lễ cống. Rồi ra lệnh cho trong nước:

- Ta nghe nói ‘hai anh hùng không cùng sống, hai người hiền không cùng ở một đời’. Đức hoàng đế là bậc thiên tử hiền tài. Từ nay về sau bỏ xe mui lụa vàng và cờ tả đạo.

Lục Giả về báo tin, Hiếu Văn Đế bằng lòng lắm.

Từ lúc úy Đà được phong vương đến sau là năm đời, cộng chín mươi ba năm.

Trong bốn câu đầu bài Triệu Vũ Đế Cổ Cảnh, Nguyễn Du nhắc lại việc Sở và Tần tiêu diệt lẫn nhau, ở giữa Triệu Đà được phong vương rồi tự xưng hoàng đế, nhưng nghe lời Lục Giả mà lùi xuống hàng vương. Trong đại hóa đài Lĩnh Biểu không còn, mộ cổ ở Phiên Ngung cũng mất từ lâu, nhưng triều đại kế tiếp nhau không một ai bằng ông lão Triệu Đà xưng là man di mà tinh hơn đời.

So sánh với hình ảnh Khuất Nguyên, Triệu Đà là hình ảnh đối nghịch. Khuất Nguyên chỉ biết tiến mà không biết lùi mà chết thảm. Triệu Đà tiến không được thì lùi, giữ tròn mạng cho mình truyền ngôi cho con cháu được tới năm đời.

Đối chiếu bài Triệu Vũ Đế cổ cảnh với đoạn Sử Ký của Tư Mã Thiên về mối tương quan giữa Nam Việt Vương Triệu Đà và sứ thần nhà Hán gọi cho người đọc đoạn đối thoại giữa Tề Tuyên Vương và Mạnh Tử:⁵⁹

Tuyên Vương nước Tề hỏi: “Giao thiệp với nước láng giềng có đạo gì không?” Thầy Mạnh

57. Đào Duy Anh, Thơ chủ Hán Nguyễn Du, sách đã dẫn, tr. 33

58. Tư Mã Thiên, Sử Ký, Sách đã dẫn, Nam Việt Uy Đà Liệt Truyện, tr.743 ff.

59. Mạnh Tử, Thiên Lương Huệ Vương, Chương III, trích theo Nghiêm Toàn, Lão Tử Đạo Đức Kinh, tập II, sách đã dẫn, tr. 245

thưa: “Có, chỉ người nhân là biết cái đạo đem nước lớn vỗ về nước nhỏ, thế nên vua Thang vỗ về nước Cát, vua Văn vỗ về rợ Côn Di. Chỉ người trí là biết cái đạo đem nước nhỏ thờ phụng nước lớn, cho nên vua Thái Vương thờ phụng rợ Huân Dục, vua Câu Tiễn thờ phụng nước Ngô. Đem nước lớn vỗ về nước nhỏ, đó là vui lẽ trời vậy; đem nước nhỏ thờ phụng nước lớn, đó là sợ lẽ trời vậy. Người vui lẽ trời ấy có cái khí tượng bao hàm được cả thiên hạ; người sợ lẽ trời ấy có cái quy mô giữ gìn được nước mình.

Đồng thời cũng gợi cho người đọc câu cuối chương LXI sách Đạo Đức Kinh của Lão Tử⁶⁰:

故大國以下小國則取小國
Cố đại quốc dĩ hạ tiểu quốc tắc thủ tiểu quốc
小國以下大國則取大國
Tiểu quốc dĩ hạ đại quốc tắc thủ đại quốc
故或下以取或下而取
Cố hoặc hạ dĩ thủ hoặc hạ nhi thủ.

R. L. Wing dịch là:

Thus if a large organization is lower than a small organization, it can receive the small organization.

And if a small organization stays lower than a large organization, it can receive the large organization.

Therefore one receives by becoming low; another receive by being low.

Lão Tử Đạo Đức Kinh là cuốn sách để vua chúa học để trị nước và kẻ sĩ học để sửa mình, nên song song với chương LXI trên đây, có chương VIII dạy cách sửa mình như sau:⁶¹

上善若水 [...]
Thượng thiện nhược thủy
處眾人之所惡
xử chúng nhân chi sở ố
故幾於道
cố cơ ư đạo

R. L. Wing dịch là:

The highest value is like water [...]
It stays in places that other disdain
And therefore is close to the Tao.

Giới bình Đạo Đức Kinh giảng rằng người thượng thiện giống như nước, ở chỗ thấp hèn mọi người đều không ưa, nên gần với đạo. Ở chỗ thấp hèn có nghĩa là nhún mình, không đua tranh. Hình ảnh của người thượng thiện này là hình ảnh của Nguyễn Du qua suốt ba tập thơ Việt Âm của ông. Đó là hình ảnh con người đã buông bỏ được chữ danh.

Điều kiện thuận tiện cho việc ngoại giao giữa hai nước láng giềng của Mạnh Tử, cũng như của Lão Tử, thường không được thỏa mãn trong nhiều trường hợp thực tế. Người Việt Nam có câu:

*Ngoảnh mặt về Tần e Sở giận
Quay đầu sang Sở sợ Tần ghen.*

mô tả cái khó khăn của một nước nhỏ đứng giữa hai nước lớn.

Suy rộng điều kiện trên sang việc tương quan giữa vua và quần thần, nếu coi nước lớn là một minh quân, nếu coi nước nhỏ là một anh hùng, khi kẻ biết sợ trời gặp kẻ biết lẽ trời, thời đó là cảnh vua sáng gặp tôi hiền, tỷ như truyện Dự Nhượng trả thù cho Trí Bá chủ đề của bài Dự Nhượng Chủy Thủ Hành; Cũng như truyện Kinh Kha sang Tần liều thân vì nghĩa bầy nước, chết cho tri kỷ là Thái Tử Đan, như Nguyễn Du đã viết rõ trong bài Kinh Kha Cô Lý.

Nhưng trong cả hai truyện trên đây Dự Nhượng cũng như Kinh Kha đều chết anh dũng

60. R.L. Wing, The Tao of Power, Doubleday Inc, Gaeden City, New York, 1986, Chp. 61.

61. R. L. Wing, ibid. chp. 8.

nhưng đều đáng thương.

Người Việt Nam lại có câu:

*Một đời được mấy anh hùng
Một nước được mấy đức ông trị vì.*

Thế nên hoạn lộ nhiều khi thành tử lộ. Hán Cao Tổ không phải không là một minh quân, Hàn Tín không phải không anh hùng, nhưng cuối cùng Hàn Tín vẫn bị Hán Cao tổ hại, đó cũng là ý chính của bài Hàn Tín Giãng Bình Xứ.

Trong thơ Nguyễn Du, hoạn lộ không những chỉ nguy nan trong mối tương quan giữa vua và quần thần mà còn nguy nan gặp bội trong mối tương quan giữa các đồng liêu với nhau.

Ngày mới bước chân vào hoạn lộ, Nguyễn Du đã sợ những Khổng Tước Vũ, tức nhưng con công múa đẹp mắt nhưng trong lòng chứa chất độc. Người đọc có thể coi đó tiêu biểu cho những đồng liêu thâm hiểm mà ông đã gặp và phải giữ gìn lời ăn tiếng nói để khỏi lộ cánh lông.

Trong bài Nhạn Tương Như Cổ Lý, Nguyễn Du nhắc tới truyền xích mích giữa Lạn Tương Như và Liêm Pha. Lạn Tương Như hai lần lập công to với vua nước Triệu, được vua Triệu thăng chức Thượng Khanh cao hơn chức Đại Tướng của Liêm Pha. Liêm Pha liền có ý tìm gặp để làm nhục Lạn Tương Như. May cho nước Triệu là Nhạn Tương Như biết truyền tìm cách tránh mặt Liêm Pha. Có người hỏi thì Lạn Tương Như cho hay là vì nước Triệu mà Lạn Tương Như đành phải làm như vậy, chứ không hề sợ Liêm Pha. Liêm Pha nghe câu nài thân đến xin lỗi Lạn Tương Như.

Sự hiềm khích giữa đồng liêu là truyền thường, truyền nhún nhường vì việc lớn như Lạn Tương Như là truyền hiếm, biết phục thiện như Liêm Pha lại càng hiếm hơn nữa.

Sự thường xảy ra nơi triều chính là truyện Nhạc Vũ Mục tức Nhạc Phi và Tần Cối mà Nguyễn Du dùng làm thi liệu trong bài Yến Thành Nhạc Vũ Mục Ban Sư Xứ.

Nhạc Phi người đời Nam Tống, giỏi cả văn lẫn võ, từng có công lớn đánh giặc Kim, và được vua Tống Cao Tôn tự tay viết bốn chữ Tinh Trung Nhạc Phi trên cờ ban cho làm cờ lệnh. Bấy giờ trong triều Nam Tống Tần Cối làm tể tướng, lại chủ hòa với người Kim, muốn nhường cho nước Kim cả vùng đất Hoài Bắc. Tần Cối giả lệnh vua một ngày hạ 12 đạo kim bài triệu Nhạc Phi về Kinh đô.

Nhạc phi than: “Công khó mười năm bỏ đi một sớm”. Về tới kinh đô, Nhạc Phi bị Tần Cối hạ ngục rồi giết.

Trong triều đình vua Gia Long, trước mắt Nguyễn Du, đã có nhiều vụ án chắc chắn làm ông phải suy nghĩ: tỷ như những vụ án Nguyễn Văn Thành và Đặng Trần Thường, theo Trần Trọng Kim⁶², khiến hậu thế thờ dài và thương tiếc cho những người ham mê hai chữ công danh.

Phải chăng vì thế mà Nguyễn Du có hai câu kết bài thứ ba trong ba bài Ngẫu Thư Công Quán Bích:

平生已絕雲霄夢
Bình sinh dĩ tuyệt vân tiêu mộng
怕見傍人問羽毛
Phạ kiến bàng nhân vấn vũ mao.

nghĩa là:

Công danh mộng hão tiêu mòn
E người gạn hỏi mắt còn cánh lông.

mà ông viết và treo trên vách nhà Công Quán ở Phú Xuân?

Ngoài những nguy hiểm trên hoạn lộ do mối tương quan giữa nhà vua và quần thần hay giữa các quan cùng triều, Nguyễn Du đặc biệt lưu ý tới sự thịnh suy của các triều đại. Ông đã viết trong câu thứ naqam bài Vị Hoàng Doanh ngày ông còn đang tản cư lưu lạc:

古今未見千年國
Cổ kim vị kiến thiên niên quốc

62. Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược, II, Bộ Quốc Gia Giáo Dục, Trung Tâm Học Liệu, Saigon 1971, tr.184.

nghĩa là từ ngàn xưa tới nay chưa thấy triều đại nào bền vững được một ngàn năm, để mô tả tính vô thường của các triều đại.

Ý thơ này trở lại với Nguyễn Du mỗi lần ông nhìn thấy những dấu tích lịch sử một thửa huy hoàng nay thành hoang phế, trong suốt chuyến đi xứ sang Trung Quốc. Người đọc tự hỏi, lập lại một ý thơ như vậy, phải chăng là ông muốn luôn luôn tự nhắc mình phải buông bỏ chữ danh, một sự buông bỏ khó khăn gấp bội việc buông bỏ chữ lợi, để đánh đổi lấy niềm an lạc cho thân và nhất là niềm an lạc cho tâm của ông?

12

Tạm ngưng việc tìm hình ảnh sâu cảm của Nguyễn Du trong ba tập thơ Việt Âm, người đọc tự hỏi đứng trước cái khổ làm người con người sầu cảm phản ứng ra sao?

Giới nghiên cứu cho hay là người sầu cảm có ba thái độ. Một là sống theo trào lưu của cuộc sống đi tìm những thú vui tức thì; hai là tự cho đời sống của mình một thiên chức để rồi khi đối mặt với cái vô nghĩa của thực tế thời thất vọng đến độ đi tới tự vẫn; ba là tự tìm lấy cho mình một sự tương nhượng để tiếp tục nếp sống sầu cảm, chán nản, bi quan. Con người thường đồng thời có cả ba thái độ trên. Thái độ thứ ba là thái độ có nhiều màu sắc nhân bản và đó cũng là thái độ của nhiều tác giả văn học nghệ thuật tây phương.

Georges Minois đặt câu hỏi là, nếu rút bỏ những tác phẩm khởi hứng từ nỗi khổ làm người thời nền văn học tây phương không biết sẽ ra sao?⁶³

Trở lại ba tập thơ Việt Âm của Nguyễn Du, người đọc, không ngạc nhiên thấy qua hình ảnh giới người nữ trong thơ dường như có đủ cả ba thái độ nói trên. Ngoại trừ hình ảnh người đàn bà ăn xin trong bài Sở Kiến Hành là hình ảnh con người trong cảnh đời rách chửa nghĩ tới cái khổ làm người, mỗi người nữ trong thơ Nguyễn Du có một thái độ riêng.

Dương Quý Phi, trong bài Dương Phi Cố Lý, và Vương Thị vợ Tần Cối trong hai bài Vương Thị Tượng là những người giữ thái độ thứ nhất đối mặt với cái khổ làm người. Cả hai cùng xả thân chạy theo danh lợi, leo lên tới tột đỉnh vinh quang, nhưng rồi kết cuộc chết thảm hay bị người sau đời đời nghiền rủa.

Tiếp theo là hai bà phi Nga Hoàng và Nữ Anh, vợ vua Thuấn, trong bài Thương Ngô Tức Sự, nghe tin vua Thuấn chết tại núi Thương Ngô, đi tìm không thấy, khóc lóc, rồi trầm mình ở sông Tương. Người đọc thấy như hai bà phi cho là thiên chức làm vợ thiên tử đã chấm dứt, đời sống trở nên vô nghĩa mà từ trầm. Người thứ ba là Dương Thái Hậu, trong bài Dao Vọng Càn Hải Tử, hoàng hậu của vua Tống Độ Tông, lúc nhà Tống thất thế, Trương Thế Kiệt và Lục Tú Phu hộ tống Dương Thái Hậu và thái tử Đế Bính chạy ra Quỳnh Sơn, trên đảo Hải Nam. Trương Thế Kiệt đưa được Dương Thái Hậu lên thuyền, còn Lục Tú Phú và Đế Bính bị quân Nguyên đuổi gấp nhẩy xuống biển chết. Nghe tin, Dương Thái Hậu nói: “Ta vì chịu gian nan tới nay chỉ cốt bảo vệ Đế Bính để dòng họ Triệu Tống có người nối dõi, nay đến nỗi này ta còn mong gì?” Sau đó thuyền gặp bão đắm, Dương Thái Hậu cũng mất tích. Đó là những người nữ đối mặt với cái khổ làm người theo thái độ thứ ba.

Cô Cầm, tay đàn nguyệt trữ danh tại thành Thăng Long, trong bài Long Thành Cầm Giả Ca, cũng như người nàng hầu của ông em Nguyễn Du, trong bài Ngô Gia Đệ Cựu Ca Cơ, là những người sống với nỗi khổ làm người, trong sầu cảm, trong bi quan, với ngón đàn tuyệt diệu, với sợi tơ mảnh trong cuống sen đã gãy, và mặc cho số mệnh đưa đẩy.

Riêng nàng Tiểu Thanh, giới thơ phú, đã chọn thơ văn để tạm sống với cái khổ làm người, nhưng số mệnh nghiệt ngã khiến nàng cũng phải quyền sinh.

Nguyễn Du chọn nàng Tiểu Thanh làm tri kỷ, cũng lấy thơ văn để tương nhượng sống với cái khổ làm người.

Trong thực tế, đối mặt với cái khổ làm người, con người thường lấy rượu, lấy khói thuốc để phá thành sầu; đó là thái độ sống của những Lý Bạch, những Lưu Linh v.v... Những người lao đầu theo một chủ đích tự cho là cao cả, đến khi mộng lớn không thành, tự chấm dứt cuộc sống, đó là những anh hùng liệt nữ, cũng như những cặp sơn trê tự tử vì tình, những kẻ bất đắc chí đó là những người có thái độ sống thứ hai. Những người tìm được cách tương nhượng với cái khổ làm người, như Nguyễn Du, là những người đối mặt với cái khổ làm người bằng thái độ thứ hai. Đó là những nhà văn học nhân bản tên tuổi, trên khắp thế giới,

63. Georges Minois ibid. p. 7.

đặc biệt là tại Âu Châu suốt thế kỷ thứ XIX⁶⁴.

Riêng ở Việt Nam, trước Nguyễn Du phải kể đến Nguyễn Trãi, trong bài Oan Thán, viết khi ông bị vua Lê Thái Tổ nghi ông liên quan tới vụ Trần Nguyên Hãn tạo phản:

虛名寔禍殊堪笑
Hư danh thực họa thù kham tiếu
眾謗孤忠絕可憐
Chúng báng cô trung tuyệt khả liên
數有難逃知是命
Số hữu nan đào tri thị mệnh
文如未喪也關天
Văn như vị táng dã quan thiên.

dịch là:

*Gương cười thực họa hư danh
Cô trung người ghét thương mình lẻ loi
Trốn đâu cho khỏi số trời
Lòng trời chưa dứt há vùi tu vẫn.*

Rồi sau Nguyễn Du còn có Nguyễn Công Trứ than buồn:

*Ngồi buồn muốn trách ông xanh
Khi vui muốn khóc buồn tênh lại cười*

Lại có Đào Tấn⁶⁵ than:

*Nghiến răng cười cười cũng khó khăn
Ôm lòng chịu chịu càng vui sướng*

và Tản Đà tự hỏi:

Đời đáng chán hay không đáng chán?

Trở lại trường hợp Nguyễn Du, ba tập thơ Việt Âm của ông không những cho người đọc nhận ra tác giả là một người suốt đời đối mặt với cái khổ làm người mà còn cho người đọc biết rõ là ông đã có hai đường lối khác biệt để tương nhượng với cái khổ làm người. Một là tìm về tôn giáo, hai là đi vào ngả sáng tác văn học.

Lần đầu tiên Nguyễn Du tỏ ý muốn tìm đường về dưới bóng Phật là năm ông còn ở tuổi ba mươi, đang ở trong cảnh cùng quẫn, cả hai đường thơ và kiếm cùng dở dang, ông viết trong câu kết bài Tự Thán, kỳ II:

何能落髮歸林去
Hà năng lạc phát quy lâm khứ
臥聽松風響半雲
Ngọa thính tùng phong hưởng bán vân

Ông muốn xuống tóc, nhưng không phải để đi ở chùa mà vào rừng nghe thông reo ở nửa rừng mây xanh.

Thanh Hiên Thi Tập chép bài Đề Nhị Thanh Động, Nguyễn Du viết năm ông 39 tuổi, đã ra làm quan với nhà Nguyễn và nhân dịp lên Ai Chi Lăng nghênh tiếp sứ đoàn Trung Quốc sang phong vương cho vua Gia Long. Đây là lần thứ hai Nguyễn Du nói tới Phật pháp, ông viết:

此心常定不離禪

64. Georges Minois, Histoire du Mal de Vivre, ibid.Chap IX, p. 269-311.

65. Tuồng Đào Tấn, tập I, Đờ Đề, lớp IX, Vũ Đình Liên Biên Dịch, Nhà Xuất Bản Sân Khấu, Sơ Văn Hóa Nghĩa Bình, 1987, tr.151

Thử tâm thường định bất ly thiên

nghĩa là:

Tâm này thường định chẳng rời Thiên

cho thấy là Nguyễn Du ngồi thiền với chủ đích đoạt được thường định, nôm na là sự tĩnh lặng trong tâm mà không có tham vọng nói tới cõi ngộ.

Ông nói rõ ý thơ này trong bài Đạo Ý. Ông so sánh sự tĩnh lặng trong tâm ông với hình ảnh mặt trăng trong lòng giếng cổ: có bị người khày động thoáng gợn rồi cũng lấy lại được niềm tĩnh lặng.

Bài Lương Chiêu Minh Thái Tử Phân Kinh Thạch Đài là một trong những bài dài nhất trong Bắc Hành Tạng Lục, mang đậm màu Thiền. Nguyễn Du dường như có ý muốn trách Lương Võ Đế cùng Lương Chiêu Minh thái tử vì quá sùng đạo Phật mà để nước mất nhà tan, bày đặt việc phân kinh không những gây thêm khó khăn cho thế nhân theo học Phật Pháp mà chỉ để cho người đời sau thi nhau luận bàn, trong khi Đệ Nhất tổ chủ trương bất lập văn tự, và riêng ông tới Phân Kinh Thạch Đài này mới vỡ nghĩa là chân kinh là kinh không viết thành chữ.

Lập trường phản đối Lương Võ Đế và Lương Chiêu Minh Thái Tử của Nguyễn Du trong bài thơ dài trên đây, dường như tương đồng với lập trường của Thiền Tông, tựa đề là Thích Môn Chính Thống, theo Suzuki, viết vào khoảng đầu thế kỷ thứ III, như sau ⁶⁶:

Khi Phật pháp biến đổi, nó trở thành Thiền Tông; khi Thiền Tông tăng trưởng sai lầm, nó trở thành ma thuyết, [...] Cái nguy hiểm vì quá nương tựa kinh và luận cũng gần như cái nguy hiểm không hiểu biết thiết thực - một thái độ có trở ngại lớn cho việc theo dõi nghiêm chỉnh đời sống của đạo Phật.

Đằng khác, với kết luận là kinh không chữ mới thật là kinh, nhắc người đọc nhớ tới một đoạn văn của Huệ Hải, mà Suzuki trích dẫn như sau ⁶⁷:

Ông hãy nghe cho kỹ đây. Trong kinh có nói rõ rằng: Những gì ta nói là nghĩa chứ không phải chỉ có văn; còn nhưng gì chúng sinh nói chỉ là văn chứ không có nghĩa. Ai hỏi ý sẽ vượt lên nhưng văn tự hời hợt; ai ngộ Lý sẽ vượt qua những văn tự. [...] Bởi vậy kẻ phát Bồ Đề thì được ý mà quên lời, ngộ ý mà ảo giáo. Như người được cá thì quên nơm, được thỏ thì quên đó.

Trong cả ba tập thơ Việt Âm của Nguyễn Du, có một số bài mang sắc Đạo. Trong những bài đó, Nguyễn Du thường dùng những hình ảnh trong sách Nam Hoa Kinh của Trang Tử làm thi liệu. Tỉ như câu thứ ba bài Tự Thân I ông viết:

性成鶴脰何容斷

Tính thành hạc hính hà dung đoạn

nghĩa là:

Trời sinh chân hạc dài há cắt ngắn

Hai chữ hạc hính là hai chữ chủ chốt trong câu:

鶴脰雖長，斷之則悲

Hạc hính tuy trường, đoạn chi tắc bi

sách Trang Tử Nam Hoa Kinh, thiên Biền Mẫu ⁶⁸, nghĩa là:

Chân hạc vốn dài, cắt ngắn làm nó buồn.

Đến bài Ngẫu Hứng I, Nguyễn Du lại dùng hình ảnh chân hạc dài một lần nữa, kèm theo là hình ảnh giống ngựa bị người đóng móng đóng cương, mất một nửa tính trời, trong chương Mã Đề sách Trang Tử Nam Hoa Kinh ⁶⁹, trong hai câu:

66. D. T. Suzuki, Thiền Luận, tập hạ, bản dịch của Tuệ Sĩ, Đại Nam tái bản tại Hoa Kỳ, tr. 81.

67. D.T. Suzuki, Ibid. tr. 83.

68. The Saying of Chuang Tzu, James R. Ware chinese text, Confucius Publishing Co, Republic of China, 1959.p. 90.

69. The Saying of Chuang Tzu, ibd. p. 97.

儻殘物性悲鶴脛
Thương tàn vật tính bi hạc hĩnh
刻雜天真失馬蹄
Khắc lạc thiên chân thất mã đề.

Đó là những hình ảnh Nguyễn Du tự mô tả: ông cho rằng việc ra làm quan, làm mất tính trời sinh của ông, như con hạc bị cắt ngắn chân, con ngựa bị đóng móng.

Sắc Đạo còn thấy rõ hơn trong bài Sơn Thôn trong Thanh Hiên Thi Tập và bài Hoàng Mai Sơn Thượng Thôn trong Bắc Hành Tập Lục.

Những hình ảnh trong bài Sơn Thôn và bài Hoàng Mai Sơn Thượng Thôn đều là hình ảnh chủ yếu trong áng thơ Đào Hoa Nguyên của Đào Tiềm, một nhà thơ đời Tấn Trung Quốc. Nguyên văn lời dẫn như sau:

Truyện Nguồn Đào ⁷⁰

Dưới triều Tấn Thái Nguyên, có ngư phủ đất Vũ Lăng, men theo dòng khe, quên đường xa gần. Bỗng gặp rừng đào, cách bờ vài trăm bước, không xen loại cây nào khác, cỏ thơm tươi đẹp, hoa rụng đỏ rực. Ngư phủ lấy làm lạ, muốn vào sâu thêm, đến cuối khu rừng. Hết rừng đến ngọn suối, bên chân núi. Núi có cửa hang, sáng mờ mờ, bèn gác thuyền, theo của hang mà vào. Đầu hang rất hẹp, chỉ vừa lọt một người. Vào sâu vài chục bước, lòng hang mở rộng, sáng sủa, thấy đất bằng rộng rãi, nhà cửa ngăn nắp, có ruộng tốt, ao trong, có bụi dâu rặng trúc, bờ be ngang dọc thông nhau, tiếng gà tiếng chó liên hồi. Có người qua lại trông trọt làm lụng, đàn ông đàn bà áo quần đều như người bên ngoài, ông già tóc bạc con trẻ trái đào, hớn hờ vui vẻ.

Gặp ngư phủ thấy đều ngạc nhiên, hỏi từ đâu tới. Ngư phủ thuật lại mọi điều. Họ bèn mời về nhà, rót rượu mổ gà tiếp đãi. Họ cho hay tổ tiên xưa chạy loạn Tần Doanh, dắt vợ con và người làng tới chỗ xa xôi này lập ấp rồi không trở ra nữa; từ đó cách biệt hẳn với người bên ngoài. Họ lại hỏi bây giờ là đời nào; họ không biết có đời Hán, nói chỉ đến đời Ngụy đời Tấn. Ngư phủ nhất nhất kể lại sự tình, người nghe đều đau xót. Người khác lại mời về nhà chơi, thiết đãi ăn uống. Ở chơi vài ngày, ngư phủ từ biệt ra về. Có người cản dận; “Xin đừng kể cho ai nghe chuyện tới đây.”

Ra khỏi hang, tìm lại thuyền, theo hướng cũ mà về, tới đầu đánh dấu chỗ đó. Đến quận lỵ, vào ra mắt quan thái thú, kể lại sự tình. Quan sai ngư phủ trở lại, tìm nhưng chỗ có đánh dấu, nhưng không sao tìm ra đường cũ nữa.

Lưu Tử Kỳ người đất Nam Dương, là bậc thượng cao sĩ, biết chuyện hăng hái đi tìm nơi đó, nhưng chưa tìm ra thì bị bệnh mà chết. Từ đó không ai đi tìm đường đó nữa.

Tiếp theo là áng thơ dài 32 câu:

桃花源詩

Đào Hoa Nguyên Thi

羸氏亂天紀

Doanh thi loạn thiên kỳ

賢者避其世

Hiền giả ty kỳ thế

黃綺之商山

Hoàng Y chi Thương Sơn

伊人亦云逝

Y nhân diệc vân thế

往跡漫復湮

⁵Vãng tích tảnm phục yên

來逕遂蕉廢

Lai kính toại tiêu phế

相命肆農耕

70. 陶淵明詩選, ibid. 張 136-142.

Tương nhật tứ nông canh
 日入從所憩
 Nhật nhập tòng sở khế
 桑竹垂餘蔭
 Tang trúc thùy dư âm
 菽稷隨時藝
¹⁰ Thục tác tùy thì nghệ
 春蠶收長絲
 Xuân tầm thu trường ti
 秋熟靡王稅
 Thu thục mỹ vương thuế
 荒路曖交通
 Hoang lộ ái giao thông
 雞犬互鳴吠
 Kê khuyến hồ minh phệ
 俎豆猶古法
¹⁵ Trở đầu do cổ pháp
 衣常無新製
 Y thường vô tân chế
 童孺縱行歌
 Đồng nhũ sĩ hành ca
 斑白歡游詣
 Ban bạch hoan du nghệ
 草榮識節和
 Thảo vinh thức tiết hòa
 木哀知風厲
²⁰ Mộc ai tri phong lệ
 雖無紀歷志
 Tuy vô kỷ lịch chí
 四時自成歲
 Tứ thời tự thành tuế
 怡然有餘樂
 Di nhiên hữu dư lạc
 干何勞智慧
 Can hà lao trí tuệ
 奇蹤隱五百
²⁵ Kỳ tung ẩn ngũ bách
 一朝敞神界
 Nhất triều sưởng thần giới
 淳薄既異源
 Thuần bạc kỷ dị nguyên
 旋復還幽蔽
 Toàn phục hoàn u tế
 借問游方士
 Tá vấn du phương sĩ
 焉測塵囂外
³⁰ Yên trắc trần hiêu ngoại
 願言躡輕風
 Nguyệt ngôn nhiếp khinh phong
 高舉尋吾契
 Cao cử tầm ngô khế.

dịch là:

Thơ Đào Nguyên
Tần Doanh phá luật trời

Người hiền lánh truyen đời
 Hoàng Ý về Thương Sơn
 Dân lành ùa theo tới
⁵Ngá qua là lớp ngá
 Lối về bí kín lối
 Sáng ngày đi làm đồng
 Chiều tối về thanh thơ
 Bóng dâ trúc dày đặc
¹⁰Đậu kê rộ theo thời
 Xuân sang tầm kéo tơ
 Vào thu thuế không đời
 Tiếng gà chen tiếng chó
 Đường hoang không bóng người
¹⁵Đồ dùng theo kiểu cũ
 Áo quần giữ nguyên thói
 Con trẻ vui hát hò
 Người gia vui lui tới
 Cỏ xanh biết trời tốt
²⁰Lá rụng biết gió thổi
 Ngày tháng lịch chẳng cần
 Một năm bốn mùa trôi
 Sống bình yên vui vẻ
 Chẳng chữ nghĩa theo đời
²⁵Từ năm trăm năm qua
 Tới ngày mở thần giới
 Thuần bạc chẳng một nguồn
 Bổng cùng sống một cõi
 Hỏi đường du phương sĩ
³⁰Tới cõi không gió bụi
 Nguyện theo gió bổng bay
 Tim tri âm chung vui.

Sách Lão Tử Đạo Đức Kinh, chương 80 có đoạn sau đây ⁷¹:

Nước nhỏ dân thưa khiến dư đồ dùng, gấp mười gấp trăm [hơn người] mà không dùng, dân coi trọng cái chết mà không đời xa, thuyền xe có mà không đi; có áo giáp đồ binh mà không bày. Khiến người ta thắt nút dây mà dùng, ăn ngon mặc đẹp, ở yên, vui với thói tục, nước láng giềng gần gũi nghe thấy tiếng gà tiếng chó của nhau, mà đến già đến chết không qua lại với nhau.

Người đọc thấy rõ là Đào Tiềm khởi hứng từ chương 80 sách Lão Tử Đạo Đức Kinh để viết truyện Đào Nguyên Ký và áng thơ Đào Nguyên Thi. Nguyễn Du chắc chắn cũng khởi hứng từ sách Lão Tử cũng như từ văn thơ Đào Tiềm mà viết hai bài Sơn Thôn và Hoàng Mai Sơn Thượng Thôn. Trong cả bốn bản văn thơ, dân trong hang Nguồn Đào, cũng như tại Xóm Núi hay Xóm Núi Hoàng Mai đều yên ổn làm ăn, sống xung túc, ăn no mặc đẹp, nghe thấy tiếng gà tiếng chó của nhau, không cần tới lịch hàng năm vua ban. Ngoài ra dân Nguồn Đào không cả phải nộp sưu thuế cho vua như dân trong nước nhỏ lý tưởng của Lão Tử. Dân ở Sơn Thôn và Hoàng Mai Sơn Thôn, tuy vẫn phải đóng thuế nhưng đời sống dễ dàng có đóng thuế vẫn còn dư sống. Nước nhỏ là nước lý tưởng của Lão Tử, cũng như Nguồn Đào là nơi sống lý tưởng của Đào Tiềm. Xóm Núi và Xóm Hoàng Mai dường như là một chốn có thật vì Nguyễn Du đã tự hỏi là về già không về xóm Hoàng Mai dưỡng già thì còn biết về đâu khác?

Người đọc có thêm một vài câu hỏi để chờ giới nghiên cứu giải quyết. Sơn Thôn và Hoàng Mai Sơn Thượng Thôn là một chốn hay là hai nơi, vì một bài chép trong Thanh Hiên Thi Tập, một bài trong Bắc Hành Tạp Ngâm.

Vậy thời nếu cả hai cùng có thật thì hỏi ở đâu? Vùng núi Hồng Lĩnh, hay vùng núi Nam Trung Quốc?

Sử gia Keith Weller Taylor, tác giả cuốn The Birth of Việt Nam cũng đặt câu hỏi tương tự

71. Lão Tử Đạo Đức Kinh, bản dịch của Nghiêm Toàn, sách đã dẫn, tr. 387.

liên quan tới hàng Nguồn Đào căn cứ trên một đoạn trong Việt Điện U Linh ⁷². Sách Việt Điện U Linh chép đoạn đó như sau: ⁷³

Phật Tử là em họ Lý Bôn. Lý Bôn chết thì Phật Tử theo anh của Lý Bôn là Thiên Bảo dẫn ba vạn quân chạy lên vùng người Di, Lào. Bá Tiên, [tướng Trung Quốc] treo giải thưởng để tìm bắt, nhưng không được. Thiên Bảo đến động Dã Năng ở đầu nguồn sông Thao, thấy cảnh ở đấy đẹp, đất đai sản vật phì nhiêu, màu mỡ mà lại phẳng rộng, bèn xây thành mà ở. Người kéo đến tụ tập ngày một đông, trí năng ngày một rộng khắp, bèn trở thành nước Dã Năng. Mọi người suy tôn Thiên Bảo làm Đào Lang Vương. Chẳng bao lâu Thiên Bảo chết không có con. Mọi người lại tôn Phật Tử lên thay. Vừa lúc đó nghe tin Bá Tiên về phương Bắc, Phật Tử dẫn quân xuống phía Đông. Người chung quanh khuyên Phật Tử xưng đế. Phật Tử nghe theo, nhân đó xưng hiệu là Lý Nam Đế.

Tên động Dã Năng ở nguồn sông Thao, (K.W. Taylor đọc là sông Dao), gợi lại truyện truyền Đào Nguyên Ký của Đào Tiềm. Động Đào Nguyên trong thơ văn Đào Tiềm, theo Taylor, có thể là động Dã Năng, nơi ba vị vương mở nước của nhà Tiền Lý dưỡng quân.

Câu hỏi là có gì tương quan giữa động Dã Năng này với Xóm Núi và Xóm Hoàng Mai trong thơ Nguyễn Du? Xin người đọc chờ giới nghiên cứu giải đáp.

13

Người đọc dường như thoáng thấy khuynh hướng thơ văn của Nguyễn Du qua những bài thơ ông viết về những nhà thơ nhà văn mà người Trung Quốc thường gọi là những đại gia.

Đỗ Phủ, tự Thiếu Lăng dường như là nhà thơ mà Nguyễn Du tâm phục nhất. Ông viết hai bài Thiếu Dương Đỗ Thiếu Lăng Mộ. Trong bài thứ nhất có hai câu:

異代相憐空灑淚
Dị đại tương liên không sái lệ
一窮至此豈工詩
Nhất cùng chí thử khởi công thi

dịch xuôi là:

*Chẳng cùng thời thương nhau rỏ lệ,
Cùng quẫn như nhau há vì thơ*

để giải tỏ lòng ông đối với Đỗ Phủ.

Sang bài thứ hai, Nguyễn Du trích câu:

儒冠多誤身
Nho quan đa ngộ thân

trích từ bài Phụng Tặng Vi Tả Thừa Trưng Thập Nhị Vận, của Đỗ Phủ để nói ông xót thương Đỗ Phủ vì cả hai người cùng đội mũ nhà nho và cả hai cùng bị lụy thân. Cái lụy đây là cảnh gia đình Đỗ Phủ từng sống trong cảnh đói rách như gia đình Nguyễn Du. Câu thứ tư bài Lỗi Dương Đỗ Thiếu Lăng Mộ, Nguyễn Du viết:

男女呻吟不可聞
Nam nữ thân ngâm bất khả văn

nghĩa là:

Trai gái rên khóc chẳng đành lòng nghe

lấy ý từ câu:

72. Keith Weller Taylor, The Birth of Vietnam, University of California Press, Berkeley, 1983, Appendix M, p. 342-343.

73. Lý Tế Xuyên, Việt Điện U Linh, Văn Học, Hà Nội, 1972, Bản dịch của Trịnh Đình Rư và Đinh Gia Khánh, tr. 43.

男女呻吟四壁靜
Nam nữ thân ngâm tứ bích tĩnh

trích từ bài Càn Nguyên Trung Ngụ Đổng Cốc Huyện Tác Ca Thất Thủ, ghi lại cảnh một chiều mùa đông, Đỗ Phủ phải vào rừng đào khoai rừng về ăn cho đỡ đói. Nhưng tuyết xuống quá nhiều, không đào được khoai phải về tay không, lúc về tới nhà bốn bề lạnh ngắt, con trai con gái kêu rên.

Cảnh đau lòng của Đỗ Phủ trên đây cũng là cảnh sót sa của Nguyễn Du khi ông viết câu:

十口啼饑橫嶺北
Thập khẩu đề cơ Hoàn Lĩnh bắc
一身臥病帝城東
Nhất thân ngoại bệnh đế thành đông

trong bài Ngẫu Đề, ngày ông đau bệnh ở Phú Xuân và nhận được tin quê ông bị hạn hán nhà mười miệng thiếu ăn. Như vậy phải chăng Nguyễn Du thông cảm với Đỗ Phủ vì cả hai người cùng từng trải qua những ngày gian nan thiếu thốn.

Nhà thơ Trung Quốc thứ hai mà Nguyễn Du vinh danh là Lý Bạch. Ông viết bài Đào Hoa Đàm Lý Thanh Liên Cựu Tích để ca tụng Lý Bạch bằng câu thứ tám:

薄視榮名同敝履
Bạc thị vinh danh đồng tệ lý

nghĩa là: coi nhẹ vinh hoa như chiếc giày rách, sau khi nhắc lại truyện Vua Đường phái Cao Lực Sĩ gọi Lý Bạch, vào chầu mà Tửu Tiên vẫn say mèm, khiến Cao Lực Sĩ phải vực lên thuyền. Rồi Nguyễn Du kết luận bằng câu:

世路塵埃信溷濁
Thế lộ trần ai tín hỗn trọc
不如終日痛飲全吾天
Bất như chung nhật thống ẩm toàn ngô thiên

nghĩa là:

*Đường đời bụi bặm hỗn trọc
Thà suốt ngày uống tràn giữ tròn thiên tính.*

Nhưng đường đó chỉ là điều Nguyễn Du ước mơ, trong suốt ba tập thơ Việt Âm của ông chỉ có bài Hành Lạc Từ I ghi lại cảnh say sưa .

Người đọc đường như thấy Nguyễn Du gặp Lý Bạch qua chữ thành sầu trong câu:

欲破城愁惟有酒
Dục phá thành sầu duy hữu tửu

Chữ thành sầu là hình ảnh mối sầu vây chặt lấy con người như một bức tường thành kiên cố. Đó là hình ảnh cái khổ làm người của Lý Bạch mà Nguyễn Du thông cảm. Nhưng khác với Lý Bạch là Nguyễn Du không lấy rượu để phá thành sầu. Nguyễn Du tương nhượng với chính ông để tới chỗ thỏa hiệp để thấy như bức thành sầu không còn phiến luy ông nữa.

Sau Lý Bạch và Đỗ Phủ, Nguyễn Du đề cao hai trong Bát Đại Gia của Trung Quốc: một là Liễu Tôn Nguyên và Âu Dương Tu.

Liễu Tôn Nguyên là một văn hào đời Đường, đậu tiến sĩ, làm quan tới chức Giám Sát Ngự Sử, vì cuộc tranh chấp trong triều mà bị biếm làm Tư Mã Vĩnh Châu. Nguyễn Du kết luận bài Vĩnh Châu Liễu Tử Hậu Cố Trạch, bằng hai câu:

壯年我亦為材者
Tráng niên ngã diệc vi tài giả

白髮秋風空自嗟
Bạch phát thu phong không tự ta

nghĩa là:

*Tuổi trẻ ta cũng là gỗ quý
Đầu bạc sầu không đón gió thu*

để tỏ lòng thương Liễu Tôn Nguyên, ngày trẻ cũng đã từng nuôi mộng cao xa, nay đầu đã bạc, ông cố giữ sao để sự khen chê nơi sân rồng không phiền lụy tới ông. Nguyễn Du đã từng bị vua Gia Long trách là không chịu góp lời vào những cuộc tranh luận nơi sân rồng, nhưng không để lời trách cứ đó day dứt ông như Liễu Tôn Nguyên vì bị biếm mà coi mình là ngu khiến cây cỏ gò đống quanh nơi ông ở đều bị gọi là ngu, rồi chết vì uất hận.

Với Âu Dương Tu, nhà nghèo, mồ côi cha được mẹ rèn cặp, 24 tuổi đậu tiến sĩ, làm quan nhiều lần bị giáng chức cũng vì truyện phe phái trong triều. Đồng thời là một trong Bát Đại Gia đời Tống. Câu thứ sáu bài Âu Dương Tu Văn Trung Công Mộ:

名家八大擅文章
Văn gia bát đại thiện văn chương

của Nguyễn Du cho thấy lòng ông trọng vọng sự nghiệp văn chương của Âu Dương Tu. Nhưng bên cạnh một sự nghiệp văn chương lừng lẫy, Âu Dương Tu có một hoạn lộ nhiều phen lên xuống gập ghềnh. Phải chăng nhắc tới Âu Dương Tu là nhắc tới một điều mà ông đã từng nhiều lần tự nhắc nhở mình, là làm cách nào để đầu ở trong hoạn lộ mà không bị phiền lụy, mà vẫn tạo nên một văn nghiệp xứng đáng so với Âu Dương Tu.

Bùi Độ là văn gia thứ năm Nguyễn Du nhắc tới trong thơ. Bùi Độ người đời Đường, là một công thần đời Đường, hoạn lộ được coi là gương mẫu cho người đời sau trong việc sự xử xuất. Sau khi về hưu ông lui về Lục Dã ngâm vịnh cùng các danh gia đương thời như Bạch Cư Dị, Lưu Vũ Tích. Nhắc tới Bùi Độ trong bài Bùi Tấn Công Mộ, phải chăng Nguyễn Du cũng muốn noi gương xuất xử của Bùi Độ? Rất tiếc là Nguyễn Du, tuy đã nhiều lần xin về hưu, nhưng vua Gia Long chưa thuận thì ông bị bạo bệnh và mất khi đang tại chức.

Sự nghiệp văn chương của Nguyễn Du không thu gọn trong ba tập thơ Việt Âm mà hơn mọi tác giả khác là hai áng thơ nôm: Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh và cuốn Đoạn Trường Tân Thanh. Điều đáng chú ý hơn hết là chủ đề trong cả hai tác phẩm này cùng là nỗi khổ làm người, một nỗi khổ của con người khi bắt đầu suy nghĩ về ý nghĩa của cuộc sống. Hơn nữa thơ Nguyễn Du trong Đoạn Trường Tân Thanh đã đưa tiếng thơ Việt Nam lên tới mức cao từ xưa tới nay chưa từng ai đạt tới.

Đi sâu vào nỗi khổ làm người trong hai tác phẩm kể trên của Nguyễn Du vượt quá khuôn khổ của tập sách này. Xin dành giới chuyên ngành về lịch sử tư tưởng nghiên cứu.

Phải chăng sự nghiệp văn thơ đó đã giúp cho Nguyễn Du tương nhượng rồi thoả hiệp được với chính ông trước cái khổ làm người, đạt được an lạc, ataraxie, trong cuộc sống ở cõi người ta này?

14

Nguyễn Du sáng tác ba tập thơ Việt Âm trong suốt thời gian ngoài hai mươi năm. Đọc ba tập thơ đó, người đọc như thấy ý chí kiên trì của tác giả, sống kỷ luật với chính mình, không phải như một nhà khổ tu, nhưng như một người theo đuổi một mục đích đã định sẵn. Mục đích đó không phải là để trở thành một vị anh hùng cái thế lưu danh muôn thủa, mà là một người đi tìm an lạc cho chính bản thân của riêng mình. Đó là bốn phận con người đối với bản thân.

Để làm tròn bốn phận đó, nhìn qua hai bài thơ mang màu Thiền: Đạo Ý và Lương Chiêu Minh Thái Tử Phân Kinh Thạch Đài, người đọc thấy rõ hình ảnh tiến trình của Nguyễn Du trên đường trút bỏ cái khổ làm người theo nẻo Phật học. Bài Đạo Ý cho thấy rõ Nguyễn Du đã tới được mức giữ được tâm không giao động bởi vật ngoài. Rồi bằng đi trong ngoài hai chục năm sau, qua bài Lương Chiêu Minh Thái Tử Phân Kinh Thạch Đài, ông cho hay là ông không muốn dài lời bàn luận về Phật pháp bởi muốn tuân hành lời tổ Đạt Ma: “Bất lập văn tự”. Người đọc thơ Nguyễn Du dường như thấy Nguyễn Du đã buông bỏ danh lợi theo đúng lời

Phật dạy trong Trung Bộ Kinh, 138: ⁷⁴

Đừng để tâm người giao động bởi vật bên ngoài, mà cũng đừng sa đà giữa những tưởng niệm bên trong. Hãy lia tất cả chấp trước, tất cả sợ sệt. Đó là con đường vượt qua cái khổ sống chết.

Giáo lý xả chấp của Phật thường cụ thể biểu minh bằng hình ảnh chiếc bè. Kinh Sutta Nipata, V.21 chép lời Phật dạy:

Ta đã đóng một chiếc bè chắc chắn, ta đã tới tận Niết Bàn, ta đã qua bờ bên kia, chiến thắng dòng cuồng lưu tham dục; ta không còn dùng chiếc bè vào việc gì nữa, vậy trời muốn mưa thì cứ mưa.

Kinh Kim Cương của Lục Tổ Huệ Năng nói về chiếc bè Pháp như sau:

Như Lai thường dạy rằng các thầy tỳ khuru nên biết pháp ta nói ví như chiếc bè đưa qua sông: pháp còn bỏ hưởng nữa chẳng phải là pháp.

Trung Bộ Kinh giảng rộng về bè pháp, tóm lược như sau:

[...] lời ta dạy ví như chiếc bè, để đưa qua, không phải để mang giữ. Hãy nghe lời ta đây. Ví như có người suốt ngày đi đường mệt nhọc gặp phải một con sông rộng nước sâu; bờ sông bên này thì đầy lo sợ và hiểm nghèo, con bờ bên kia thì yên ổn, không sợ sệt, nhưng không có cầu thuyền đưa qua sông, mà cũng không có cầu bắc nối hai bờ. Ví như người ấy nghĩ bụng như vậy: Quả thật sông thì rộng nước thì sâu, bờ bên này đầy lo sợ và hiểm nghèo, còn bờ bên kia thì yên ổn không sợ sệt; nhưng không có thuyền mà cũng không có cầu đưa ta qua bờ bên kia. Sao ta không thử lượm lật những lau sậy, nhưng que cành chà là kết làm bè coi sao? Rồi ngồi trên bè, ta dùng tay dùng chân làm chèo, chèo sang bờ bên kia. [...]

Bya giờ qua sông rồi, đến bờ rồi, ví như người ấy nói vậy: Quả thật chiếc bè ấy đã giúp tôi nên việc lớn. Nhờ nó chở tôi, và tôi dùng tay dùng chân làm chèo, tôi mới qua êm được đến bờ bên kia; bây giờ phòng như tôi đội chiếc bè trên đầu, hoặc mang nó trên vai, và cứ thế mà lên đường đi đâu tùy thích? [...] Người ấy dùng bè như vậy có khôn ngoan không?

- Bạch ngài, nhất định là không.

- Vậy, nếu là người khôn ngoan, người ấy phải xử trí làm sao với chiếc bè? [...] Người ấy nên nghĩ như vậy: Quả thật chiếc bè ấy đã giúp tôi nên việc. Nhờ ngồi trên bè, và chèo bằng tay bằng chân, tôi qua êm được bờ bên kia. Giờ đây, nếu tôi bỏ lại chiếc bè ấy bên bờ, hoặc vứt nó chìm xuống nước, và tôi lại tiếp tục lên đường. [...] Nếu làm như vậy, người ấy đáng là người khôn ngoan khéo xử trí với chiếc bè.

Cũng như vậy đó, [...] giáo pháp tôi dạy ví như chiếc bè, cốt để đưa qua không phải để mang giữ. Thấy rõ ví dụ đó thì đối với pháp còn phải buông xả nữa là cái phi pháp.

Suziky giải thích hai chữ pháp và phi pháp trong lời Phật dạy trên đây là đồng nghĩa với có và không, hoặc khẳng nhận và phủ nhận. Vậy pháp bỏ cả pháp và phi pháp có nghĩa là thoát ly cái chấp nhị nguyên cùng tất cả rối ren và vướng mắc. Rồi Phật kết luận:

[...] dầu là sắc chất nào, dầu ở quá khứ, vị lai hay hiện tại, dầu ở trong hay ở ngoài, dầu thô hay tinh, dầu tiện hay quý, xa hay gần, sắc nào cũng phải quán như thực trong ánh sáng chánh trí, nghĩa là quán thấy như vậy:

“Cái này không phải của tôi,”

“Tôi không phải là cái này”

“Cái này không phải là ngã của tôi”

Bốn uẩn còn lại là thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy đó. Người nào quán thấy thế gian như vậy là thoát ly tất cả dục vọng tai hại, chứng đến tự do. Đó là người chường ngại gạt bỏ xong, hào lũy lấp cạn hết, là người đã bạt trừ, đã tử do, đã hoàn tất cuộc chiến, đã trút bỏ gánh nặng.

Vậy là người ấy đã trút bỏ được gánh nặng của cái khổ làm người.

Cũng để tròn bổn phận đối với bản thân, người đọc đừng thấy Nguyễn Du sống theo một nếp sống, nhìn theo nhãn quan mà Trang Tử, để đạt tới mức: ⁷⁵

至人無己
Chí nhân vô kỷ
神人無功
Shen nhân vô công

74. Trích theo D.T. Suzuki, Thiền Luận Tập thượng, bản dịch của Trúc Thiên, Đại Nam tái bản tại Hoa Kỳ, trang 233-237.

75. The Saying of Chuang Tzu, James R. Ware, ibid, p. 5

thần nhân vô công
聖人無名
thánh nhân vô danh.

nghĩa là:

*Chí nhân không vì mình
thần nhân không vì công
thánh nhân không vì danh*

không phải để bước ra ngoài đời ngoao du sơn thủy, và nói theo Bạch Cư Dị, cũng chẳng phải sống nơi khói ráng như những nhà tiểu ẩn, mà để tìm ra cho mình niềm an lạc như một nhà trung ẩn nơi biên trấn hay làm giảm những trói buộc với cuộc sống của những nhà đại ẩn nơi kinh thành. Đó là nếp sống vừa xuất lại vừa xử, không để bên nào trọng hơn bên nào.

Để đạt tới mục đích đó, như đã thấy qua ba tập thơ Việt Âm, Nguyễn Du đã thành công trong việc quên lãng danh, quên lãng lợi, khiến không còn lo sợ không còn đau khổ và thản nhiên đón cái chết. Giới nghiên cứu về cái khổ của con người cho biết là một khi đạt được tới mức đó, con người đạt được an lạc của cuộc sống.

Hình ảnh thường dùng để mô tả một con người đạt được tới cõi an lạc là hình ảnh một người biết chắc là mình sẽ chết nay mai, nhưng vẫn vui vẻ trồng một cây táo, như ‘chẳng có chuyện gì sẽ xảy ra’

Đó là hình ảnh Nguyễn Du trong hai câu kết bài Tạp Ngâm, kỳ I:

庭植孤松高百尺
Đình thực cô tùng cao bách xích
不知青帝奈人何
Bất tri thanh đế nại nhân hà

nghĩa là:

*Trồng thông trăm thước trước sân
Mặc cho trời đất xoay vần chẳng lo.*

Khi buông bỏ được chính mình, công danh của mình, con người đạt tới được cõi an lạc cho tâm thần, bằng lòng với thân phận con người, bằng lòng cả với cái vô dụng của kiếp người, tóm lại như vậy là tạm buông bỏ được nỗi khổ làm người.

Trang Tử đưa ra hình ảnh cái quên tháo bỏ gông cùm cho cái tâm, bằng câu ⁷⁶:

忘足，履之適也
Vong túc, lý chi thích dã
忘腰，帶之適也
Vong yêu, đai chi thích dã
知忘是非，心之適也
Tri vong thị phi, tâm chi thích dã
[...] 忘適之適也

Nhượng Tống dịch là ⁷⁷:

*Quên chân, thế là giày vừa
Quên lưng thế là đai vừa
Quên phải trái, thế là lòng vừa.*

Quên chân, quên lưng là quên được chính mình, khiến không còn bị vật ngoài như đôi giày không vừa chân, chiếc đai không vừa lưng làm dao động cái tĩnh của thân, cũng như quên

76. James R. Ware, The Saying of Chuang Tzu, ibid. p. 229

77. Trang Tử Nam Hoa Kinh, bản dịch của Nhượng Tống, sách đã dẫn, tr. 300

cái phải cái trái, cũng là vật ngoài làm nhiễu động cái tĩnh của tâm.

Không bị vật ngoài làm dao động cái tĩnh của thân và của tâm là tới mức mà Trang Tử gọi là ⁷⁸:

故善吾生者
Cố thiện ngô sinh giả,
乃所以善吾死也
nãi sở dĩ thiện ngô tử dã.

và Nhưộng Tổng dịch là:

*Khéo nuôi cái sống của ta
tức là khéo liệu cái chết của ta.*

Nhà phê bình Nam Hoa Kinh Lâm Tây Trọng giải rằng ⁷⁹:

[...] cái mà chân nhân dùng để biết, cái mà chân nhân nuôi dưỡng chẳng phải là cái quên của cõi lòng sao? Duy kỳ lòng đã quên rồi, cứ thế mà suy: từ lòng đến thân; từ thân đến đời; thông với thời; hợp với vật, cũng chẳng qua là thế. Cho nên lòng mà chưa quên, thì việc làm thường gây nên cái tệ hữu tâm: ra gì hạng ấy! Lòng mà biết quên thì ở đời có lắm những tài kiêm tế: chi thiếu trò hay! Lòng của chân nhân không dùng thiên, cho nên trong đó trời với người không bên nào thiên cả. Cái thật là biết của chân nhân là thế, thế nên mới có thể nói rõ về truyện sống, chết ở đời. Sống với chết, cũng như ngày với đêm. Ấy là số mệnh. Ấy là thế tất nhiên.

Nhưộng Tổng bàn rộng thêm, tóm tắt như sau:

Trang Tử bày ra một quan niệm về nhân sinh: vừa nhập thế vừa xuất thế. Nhập thế là xử thế như mọi người, nhưng mà làm đó mà vẫn tiêu dao như không làm, dù cho công trạng kịp tới muôn đời, cũng quên mình không kể tới công danh. Còn xuất thế chẳng phải là truyện ẩn cư tu hành mà vẫn ở trong đời, vẫn gánh vác việc đời. Cùng nhìn quan đó, Sống với chết chỉ là một thế, chẳng qua là sự rất thường, chẳng đáng để lọt vào ‘kho thiêng’.

Xử trong khi xuất, tại một biên trấn, là cảnh trung ẩn, xử trong khi xuất tại đế đô huyện nào là cảnh đại ẩn. Suốt hoạn lộ Nguyễn Du hoặc sống như một trung ẩn khi còn ở cấp huyện cấp phủ; thăng chức vào kinh ông vất vả hơn, sống đời đại ẩn, rồi lại thăng chức làm Cai Bạ Quảng Bình, ông lại có thêm bốn năm vui đời trung ẩn. Cuối cùng là hai năm đi xứ, rồi lại thăng chức và lại phải sống đời đại ẩn rồi mất. Đúng như lời bàn của Nhưộng Tổng cái chết đến với Nguyễn Du rất thường, chỉ là một thế với cái sống. Ông đã suốt một đời khéo nuôi cái sống của ông, thế nên ông đã thực khéo liệu cái chết của ông. Thật đúng như lời sách Nan Hoa Kinh ⁸⁰:

[...] “khối lớn” làm mệt ta bằng sự sống, cho ta rồi bằng tuổi già, để ta nghỉ bằng cái chết.

Cái chết của Nguyễn Du khác với cái chết của nhà vua trong vở kịch Le Roi se Meurt của Ionesco. Nhà vua này chết chưa kịp sống: suốt đời ngài còn phải lo làm vua. Đối mặt với thần chết nhà vua tiếp tục làm vua: ra lệnh cho thần chết phải để cho ngài bắt đầu lại cuộc sống. Thần chết trả lời ngài: “Tàu bệ hạ, quá muộn mất rồi!” ⁸¹.

Cái chết của Nguyễn Du, cái chết của người khéo lo cái sống gợi cho người đọc bài dụ ngôn của Hồng Y Giáo Chủ Richelieu, tóm tắt sơ lược như sau ⁸²:

Je descends le fleuve de ma vie comme si j'étais embarqué sur un esquif léger et fragile. Un jour, je le sais, je déboucherai dans l'océan qui m'engloutira, et ma petite embarcation, renversée et culbutée, me jettera dans la mort. Mais d'ici là, il m'est donné de descendre de tout son long le fleuve de ma vie.

Il y a deux manières de descendre ce fleuve. La première c'est de rester à l'avant de la barque, les yeux facinés par le moment où tout culbutera vers la mort. Je ne pense pas que ceci soit souhaitable.

78. James R. Ware, The saying of Chuang Tzu, ibid. p. 69.

79. Trang Tử Nam Hoa Kinh, bản dịch của Nhưộng Tổng, sách đã dẫn, tr. 143-147.

80. Trang Tử Nam Hoa Kinh, bản dịch của Nhưộng Tổng, sách đã dẫn, tr. 128.

81. Cité par Alain Houziaux, Dix questions simples sur la vie, Albin Michel, Paris 2007, p.229-230.

82. Cité par Alain Houziaux, ibid. p. 231-232.

La deuxième manière, c'est de s'asseoir à l'avant de la barque mais en tournant le dos à la mort qui vient, c'est à dire à l'aval du fleuve vers lequel on descend. Ainsi, adossé à la mort, je regarde la barque qui est là devant mes yeux. Et dans la barque, il y a ceux qui sont embarqués avec moi. Je m'accule à la mort qui vient pour mieux ouvrir les bras au présent de la vie. Et je me hâte de vivre l'essentiel au milieu des futilités.

Cái chết của Nguyễn Du, chép trong sách Chinh Biên Liệt Truyện như sau ⁸³:

Khi sinh sinh phải bệnh nặng, không chịu uống thuốc. Lúc gần mất, sai người sờ tay chầm xem còn nóng hay lạnh. Người nhà nói đã lạnh cả rồi. Tiên sinh nói rằng: được! Nói xong thì mất, không có một lời nào dặn dò đến việc sau.

Chi tiết “bệnh nặng không chịu uống thuốc” cho người đọc thấy là Nguyễn Du muốn có một cái chết an lạc. Điều thứ hai là Nguyễn Du “không có lời nào dặn dò đến việc sau” chứng tỏ rằng ông đã khéo nuôi cái sống để khéo lo liệu cái chết của ông, đúng như lời Trang Tử Nam Hoa Kinh. Đồng thời cho thấy niềm an lạc của Nguyễn Du đã không bị cái chết làm dao động.

Phải chăng điều đó chứng tỏ là Nguyễn Du đã có một cuộc sống an lạc, và một cái chết an lạc? Như vậy, phải chăng ba cuốn thơ Việt Âm, không những chỉ là ba tập nhật ký sâu kín của Nguyễn Du mà còn là ba tập sách cho biết kinh nghiệm của một người đã thành công trong việc tương nhượng và thỏa hiệp với chính mình để đối đầu với cái khổ làm người?

Gom Ý

Tập sách này trình bày trên đây bản dịch sang văn lục bát, 237 bài thơ Việt Âm của Nguyễn Du, và đồng thời trả lời câu hỏi tại sao thơ Nguyễn Du đượm một nét sâu cảm.

Bản dịch mới nói dài công trình của những người đi trước trong việc dịch thơ Việt Âm của Nguyễn Du. Dịch sang văn sáu tám người dịch chủ ý mang thơ Nguyễn Du tới người đọc khác với chủ ý dẫn người đọc tới thơ Nguyễn Du như các bản dịch cũ theo thể thơ Đường.

Phân tích toàn bộ thơ Việt Âm của Nguyễn Du, người đọc không tìm thấy một bài hay một câu cho thấy ý hoài Lê của Nguyễn Du trong thơ. Đồng thời người đọc thơ nhận thấy cả ba tập thơ của Nguyễn Du dường như một tập nhật ký sâu kín của tác giả. Viết nhật ký sâu kín là thói quen của những người sâu cảm đối mặt với cái khổ làm người.

Do đó đọc ba tập thơ Việt Âm của Nguyễn Du như đọc ba tập nhật ký sâu kín, người đọc thấy theo chiều dài trong ngoài hai chục năm, Nguyễn Du đã ghi lại những cái chật hẹp gò bó ông trong cuộc sống, kèm theo những nét thăng hoa, đưa ông tới những giây phút an lạc hiếm hoi. Một cách tổng quát, người đọc nhận thấy ba cuốn thơ Việt Âm của Nguyễn Du như ghi lại những kinh nghiệm của tác giả trong việc tương nhượng và thỏa hiệp với chính ông đứng trước cái khổ làm người. Đó là kinh nghiệm của một người đã đạt tới an lạc trong đời sống, đối mặt với cái khổ làm người. Đó cũng là kinh nghiệm của một người đã khéo liệu cho mình một cái chết an lạc bằng cái khéo sống một đời an lạc.

Cái giá của cuộc sống an lạc cùng cái chết an lạc đó là cố công của Nguyễn Du suốt một đời tu thân theo nề nếp lạc thiên an đạo của nhà Nho, một đời buông danh bỏ lợi của một người sửa mình theo nề nếp đạo Lão hay của một Phật Tử thực thi nếp sống kiệm dục.

Ba tập thơ Việt Âm của Nguyễn Du còn cho thấy ông không nghiêng về bất cứ một đạo nào trong Tam Giáo. Ông đứng vững vàng tại trọng tâm của Tam Giáo. Đề tài của cả ba tập thơ Việt Âm này là cái khổ làm người, đó chính là chủ đề cốt cán của nền văn học chữ nôm của người Việt.

Cái khổ làm người phải chăng là điều Nguyễn Du muốn gửi gắm trong mọi tác phẩm chính của ông, khi ông làm thơ nôm cũng như khi ông làm thơ Việt Âm? Như vậy, phải chăng ba tập thơ Việt Âm và cuốn Đoàn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du là những tác phẩm cùng trong một dòng tư tưởng với những tác phẩm lớn của Văn Học chữ nôm như Cung Oán Ngâm Khúc và Chinh Phụ Ngâm?

⁸³ Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim, Nguyễn Du, Truyện Thúy Kiều, Đại Nam tái bản, tr. X.